

Tác giả: Bùi Văn Cường

Nhà xuất bản: Lao động

Năm xuất bản: 2003

Đoàn xe hối hả vượt qua

Nhớ người chiến sĩ ghé phà đêm nay

Mù trắng như mây

Mù đặc hơn mây

Qua sông chẳng đợi cầu xây, mố kê

Hoa tiêu dẫn ánh đèn xe

Máy reo dẫn lối đi về đêm đêm

K.D

Bùi Văn Cường, tác giả cuốn “Đường ra trận” là chiến sĩ từng bám trụ trên giới tuyến Vĩnh Linh đã có mặt trên chiến trường Quảng Trị, trên địa bàn Bình - Trị - Thiên những năm tháng đạn bom ác liệt, kể lại những gì bản thân anh và đồng đội đã trải nghiệm, đã sống trong những chảo lửa nóng bỏng nhất của ngày hôm qua.

Cuốn sách không dày, nhưng cầm trên tay nghe nóng hổi - cái nóng của chiến trường hơn một phần tư thế kỷ và cái nóng của tâm huyết tác giả gửi vào

trang sách.

“Đường ra trận”, cuốn sách góp phần làm phong phú thêm trang sử anh hùng của công binh nói riêng, loại sách truyền thống về Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung.

Hà Nội, cuối thu năm 2000

Tạ Hữu Yên

(Đại tá nhà thơ, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam)

Kính tặng những người lính

Hà Nội ra đi năm ấy!

Học xong phổ thông cấp I, tôi được lên cấp II. Mười hai tuổi, là cậu học sinh lớp 5, tôi đã thấy mình sắp làm người lớn rồi. Tôi bắt đầu hiểu biết nhiều hơn về đất nước mình, về cuộc sống phố phường diễn ra hàng ngày quanh tôi. Hình ảnh cô giáo trên bục giảng xúc động nhắc đến sự chia cắt đất nước do Mỹ - Diệm gây ra, qua bài thơ “Cầu Hiền Lương”, cứ bám riết trong tôi như một kỷ niệm của thời thơ ấu. Tôi được biết cây cầu nối đôi bờ, ở bờ Bắc có anh bộ đội Cụ Hồ đứng gác, còn bên bờ Nam là lính của Ngụy quyền tay sai trơ tráo đã xé bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết vào năm 1954, phá bỏ tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc. Bọn Mỹ đã đem quân vào miền Nam tiếp sức cho Ngụy quyền Ngô Đình Diệm thực hiện mưu đồ chia cắt lâu dài Việt Nam. Mỹ - Diệm điên cuồng giết hại những người Việt Nam yêu nước. Chiến dịch chống Cộng đầy máu và nước mắt được thực hiện suốt từ mũi Cà Mau đến bờ nam sông Bến Hải. Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai lê máy chém đến khắp thị trấn, thôn làng tàn sát những người Cộng sản, những thân nhân của các cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc... Cô giáo và lũ trò nhỏ chúng tôi đã khóc khi nghe tin Mỹ - Diệm dùng thuốc độc tàn sát cả mấy trăm con người

tại nhà giam Phú Lợi.

Chiến tranh đã lan ra cả miền Bắc. Máy bay Mỹ đánh phá dữ dội nhiều nơi, bắt đầu từ Hàm Rồng, rồi Nghệ An, Hà Nội cùng nhiều mục tiêu trên các tỉnh. Hà Nội có lệnh sơ tán. Nhiều nhà đã khoá trái cửa tản cư về vùng nông thôn. Lẽ dĩ nhiên, các trường cấp II như trường Trung Phụng của tôi cũng đóng cửa. Chúng tôi phải theo gia đình về quê và học tiếp ở đó. Còi báo động thỉnh thoảng lại hú dài, báo hiệu máy bay giặc Mỹ xâm phạm bầu trời Hà Nội. Các hè phố không còn nguyên vẹn nữa. Nơi nào cũng có hầm trú ẩn. Hà Nội đông vui là thế bỗng vắng hằn bóng người. Từng đoàn người rời khỏi phố cũ, nhà xưa, về những nơi an toàn để tránh bom đạn giặc.

Tôi là con trai đầu của gia đình trong thời buổi chiến tranh nên dù còn ít tuổi cũng phải gánh vác việc nhà. Bố mẹ tôi thoát đầu bàn cứ liều nấn ná ở Hà Nội chờ đợi. Nhưng chẳng lẽ người trong phố đi sơ tán cả, cái bến xe Kim Liên xưa kia đông vui là thế, xe đến, xe đi nườm nượp cũng vắng lặng, mình ở lại thì con cái học ở đâu, mà nếu không may, nhỡ xảy ra điều gì thì không những phải ân hận mà còn bị khu phố kiểm điểm, phê bình cho là không nghiêm chỉnh chấp hành Lệnh của Thành phố. Bàn mãi, bố tôi lúc đầu đưa ra ý kiến là gia đình nên về quê Nội ở Thanh Hà - Hải Dương. Nhưng rồi suy đi tính lại, thấy đường đi lại phải qua nhiều điểm nguy hiểm lúc đó đang là trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ như: cầu Long Biên, cầu Phú Lương, đường lại quá xa, nên cuối cùng bố mẹ tôi quyết định đưa cả nhà về quê Ngoại ở Dục Tú - Đông Anh.

Sau mấy ngày thu xếp xong nơi ăn, chốn ở, chúng tôi đem giấy giới thiệu sơ tán của trường Trung Phụng xin học tại xã, các thầy, cô giáo ở trường Dục Tú vui vẻ nhận ngay chúng tôi vào lớp mới.

Những ngày đầu tới sơ tán ở vùng quê Dục Tú, tôi cảm thấy rất buồn. Đêm...

những đêm đen không ánh sáng điện, đứng trên gò cao nhìn về cái quãng sáng bên phía bên kia sông Hồng, tôi thấy nhớ nhà, nhớ bạn đến phát khóc. Hùng... thằng bạn học từ lớp 1 của tôi, bây giờ nó sơ tán về đâu? Không biết các thầy, cô trường Trung Phụng của tôi đi đâu, về đâu? Tôi cố gắng học hành, tuy rằng sinh hoạt của gia đình tôi ở Dục Tú không còn được như trước nữa. Vẫn cơm độn sắn, độn khoai; thịt và đậu phụ hầu như không có. Hàng tháng chỉ một lần, bố tôi kéo kệt đạp xe - vượt cầu Đuống, cầu Long Biên về Hà Nội dồn tất cả phiếu thực phẩm, trong đó quan trọng nhất là phiếu thịt mua một lần mà ăn chỉ vài bữa đã hết. Những ngày còn lại chỉ có dưa muối và cơm chan tương. Dần dần rồi cũng quen đi. Sau giờ học, tôi ra bãi chạy nhảy cùng các bạn mới trong thôn, trong lớp. Tôi làm quen với các anh chị dân quân, thường đi theo họ để xem tập bắn, bố trí trận địa mai phục bắn máy bay Mỹ. Tôi yêu những vành lá nguyệt trang các anh, các chị đeo trên người mỗi khi vào trận đánh tập hoặc đánh thật lúc có tin báo máy bay Mỹ bay qua vùng trời Dục Tú. Trước đây nghe máy bay gầm rú, nghe còi báo động là tôi sợ hãi người đến nỗi nhiều phen bố mẹ tôi phải kéo tôi chui xuống hầm trú ẩn. Từ ngày được các anh, chị dân quân trong đội phòng không xã yêu mến, cho đi theo, tôi mạnh dạn hẳn lên. Mỗi khi có máy bay Mỹ nhào vào bầu trời Hà Nội tôi vẫn nhìn lên, dõi theo những làn đạn quân ta bắn và có lúc đã vỗ tay reo khi thấy những “Con ma”, “Thần sấm” dính đạn của ta bốc cháy đâm chúc đầu xuống đất.

Bữa đói, bữa no ở nơi sơ tán giúp tôi hiểu thế nào là nạn ngoại xâm. Có những đêm mưa rả rích, miền quê thanh vắng trong bóng tối, hai bố con tôi nằm chung giường không ngủ được; bố tôi lại kể cho tôi nghe về những ngày ông theo Cụ Hồ đánh Tây giành độc lập cho dân tộc. Tôi tự hào về bố tôi và cứ đinh ninh một điều: Sau này lớn lên, nhất định, tôi sẽ là bộ đội, sẽ chiến đấu gan dạ như bố.

Như bao đứa trẻ khác, đường học vấn của tôi trong những năm giặc Mỹ đánh phá miền Bắc không được suôn sẻ. Là con lớn trong gia đình, tôi thường phải đạp xe về Hà Nội mua gạo và thực phẩm, vì nếu chậm thì các loại tem phiếu bị hết hạn, bỏ phí đi, các em thiếu cái ăn. Có khi về Hà Nội, lưu luyến từng góc nhà, từng vạt cỏ vàng, từng cây hoa leo bên cửa sổ, tôi dùng dằng không

muốn về nơi sơ tán. Có khi nóng ruột vì nhà vắng hết, sợ đồ đạc ẩm mốc, bố mẹ tôi lại cho tôi nghỉ học về trông nhà vài ba ngày. Đó là chưa kể những việc lặt vặt khác. Do đó, tôi “đúp” liền ba năm lớp 5.

Trong những năm tháng chiến tranh, phong trào tòng quân đánh Mỹ, giải phóng miền Nam dấy lên mạnh mẽ khắp nơi. Hết đợt lấy quân này đến đợt lấy quân khác, thanh niên Hà Nội và ngay ở Dục Tú, quê Ngoại tôi đều hăng hái xung phong đi bộ đội. Tuổi tôi mới mười sáu, tôi giấu bố mẹ, làm đơn xin đi bộ đội. Đơn đầu tiên gửi đi, không được trả lời. Tôi lên Khu đội Hai Bà Trưng hỏi thì cấp trên cho biết tôi chưa đến tuổi, phải chờ đợi. Không nấn ná được, tôi lại làm đơn thứ hai, khẩn khoản xin được chấp nhận cho lên đường vào Nam đánh Mỹ. Tuy học lực chỉ ở trình độ lớp 5, nhưng tôi hay đọc báo, hay nghe tin tức phát trên đài. Nhà Ngoại tôi ở gần một cái loa công cộng, hằng đêm tôi thường cố thức nghe cho đến hết buổi truyền thanh của xã. Tôi biết, Mỹ đã đổ hàng vạn tên, đủ các binh chủng hải lục, không quân vào miền Nam, tiếp sức cho bọn tay sai. Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam đã ra đời. Phong trào đồng khởi đã dấy lên trên khắp dải đất có bộ máy đàn áp của chúng. Quân ta đã đánh nhiều trận vang dội miền Trung, miền Đông và Tây Nam Bộ... làm nức lòng nhân dân cả nước.

Những tin tức phấn khởi đó càng thúc giục tôi lên đường. Tôi đành phải thú thật với bố tôi để mong được ông giúp đỡ.

- Ngày xưa, thực dân Pháp xâm chiếm nước ta bố còn trẻ đã theo Bác Hồ kháng chiến. Nay con cũng đã lớn rồi. Con muốn noi theo đường đi của bố. Vậy mà con gửi lên Khu đội, người ta bắt con phải chờ. Bố thương con, bố lên Khu đội xin cho con một lời.

Bố tôi bảo:

- Bố không ngăn con lên đường đánh giặc. Song tuổi con chưa đủ. Người ta bảo đợi thì đợi. Vội gì.

- Thời cơ này không bỏ lỡ được. Mỹ - Nguy sắp thua rồi. Không có mặt trong trận chiến cuối cùng này thì con hổ thẹn lắm, bố ạ.

Mẹ tôi rất thương tôi. Bản thân bà đã qua những năm tháng xa chồng, lam lũ nuôi con với bao lo lắng, phấp phỏng chờ đợi, vì chiến tranh, lửa đạn. Do đó, nghe hai bố con tôi bàn bạc, bà lớn tiếng can ngăn.

- Thăng Cường nó là con đầu. Tôi không cho nó đi đâu cả.

Dù sao, bố tôi vẫn là người hiếu tôi nhất và chiều ý con. Bố tôi đã cùng tôi lên Khu đội, tha thiết xin cho tôi được sớm ra chiến trường. Cấp trên khuyên bố con tôi cứ về nhà, làm ăn bình thường, tôi vẫn phải chăm chỉ học hành, có dịp Khu đội sẽ gọi.

Từ hôm đó, tôi không về nơi sơ tán của gia đình tôi ở Dục Tú nữa. Tôi ở lại Hà Nội trông nhà. Một chiều, tôi thấy Hùng - bạn thân từ thuở nhỏ của tôi lang thang ngoài bến xe Kim Liên. Hai đứa gặp nhau mừng không thể tả. Thì ra, Hùng cũng phải sơ tán theo gia đình về quê. Hùng nhớ Hà Nội nên cũng giống tôi, xin bố mẹ cho về phố coi nhà. Tôi nói với Hùng rằng tôi muốn đi bộ đội, đã làm hai lá đơn, cả bố tôi lên Khu đội xin mà cũng chưa được giấy gọi. Hùng ôm lấy tôi reo lên:

- Thế thì mày giống tao. Thấy người ta lên đường, tao cũng muốn lắm. Tao đã làm đơn mà Khu đội trả lại vì chưa đến tuổi.

Tôi hỏi:

- Thế mày khai bao nhiêu?

- Tính ra, chưa đến mười sáu.

Tôi cười bảo:

- Trách gì... mày còn kém tuổi tao. Tao mười sáu người ta còn chưa nhận, huống hồ mày.

Hùng cương quyết:

- Dù sao tao cũng quyết tâm đi bộ đội cho được. Mày đã học lịch sử thì biết đấy. Trần Quốc Toản mới chưa đầy mười lăm đã biết đánh giặc. Mình đã mười sáu rồi.

Sau lần gặp đó, chúng tôi bên nhau. Hai đứa thối cơm ăn chung rồi nằm lăn ra đọc truyện. Vậy là cùng ở nơi sơ tán về chúng tôi đã bỏ học. Thỉnh thoảng ghé vào thăm trường cũ, ngôi trường Trung Phụng nhỏ bé nhưng xinh xắn của chúng tôi. Cây phượng vĩ ở sân trường mùa hạ này vẫn nở hoa đỏ rực. Đâu đó tiếng ve kêu gieo vào chúng tôi nỗi buồn khó tả. Sân trường đầy cỏ mọc. Những lớp học cửa khoá, then cài. Chỗ chúng tôi hay đá bóng, đánh cầu

nay đã nhường chỗ cho những hầm trú ẩn. Những dãy hầm chữ chi xây bằng gạch trên có nắp đậy bằng những tảng xi măng cốt thép đúc sẵn, phủ đầy đất lên trên. Cảnh trường cũ thật buồn, nhớ các thầy, các cô đôi khi chúng tôi ôm nhau khóc.

Tháng Giêng năm 1972. Đã sang năm mới dương lịch và cũng gần đến Tết ta rồi. Tôi đang hí hửng mừng vì nghe nói Tết này gia đình về Hà Nội ăn tết thì nhận được giấy gọi nhập ngũ. Thắng Hùng tiu nghỉu, nói:

- Thế là mày hơn tao. Mày đi rồi, tao chẳng còn ai là bạn ở cái phố Kim Liên này. Thôi được rồi. Tao gắng đợi. Mày cho tao biết ngày giờ tập trung, tao sẽ đi tiễn mày.

Thấy tôi mừng quính với giấy gọi nhập ngũ trong tay, nó vớt vát:

- Mày đừng có vênh vang làm bộ với tao. Thế nào tao cũng gặp mày ngoài chiến trường. Cứ tin như vậy.

Tôi bấm đốt ngón tay nhằm tính thấy chỉ còn vài ngày nữa là phải có mặt nơi nhận quân. Tôi báo cho Hùng biết và tranh thủ đến mấy nhà họ hàng chào ông chú, bà bác trước lúc lên đường. Vài thứ cần dùng đã để sẵn trong túi xách, tôi đến trường cũ nhìn lại nơi mình đã học mấy năm trời. Tôi lại ra đầu phố nhìn lại những gì đã gắn bó suốt cả tuổi thơ ấu. Từ nhà tôi ra cái rào chắn xe lửa đi qua đầu phố Khâm Thiên rất gần. Tôi ngắm những hàng cây bàng đã trút lá chỉ còn trơ thân cành, tôi chợt nghĩ đến mùa xuân, tưởng như thân cành ấy đang ủ nhựa để rồi mai này xoè những búp non xanh mướt. Trời đất hình như đang ấm dần. Nhiều nhà trong phố vẫn đi sơ tán chưa về, cửa nhà còn khoá kỹ. Phố vắng quá. Mỗi chuyến tàu điện từ ngã Cửa Nam nhảy về

Vọng, tiếng chuông leng keng, chỉ có mười người khách...

Biết tin tôi sắp lên đường nhập ngũ, bố mẹ tôi và các em từ Dục Tú trở về Hà Nội thu xếp hành trang cho tôi. Tôi tình cờ nghe được bố tôi dặn mẹ tôi:

- Con nó đang phấn khởi, đang hăng hái, bà phải vui vẻ cho nó yên tâm đánh giặc, đừng làm nó phân tâm. Ta phải làm vài mâm cơm mời bà con dân phố và mấy nhà quen thân để tiễn chân nó.

Cả đất nước sôi sục bước vào giai đoạn quyết liệt giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Theo giấy gọi, chúng tôi có mặt tại trường Đại học bách khoa đúng 7 giờ sáng. Hùng cũng theo đi tiễn tôi. Không ngờ khi Khu đội đọc tên từng người có giấy gọi, nhắc đi nhắc lại đến ba lần tên một tân binh là Trần Văn Hùng mà chẳng thấy ai đứng lên. Tôi bấm nhẹ tay Hùng: “Mày lên nhận bég đi”. Thế là Hùng đứng lên đồng dạc: “Có tôi (Về sau tôi mới biết chuyện Hùng dám nhận tên dùng khác là mình để vào bộ đội đã làm Khu đội phải tra cứu hồ sơ mãi. Cũng may, vì bố Hùng làm ở Ban bảo vệ dân phố, thành phần gia đình trong sạch nên không có vấn đề gì. Hơn nữa Hùng cũng có đơn xung phong đi bộ đội). Thế là hai chúng tôi sát cánh bên nhau cùng lên xe về tập kết tại thôn Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Bố tôi và mấy đứa em cũng theo đoàn tân binh về tận đấy. Tôi nhớ mãi lời bố căn dặn:

- Đã có gan xung phong đi bộ đội thì phải cố gắng hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Lúc chia tay tôi thấy lòng xốn xang, nhưng vẫn làm ra vẻ bình thường, nắm tay bố, tươi cười:

- Bố ạ, thế là con toại nguyện rồi. Bố đừng lo gì về con, mong bố mẹ và các

em khoẻ. Con sẽ luôn viết thư về nhà.

Tôi xoa đầu các em căn dặn ở nhà phải chăm sóc bố mẹ và cố gắng học hành. Đêm đó, tôi và Hùng nằm ngủ bên nhau, chỉ chợp mắt được một lúc rồi không sao ngủ được, phần vì lạ chỗ, phần vì lần đầu xa nhà. Tuy nhiên, tôi với Hùng đều rất vui vì Hùng đạt được ý nguyện mà bạn mơ ước tưởng như không bao giờ đạt được. Hai đứa cứ khúc khích cười.

Đêm đó tôi đã thành nhà thơ của chính mình. Tôi viết:

Chào Hà Nội chúng tôi đi

Tôi nhớ mãi tháng giêng năm ấy: 1972.

Lũ học trò tuổi đôi mươi

Xung phong đi đánh Mỹ

Xếp bút nghiên, nguyện làm chiến sỹ

Gửi lại quê nhà, ước vọng thanh xuân

Gửi lại mái trường, bè bạn mến thân

Mỗi kỷ niệm như một lời nhắn nhủ

Hãy đến những nơi súng nổ.

Giữ lấy không rời từng tấc đất cha ông.

Hậu phương xa canh cánh bên lòng

Chúng tôi đi cho ngày chiến thắng.

Gần sáng, đơn vị được lệnh hành quân ra ga Văn Điển. Máy toa đầu dành cho tân binh đã chờ sẵn, chúng tôi được lệnh lên tàu.

Đến trưa thì tàu đến ga Ghềnh, một ga nhỏ gần nông trường Đồng Giao, cách thị xã Ninh Bình khoảng 10 kilômét về phía nam. Chúng tôi xuống tàu rồi mài miết hành quân trên con đường đất đỏ về lối Nho Quan.

Từ đây bắt đầu cuộc đời quân ngũ của tôi. Đeo chiếc ba lô bên trong có mấy tấm áo quần, vài cân gạo, bốn, năm củ xu hào, tôi thấy như cả một gánh nặng đè trên vai. Lại thêm đôi dép cao su đế dày, quai sắc như cứa rách cả đôi chân. Vừa đi vừa lau mồ hôi, đến chập chiều chúng tôi cũng vào đến Rịa. Nghe nói con đường này là con đường chiến lược, nối liền Nho Quan với mấy huyện phía Tây tỉnh Thanh Hoá. Từ Rịa vào thành Nhà Hồ chưa đầy mười kilômét, thời kháng chiến chống Pháp dân công các tỉnh Thanh - Nghệ đưa gạo muối tiếp tế cho Chiến trường Điện Biên Phủ và Việt Bắc, đều qua con đường này.

Các đồng chí nuôi quân đi tiền trạm đã cùng dân làng chuẩn bị cho chúng tôi bữa cơm tối. Cơm độn ngô đỏ, thức ăn là thịt rang mặn, canh su hào. Sau một ngày hành quân vất vả, tôi và Hùng ăn lấy lệ vì quá mệt, quên cả đói. Chúng tôi tranh thủ tìm chỗ nghỉ.

Tại Rịa, đơn vị phải bỏ ra mấy ngày đi chặt tre, nứa, về làm nhà, chỗ ăn chỗ ở. Dừng xong lán, chúng tôi lên lớp học chính trị, tiếp đó là những ngày ra thao trường luyện tập...

Mới đó mà đã đến Tết Nguyên Đán. Thấy dân làng đi chơi, sắm tết, mọi người hồ hởi đón mừng năm mới, cánh lính Hà Nội chạnh lòng nhớ nhà da

diết. Năm nào cũng vậy, khi còn ở nhà, vào những ngày cuối năm như thế này, dù ở nơi sơ tán hay ở Hà Nội, bao giờ chúng tôi cũng được bố mẹ cho tiền đi sắm đồ tết: bộ quần áo mới, đôi giày. Bữa cơm cuối năm, lễ cúng tổ tiên, ông bà đêm giao thừa, tiếng pháo nổ giòn tan tạo nên bầu không khí ấm êm của gia đình. Những nền nếp đó đến nay tôi hiểu là đã giúp tôi nên người. Nay thì xa xôi quá đi rồi. Những đứa con lần đầu xa nhà khi tết đến sao thấy lòng băng khuâng đến kỳ lạ. Dẫu sao cũng bấm bụng chịu. Hàng ngày phải gồng hết sức mình làm tròn các nhiệm vụ đơn vị giao cho và chịu khó tập luyện. Dẫu sao thì người lính mới cũng được an ủi nhờ sự đùm bọc của nhân dân trong vùng. Mừng một Tết, bà con gánh bánh chưng hoa quả đến tặng bộ đội ăn tết. Rồi chính quyền, đoàn thể địa phương đến chúc Tết. Chúng tôi hoà mình vào khung cảnh Tết của làng quê, cũng phần nào vơi đi được nỗi nhớ nhà.

Sáng mừng hai Tết, toàn đơn vị được lệnh ăn mặc chỉnh tề hành quân ra Đồng Giao để đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ Hà Nội vào chúc Tết bộ đội. Trong nắng ấm mùa xuân, giữa vùng núi non hiểm trở, Đại tướng đứng trên đồi cao nói chuyện với anh em. Đại tướng điểm tình hình thời sự, nhắc đến những thắng lợi vang dội của nhân dân ta trên chiến trường miền Nam, cái thế đi lên của dân tộc và căn dặn anh em tranh thủ thời cơ để đánh giặc mạnh hơn nữa cho Mỹ cút Ngụy nhào. Đại tướng giao nhiệm vụ: bộ đội phải tích cực học tập, rèn luyện tốt để sẵn sàng vào chiến trường đánh giặc, đáp lại lòng mong mỏi của tiền tuyến đối với hậu phương. Rồi Đại tướng xuống từng đơn vị thân mật chia quà cho anh em.

Có đi xa mới thấy hết vẻ hùng vĩ của đất nước. Sau khi Đại tướng ra về, trong giờ nghỉ giải lao bên quán nước ven đường, hỏi chuyện đồng bào địa phương mới biết nơi Đại tướng đứng nói chuyện với chúng tôi là một thắng cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng của Việt Nam. Nơi đây, hơn hai trăm năm về trước là nơi ém quân của Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm, khi hơn hai mươi vạn quân nhà Thanh được Lê Chiêu Thống cầu viện kéo sang xâm lăng nước ta dưới chiêu bài giúp Lê Chiêu Thống đánh lại quân Tây Sơn. Theo mưu kế của Ngô Thời Nhiệm, tướng Ngô Văn Sở tạm thời đưa binh sĩ vào đóng quân tại Đồng Giao, có nghĩa là cho bọn quân Thanh ngủ nhờ ít đêm tại Thăng Long, và đội quân Tây Sơn do Quang Trung chỉ huy kéo từ Thuận Hoá ra rồi

hội quân thần tốc tiến về Thăng Long. Mùa xuân năm ấy, khi vua Quang Trung ra đến Đồng Giao lệnh cho quân sĩ ăn Tết trước, rồi trùng trùng kéo về Thăng Long. Bọn giặc Thanh trở tay không kịp. Xác chúng chết ngổn ngang ở Ngọc Hồi, ở gò Đống Đa. Và đúng ngày mừng 5 Tết, Thăng Long trở về ta nguyên vẹn, trong khi Lê Chiêu Thống phải chạy theo bọn tàn quân nhà Thanh.

Tôi ngắm mãi cảnh sắc Đồng Giao. Phía xa xa kia là đèo Ba Dội thường gọi là Tam Điệp, ba ngọn đồi trên đường thiên lý Bắc - Nam, ngày trước từ “đàng ngoài” đi vào “đàng trong”, khi chưa có đường 1A, khách bộ hành đều phải đi qua đó. Thì ra, bài thơ “Một đèo, một đèo, lại một đèo, khen ai khéo tạo cảnh cheo leo...” của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương viết về đèo Ba Dội là thế, nay tôi mới hiểu hết. Những núi đá quanh vùng còn để lại bao nhiêu là sự tích. Kia là núi Chong Đền, tục truyền khi quân Tây Sơn đóng ở đây, trên núi có chong đèn hiệu. Kia là núi Vương Ngự tức là núi Vua Quang Trung ở đó bàn việc quân với các tướng, kia là Kẽm Đói, khu núi đá hể quân đứng chập là tính vừa một đạo binh. Rồi có núi Cờ, núi Voi là núi khi xuất quân, Vua và các tướng làm lễ tế trời đất, tế cờ.

Biết chúng tôi từ Rịa về để nghe Đại tướng chúc tết, Ban Giám đốc nông trường Đồng Giao cho đem dưa đến tặng. Dưa Đồng Giao rất ngọt. Nghe nói trước đây Đồng Giao chỉ nuôi bò đàn và trồng cà phê, nhưng cây cà phê không cho nhiều lãi. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, nông trường đã trồng dưa, Liên Xô giúp nông trường xây dựng một nhà máy lạnh. Dưa thu hoạch, đưa vào nhà máy này, rồi xuất khẩu sang Liên Xô, được bán rất ưa chuộng. Từ đó nông trường ngày càng phát triển. Đồng Giao xưa là nơi nước độc, rừng thiêng với câu ca dao:

“Ai ơi chớ đến Đồng Giao

Má hồng để lại, xanh xao mang về”

Vì nước nơi này độc, lắm muỗi rừng gây nên bệnh sốt rét, bụng báng nên mới có câu ca dao đó. Khi chúng tôi đến Đồng Giao thì nơi đây đã là một nông trường lớn. Suốt hai bên đường, từ Đồng Giao vào gần Bím Sơn đã là thị trấn Tam Điệp với nhiều ngôi nhà đẹp, có trường học, sân vận động, nhiều cửa hàng, cửa hiệu...

Sau Tết Nguyên đán, một lần nữa đơn vị tôi lại chuyển ngược quân về đoàn 1506 tại Trung Hà (Sơn Tây). Tôi và Hùng cùng trở thành chiến sĩ công binh.

Trước khi được điều về binh chủng này, cấp trên có hỏi nguyện vọng của tôi:

- Nghiệp vụ của chiến sĩ công binh rất nguy hiểm. Phải học rà, phá bom mìn. Phải tập bắc cầu cho xe ta qua sông. Phải biết đánh bộc phá... Đồng chí có quyết tâm vào binh chủng công binh không?

Tôi trả lời dứt khoát:

- Báo cáo Chỉ huy, tôi sẵn sàng.

Tôi tự hào được gia nhập binh chủng công binh của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Thủ trưởng trung đoàn đã nói với chúng tôi về truyền thống của binh chủng. Trong đôi mắt trẻ và trong trái tim, chúng tôi ngưỡng mộ và xiết bao tự hào khi nghe những chuyện chiến đấu hào hùng đến kỳ lạ của binh chủng này.

Đó là những ngày giữa tháng 1 năm 1951, phiên hiệu Trung đoàn 151 ra đời. Chỉ trong vòng 6 tháng, Trung đoàn đã tham gia ba chiến dịch lớn: Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung. Với hai Tiểu đoàn 333 và 444, sau chiến dịch Quang Trung được bổ sung thêm quân, trung đoàn có thêm một tiểu đoàn nữa là Tiểu đoàn 555.

Tiểu đoàn 555 có những đại đội đã có mặt tại Mặt trận Tây Bắc, tại Đại đoàn 304 và có những đồng chí được rút từ các công xưởng cơ quan Bộ Tổng tư lệnh về. Tiểu đoàn này có kỹ sư cầu đường - đồng chí Nguyễn Đình Năm - là tiểu đoàn trưởng và đồng chí Tô Hoàn vừa tốt nghiệp Trường sĩ quan lục quân ra. Ngày đầu, tiểu đoàn đóng quân tại Đuan Hùng (Phú Thọ) bên dòng sông Thao tập làm cầu gỗ. Tài liệu để huấn luyện chiến sĩ không có, cán bộ chỉ qua sự hiểu biết của mình và trí nhớ để hướng dẫn anh em tập. Chỉ với hai bàn tay của người chiến sĩ, gỗ trên rừng, dây mây, dây tre dưới suối bện lại thật chắc; gỗ được cưa, đẽo thành cọc, thành vồ, thành những dụng cụ để bắc cầu gỗ.

Tháng 11 - 1951, Pháp đánh lên Hoà Bình. Công binh tham gia chiến dịch. Sau gần một tháng bị tiến công, chúng co về cố thủ ngay tại thị xã nơi có những ngôi nhà xây kiên cố. Tiểu đoàn 555 hành quân trên đường Đồn Vàng, sửa đường bắc cầu cho xe pháo ta đi đánh trận. Mùa đông trên rừng trời rét buốt. Chiến sĩ công binh không ngại gian khó đã bắc ba cầu gỗ, làm phà qua sông Thao ở bến Gia Dụ, khiến quân Pháp bị bao vây phải bỏ Hoà Bình tháo chạy. Chiến dịch kết thúc. Chiến công đầu của Công binh mà Tiểu đoàn 555 có mặt, đã góp vào thành tích chung của Trung đoàn 151 tại Hoà Bình. Ngoài ra, tiểu đoàn 555 còn thu được hai mươi xưởng gỗ, 5 máy đẩy. Đây là phương tiện hành nghề đầu tiên của Công binh Việt Nam.

Sau chiến dịch Tây Bắc, Công binh Việt Nam phục vụ chiến dịch Thượng Lào, mở rộng vùng giải phóng liên hoan Tây Bắc và Thượng Lào, làm bến phà tại suối Rút trên sông Đà. Rồi lên Mộc Châu sang Lào làm bến phà Sộp bao, qua sông Mã. Phà này dùng các phao thuyền gỗ, lấy tre ván gỗ xẻ làm

dầm, lấy dây mây chằng. Đây là chiếc phà ghép bằng phao thuyền đầu tiên của Công binh Việt Nam.

Tuổi thơ chúng tôi vốn sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng qua cầu Long Biên nhìn xuống sông Hồng, tưởng chỉ là thơ với mộng. Bây giờ, trong hàng ngũ công binh, nghe Thủ trưởng kể về sông nước, về Công binh những ngày đánh Pháp, tôi mới thấy hết cái vĩ đại của cuộc trường kỳ kháng chiến và cái dữ dằn của sông nước mà Công binh phải vật lộn. Trên sông Hồng, đoạn Lao Cai về Yên Bái có biết bao thác ghềnh. Nào thác Cối Xay, nào thác Điện Khùng, Ba Hồn, thác Loạn... Công binh phải dùng thuyền và bè tre nửa để chở pháo đã tháo rời và phải đóng bè chở đá cho trôi xuôi dòng đi trước để thăm dò luồng lạch. Kiên trì suốt một tháng ròng rã, cứ xong một chuyến xuôi bè, chiến sĩ lại đi bộ ngược lên để chuyển tiếp chuyển sau. Bè về đến bến Âu Lô, xe pháo lại được nhanh chóng lắp ráp lại để về nơi tập kết vào chiến dịch.

Chiến dịch Thượng Lào kết thúc, Công binh Tiểu đoàn 555 của Trung đoàn 151 hướng lên Tây Bắc. Quân ta đánh địch trên ba hướng: Tây Bắc - Tây Nguyên - Trung Lào. Đã vào tháng 9-1953, cánh Công binh hành quân từ Phú Thọ đến bến đò Tạ Khoa là nơi các chiến sĩ phải bắc cầu phao để nối đường 13 vào đường 41 từ Hoà Bình đi Lai Châu. Chỉ trong ba đêm cầu phao qua sông Đà Bắc ở Tạ Khoa đã xong, đưa đại đoàn 308 tiến lên Lai Châu. Điện Biên Phủ lúc này đã thành lập đoàn cứ điểm của quân Pháp hòng ngăn quân ta giải phóng hoàn toàn Tây Bắc. Công binh ta mở đường trong gian khổ, phá đá, đào đất, bắc cầu dưới bom đạn địch... Đường mở đến đâu, xe pháo vào đến đó. Đêm, Công binh giúp bộ binh quay tời kéo pháo vào trận địa; ngày, Công binh nguy trang kín đường, che pháo, che người. Pháo vào trận rồi nhưng lại có lệnh đưa pháo ra vì trên thay đổi phương châm từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Việc đưa pháo ra cũng không kém phần nguy hiểm và khó khăn như kéo pháo vào, nhưng “quân lệnh như sơn”, phải chấp hành triệt để. Ăn tết Giáp Ngọ (1954) trên trận tuyến xong, Công binh lại mở đường đưa pháo vào vị trí mới để sẵn sàng trút bão lửa xuống tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Trong khi Tiểu đoàn 555 mở đường kéo pháo thì Trung đội Công binh 51 đi phá thác trên sông Nậm Na. Con sông chảy từ biên giới Việt – Trung về thị xã Lai Châu dài 70km, với hơn trăm con thác lớn nhỏ. Trước đó ta đã chở gạo trên sông này, mất hàng trăm mủng bị vỡ ở dọc đường. Công binh đã phải dùng thuốc nổ để phá thác. Những thác nguy hiểm như Chiềng Nứa, Bằng Căng cuối cùng cũng bị Công binh chinh phục. Sông Nậm Na trở nên hiền hoà giúp ta chở gạo nuôi quân và dân công. Cũng ở sông Nậm Na này, Công binh đã có chiến sĩ Phan Tư trở thành anh hùng phá thác.

Chúng tôi học những bài học về Điện Biên, hát bài hát Điện Biên ở trường, nay vào binh chủng Công binh được nghe về truyền thống của Công binh trên mặt trận Điện Biên Phủ, càng thấy náo nức, tự hào với truyền thống “mở đường thắng lợi của Binh chủng Công binh Việt Nam”, lòng nhủ lòng phải cố gắng xứng đáng với bao người đi trước.

Một buổi tập thao tác trên sông ở đoạn Trung Hà, lúc chiến sĩ đang nghỉ giải lao, đồng chí Chính trị viên của chúng tôi hỏi anh em:

- Các đồng chí có muốn nghe chuyện Bác Hồ với Công binh không?

Chúng tôi sung sướng đồng thanh:

- Có! Có!

Đồng chí kể:

- Năm 1965, máy bay Mỹ bắt đầu đánh phá miền Bắc nước ta, và trước hết là đánh hỏng tất cả các cầu lớn trên các con đường chính của đất nước. Công binh ta, với những bộ cầu phà quân sự đã nhanh chóng ứng cứu các bến, giữ vững mạch máu giao thông, phục vụ lực lượng phòng không cơ động đánh địch, góp phần giữ ổn định kinh tế xã hội.

- Tháng 1-1966 Công binh đang diễn tập bắc cầu phao 16 tấn qua sông Hồng ở hạ lưu cầu Long Biên. Trời tối dần, dưới ánh trăng mờ, khi cầu đã bắc xong thì nghe tin có phái đoàn đến thăm. Đoàn có Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cán bộ binh chủng đi cùng Đoàn. Trăng mờ, có người cầm đèn măng sông soi lối cho Đoàn đi. Đến gần Tiểu đoàn I, bộ đội ta thấy Bác, mừng quá và đến quanh Bác. Bác hỏi thăm sức khoẻ của các chiến sĩ. Bác hỏi có mệt không? Tất cả đều trả lời khoẻ và không mệt. Bác biết rõ việc Công binh đã làm từ hôm trước. Bác nói “ngày hôm qua, các chú tiến bộ một ít, ngày hôm nay tiến bộ thêm một ít, ngày hôm nay làm hết 5 phút, ngày mai rút xuống còn 3 phút, 2 phút rồi 1 phút, mỗi ngày tiến lên một tý. Không được phép dừng lại - Bác ngừng một chút rồi lại nói tiếp - Thời gian bắc cầu, các chú đạt như thế là tốt cần phải tích cực rèn luyện tính tự giác, tính kỷ luật cao để xây dựng quân đội hùng mạnh, nhanh chóng đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược”. Sau cùng, Bác chúc toàn bộ cán bộ chiến sĩ khoẻ mạnh vui vẻ và không ngừng tiến bộ.

Đồng chí Chính trị viên còn kể cho chúng tôi nghe về những việc Công binh đã làm khi bước vào những ngày đánh Mỹ. Tại bến Chèm, Công binh đã phối hợp với Sở giao thông Vận tải Hà Nội diễn tập bắc cầu phao dài 2000 mét qua sông Hồng. Cuối tháng 6 năm 1967, cầu Long Biên bị đánh hỏng mấy nhịp, Công binh được lệnh phải bảo đảm giao thông qua sông Hồng. Suốt 17 ngày đêm, việc đi lại qua phà ở bến Chèm và Khuyến Lương đều được thông suốt. Mỗi bến có ba phà, hai làn xe, đảm bảo cho hàng vạn xe cơ giới và thô sơ qua sông.

Chúng tôi bảo nhau cố học tập thật tốt. Ở binh chủng này, nếu không học tốt,

chênh mảng, khi ra thực hành sẽ phải trả giá rất đắt đôi khi không chỉ bằng cuộc sống của riêng mình mà còn của nhiều đồng đội khác. Khi đơn vị bước vào đánh bọc phá và bắn đạn thật, tôi hy vọng đợt này mình bắn và thực hành tốt, nhất định Chỉ huy sẽ thưởng cho về phép thăm gia đình. Nhưng niềm vui chưa đến thì đơn vị lại chuyển quân. Chúng tôi đi chia tay với nhân dân địa phương với những làng quê - nơi đã đùm bọc chúng tôi trong những ngày học tập. Bà con lưu luyến tiễn chúng tôi, chúc mọi người hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi và mấy người bạn, tranh thủ lên thăm lại bãi tập, nơi hàng ngày đã gắn bó với chúng tôi qua các bài tập, tháo gỡ bom mìn, do các giảng viên đã chỉ dạy. Kia chiếc lô cốt cũ, dấu tích chiến tranh của bọn thực dân để lại, nó đã được dùng làm vật cản cho chiến sĩ chúng tôi thực hành bài tập đánh bọc phá (cửa mở). Ở đây, mọi người thường hay gọi cái lô cốt đó là bốt tòng.

Rồi chúng tôi chia tay nhau, chúc các đồng chí “cán bộ khung” ở lại huấn luyện thêm nhiều chiến sĩ Công binh giỏi cho chiến trường góp phần vào công cuộc giải phóng miền Nam - thống nhất Tổ quốc.

Anh em lên xe cùng nhau hát vang bài hát: “Vì nhân dân quên mình”.

Chúng tôi được giao sang một đơn vị bạn từ mạn trong ra quản lý. Đám tân binh chia thành từng Trung đội, mỗi Trung đội lên một xe. Đủ số, xe rồ máy đi luôn. Đoàn xe xuất phát từ Trung Hà, được nguy trang kín mít. Đoàn xe chạy trên quốc lộ 32. Ngồi trên xe, chúng tôi biết mình đang sắp qua Hà Nội. Vào đêm, dưới ánh đèn điện, tôi nhận ra mình đã qua ga Văn Điển. Anh em không biết mình đi đâu, cánh lính Hà Nội gặp ai cũng nhờ gửi thư về gia đình và bè bạn, thư không kịp cả dán tem, xe chạy nhanh anh em phải ném thư xuống đường mong những người nhặt được sẽ chuyển giúp đến gia đình.

Sau này khi giải phóng hoàn toàn miền Nam chúng tôi rất ngạc nhiên vì

những lá thư đó đều đến tay người nhận. Có những lá thư phải đi đến nửa vòng trái đất mới đến địa chỉ người nhận là bạn bè, người thân đang học tập ở nước ngoài. Chúng tôi vô cùng cảm động trước những tấm lòng của người dân ngày đó đã lặng lẽ chia xẻ, giúp đỡ những người con của Hà Nội đang trên đường ra trận. Và trong số đó có những người con, người em của họ với những bức thư đó là những dòng chữ cuối cùng được gửi tới những người thân. Biết là chuyến này đi xa, có thể đang trên đường vào chiến trường, lòng tôi vô cùng bồn chồn. Và bây giờ mới thật nhớ nhà, nhớ bố mẹ và các em. Ôi, ga Văn Điển... cái ga ngày nào tôi lên tàu đi vào Rịa, cái ga rất gần con đường về nhà. Kể từ ngày tôi lên tàu, từ ga này tôi bước vào cuộc đời chiến sĩ. Cái ga gợi lên bao kỷ niệm. Tôi ngồi trên xe, gục đầu xuống đùi cứ nhớ mung lung. Rồi thiu thiu ngủ lúc nào tôi cũng không biết. Gần trưa, đến Thanh Hoá, đoàn xe đỗ lại. Chúng tôi được xuống ăn lương khô và nghỉ chừng nửa giờ, rồi lại được lệnh lên xe đi tiếp. Khoảng chiều tối, đoàn xe qua Vinh. Thành phố đẹp là thế, nay sau những trận bom cày, đạn sỏi trở nên hoang tàn, vắng vẻ. Nhiều trường học, nhà cửa bị bom Mỹ phá sập. Nghỉ lại khoảng nửa giờ uống nước tại một làng trên đường số 7 cách Vinh chừng vài kilômét, đoàn chúng tôi lại lên đường, ngược về phía Tây. Đây là con đường Vinh lên Nam Đàn, qua làng Kim Liên quê Bác Hồ. Xe chạy gần hai mươi kilômét nữa thì đổ quân xuống bờ sông Lam thuộc huyện Thanh Chương. Chúng tôi vào một làng cạnh sân vận động nghỉ tại nhà dân. Hôm sau chúng tôi mới biết đây là Rộ. Tôi có thuộc đôi câu thơ của nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn; trong đó có những vần thơ ông viết về Rộ:

Quê ta ngọt mía Nam Đàn

Bùi khoai chợ Rộ, thơm cam xã Đoài

Nghĩa là chúng tôi đang đóng quân trên đất cách mạng với những cuộc khởi nghĩa của nông dân Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Bà con ở đây nghèo nhưng thương yêu bộ đội vô bờ bến. Sáng nào chúng tôi cũng được bà con mời ăn khoai lang luộc và uống nước chè chat. Đêm đêm nằm bên bờ nghe tiếng hò xú Nghệ từ dưới những con đò xuôi ngược trên sông Lam vắng tới tôi chợt nhận ra cái quý giá của niềm vui thanh bình đang hoà quyện trong tình quân dân:

Nước sông Lam vừa trong vừa mát

Thương người đi đánh giặc, em múc bát nác (nước) mời anh

Tình cảm của bà con Rộ đối với đám công binh chúng tôi thật là nồng thắm. Ở đây, ban ngày chúng tôi ra sông tập ghép cầu phao và phà. Tối đến, sau giờ sinh hoạt, lại ngồi nghe các “cô” kể chuyện đấu tranh chống địa chủ, phong kiến và thực dân Pháp ngày xưa. Tại Rộ đây, thời Pháp có dinh của Tri huyện Thanh Chương. Năm 1930-1931 phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bùng nổ bà con đã phá đồn điền Ký Viễn gần đó, phá kho thóc chia cho dân nghèo. Thực dân Pháp đem lính về đàn áp bắn vào dân cày. Nhiều người ngã xuống, nhưng tiếng hát: “... Cho thế giới đại đồng, tiến lên quân Hồng” còn vang mãi đến ngày nay. Tôi đam nghiện chè chát Thanh Chương. Hoá ra, thứ nước chè màu vàng như mật ong, đặc sánh, chiến sĩ ta uống thấy mát người, thêm khoẻ ra, theo bậc già cả trong làng cho biết, mỗi buổi sáng, trước khi vác cày và lừa bò ra đồng (ở đây bà con thường đi cày bằng bò, không cày bằng trâu), ăn một củ khoai Rộ, uống một bát nước chè chát thì no đến tận trưa. Lốp lính trẻ chúng tôi ăn khoẻ như Chư Bát Giới, ngô bẻ ngoài bãi sông Lam luộc chín, bấp to bằng cổ tay, mỗi cậu chén đến mười bấp chưa biết no. Gạo, cơm lúc này có tiêu chuẩn, rau xanh ở đây rất hiếm với cường độ máy bay Mỹ đánh phá như thế này thì rau cũng chả mọc kịp. Vậy mà mỗi bữa ăn cánh lính chúng tôi đều được bà con Thanh Chương mời ăn (nhút), thoát đầu không ai hiểu là món gì ai cũng nhường nhau nếm thử thấy chua chua. Anh em thành ra nghiện (nhút) là do bà con lấy sơ mít xanh để muối thay dưa vì vùng Thanh Chương này trồng nhiều mít lắm. Rồi khoản khoai Rộ và nước chè chát Thanh Chương cũng giúp tạm no lòng. Tôi theo dõi không biết làm cách nào mà bà con hãm chè ngon đến thế. Khoai luộc cũng ngon, thơm, mật khoai cứ ỷ tràn ra ngoài vỏ, sau mới biết thứ chè bà con hãm mời bộ đội là thứ chè trồng ở huyện trên (miền đất Đô Lương). Mỗi phiên chợ, người Đô Lương, Anh Sơn, gánh những gánh nặng chè xuống chợ Rộ bán. Chè để nguyên cành, bẻ thành từng đoạn dài vai gang tay, bó thành từng bó. Người mua về, đem những bó chè ra sông Lam rửa kỹ rồi vò cho nát, bỏ cả bó vào một cái ấm đất to, đổ nước vào đun. Đun sôi, nôi nước chè cứ để nguyên trên bếp, vùi vào tro nóng một lúc lâu mới đem ra rót vào những bát to mời nhau uống. Ở đây, bà con mời nhau uống nước “chè chát” bằng bát to chứ không

uống bằng chén nhỏ như người ngoài Bắc. Có một tập quán biểu lộ lòng mến khách, tình nghĩa xóm làng là, hễ cứ nhà nào nấu nước xong, đứng cửa lớn tiếng “Mời sang nhà tui uống chè chat nè”.

Đây là những ngày tôi và Hùng được biên chế vào Tiểu đội 1, Trung đội 1, Đại đội 3, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 249 Công binh cầu phà. Chúng tôi miệt mài luyện tập trên bãi cát trắng sông Lam, bên dòng nước rất trong của dòng sông xứ Nghệ.

Những ngày học tập và thao tác nghiệp vụ Công binh rà phá bom, mìn, bắc cầu phà của chúng tôi trôi nhanh trong sự đùm bọc của bà con cô bác. Các o dân quân ở đây cũng sinh hoạt như bộ đội thời chiến: hàng ngày vừa luyện tập quân sự, đào hào đắp lũy, trực chiến, vừa bám đồng ruộng để đảm bảo sản xuất. Trong những gian khổ nhường ấy với tình cảm bà con khiến chúng tôi vô cùng cảm động; không ai bao ai, những lúc rồi anh em thường bảo các em nhỏ học tập, giúp đỡ gia đình nơi trú quân lúc sửa cái mái nhà, khi cuốc vờ mảnh đất để tra hạt bắp... theo truyền thống những người đi trước của Trung đoàn 249 Anh hùng.

Ta càng đánh thắng, Mỹ càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh. Đơn vị chúng tôi ngày một đi sâu vào phía chiến trường, trực diện với quân thù, với phương châm: “Đi sâu, ở lâu, thọc sâu, vươn dài”.

Trước chúng tôi đã có những chiến sĩ Công binh vào khu 4 bảo đảm các bến trên đường số 1. Con đường 15 từ sông Gianh vào Vĩnh Linh là con đường chiến lược chi viện quan trọng nhất từ Bắc vào Nam.

Từ năm 1967, dải đất miền Trung đã dài lại hẹp, với những sông Mã, sông Lam, sông La, sông Gianh cắt ngang, những cây cầu, bến phà qua các con sông này luôn bị không quân Mỹ đánh phá ác liệt. Chúng muốn chặn đứng nguồn chi viện của hậu phương lớn - miền Bắc cho tiền tuyến lớn anh hùng - miền Nam.

Trung đoàn Công binh 249 đã có mặt ở vùng đất lửa này ngay từ những ngày đầu ác liệt. Đây là đợt nhiệm vụ lớn nhất, khó khăn nhất kể từ khi thành lập Trung đoàn.

Một cuộc hành quân dài với hai Tiểu đoàn mang theo bốn bộ phà tự hành (LPP), hai mươi ca nô dặt và các đại đội phục vụ. Vài trăm xe chở thuyền kéo ca nô cồng kềnh, trên con đường gần nghìn cây số nhỏ hẹp, khúc khuỷu lại bị đánh phá suốt ngày; Đêm thì bom đạn, ánh pháo sáng. Xe bị đổ, bị rệ, lính bị thương. Theo nhiệm vụ Bộ Tư lệnh Quân khu giao, Công binh triển khai cuộc chiến đấu với Tiểu đoàn 2 bảo đảm các bến Xuân Sơn, Gianh Bùng, Phong Nha, Đá Mài; Tiểu đoàn I bảo đảm các bến Long Đại, Mỹ Đức, Thác Cóc, Bến Tiến Sa Lung...

Trước chúng tôi, cuối năm 1967, đã có một số văn, nghệ sĩ vào mặt trận đường 9; Các anh trong đoàn quay phim đã dồn sức vào mặt trận đường 9, trong đó Binh đoàn Quang Vinh, Binh đoàn xe tăng đã lần lượt tiến về phía Nam. Trong khi đó ống dẫn dầu chạy song song các con đường mòn, hệ thống thông tin đường dài dây trần đã vào tận Sở chỉ huy Bộ tư lệnh B4.

Về đoàn làm phim sau khi quay xong trận đánh làng Vây các nhà quay phim quay cảnh núi đồi nhấp nhô, đường 9 nằm trong vòng bán kính hoạt động của trực thăng vũ trang Mỹ - Ngụy suốt ngày, đêm quần đảo trên bầu trời để do thám. Chúng hoạt động không theo một quy luật nào, nơi chúng nghi là nơi trú quân của bộ đội ta thì chúng ném lựu đạn, xả đại liên cực nhanh hoặc bắn rốc-két, thả pháo sáng... Lúc bấy giờ đường 9 nham nhở vết hố bom và hố đại bác, lớp nhựa phủ mặt đường đã bị xích xe tăng M41, xe thiết giáp M113 quần nát chỉ còn lớp đá rầm lồi lõm ổ gà lớn, ổ gà nhỏ.

Các nhà văn, nhà báo độ ấy cũng đã nói về lính Công binh. Lính Công binh chỉ thu gọn vào hai hướng. Dù con dốc ấy, dù ngầm ấy chạy từ đông sang

tây, lính Công binh vẫn gọi phần ngầm hướng về phía chiến trường xa là bến Nam, bờ Nam, còn phần hướng về phía hậu phương là bến Bắc, bờ Bắc. Công việc của Công binh bất kể ngày hay đêm là nối liền bờ Bắc với bờ Nam, rà phá bom nổ chậm, bắc phà, làm ngầm, hàn đi hàn lại những khúc đường đứt đoạn, đảm bảo mạch máu giao thông cho bộ đội ta và xe pháo vào chiến trường đánh giặc. Không một giờ phút nào vắng mặt người chiến sĩ Công binh trên mặt đường. Khi chúng tôi nối bước các anh vào vùng đất lửa thì Công binh ta đã làm nên sự tích anh hùng; 80 lần ghép nhà, 36 lần bắc cầu cho gần ba vạn xe, pháo qua sông. Bến Long Đại là nơi địch đánh phá ác liệt nhất. Tại đây, chiến sĩ Trung đoàn gọi bến Long Đại là bến “Long Đầu”, nhưng cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 249 đã kiên trì bám bến, bám phà, bảo đảm giao thông hàng nghìn xe, pháo qua lại an toàn; Đã có nhiều đồng chí dũng cảm hy sinh, để lại cho chúng tôi những tấm gương sáng chói, vừa cảm phục vừa thương tiếc không nguôi. Như gương anh Hà Văn Dặc. Anh là chiến sĩ lái ca nô phá bom từ trường trên mỗi khúc sông đơn vị bắc cầu phà. Có lần anh xung trận, đơn vị đã làm lễ “truy điệu sống”. Như anh Nguyễn Xuân Toàn, trong năm đêm liền lái ca nô phá nổ 27 quả bom từ trường, chiếc ca nô đó đã được đặt tên là ca nô “Bất khuất”, hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Công binh.

Chiến tích của Trung đoàn bây giờ đang nâng bước chân đoàn Công binh mới, trong đó có những người trẻ tuổi Hà Nội chúng tôi đang trên đường vào miền đất lửa.

Lệnh hành quân phát ra được truyền nhanh tới toàn đơn vị đã sẵn sàng, đoàn xe chở bộ đội, chở các khoang thuyền, ca nô, nguy trang kín mít, từ từ chuyển bánh, để lại phía sau những tình cảm lưu luyến tiễn đưa. Xe chạy một hồi đã đến Nam Đàn quê Bác. Tất cả chúng tôi không ai bảo ai đều im lặng và như thầm hứa với Bác: “Chúng cháu sẽ hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào mà Bác đã trao cho thế hệ trẻ”. Sau một thoáng lắng xuống, cả đoàn xe như bừng tỉnh, các chiến sĩ cùng chỉ huy đều hát vang bài hát Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân”. Xe qua Vinh, cảnh cả thành phố chìm trong đổ nát của bom đạn máy, bay Mỹ đánh phá ngày đêm đập vào mắt chúng tôi. Đâu đó chỉ còn lại những đơn vị bộ đội và dân quân tự vệ, cùng những đồng chí Công an

đang làm nhiệm vụ. Có tận mắt mới thấy hết được sự tàn phá của chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra cho dân tộc mình. Lòng chúng tôi quặn đau chia sẻ nỗi cảm thông mất mát với nhân dân cùng đồng đội thành phố Vinh. Đoàn xe vẫn tiếp tục hành quân. Chiếc xe lội nước bánh lốp của đồng chí Tiểu đoàn trưởng Vũ Văn Tuất (quê Hải Dương) dẫn đầu đội hình hành quân trông như một con rồng khổng lồ đang vươn mình lên phía trước để đòi lại từng tấc đất của cha ông. Chẳng mấy chốc xe chúng tôi đã qua phà Bến Thủy.

Ngày đó Nghệ An chưa bắc cầu Bến Thủy, sông thì rộng, bến phà là mục tiêu không quân Mỹ đánh phá suốt ngày đêm. Dù sao, trong đêm đen, đoàn chúng tôi cũng qua phà an toàn đi vào địa phận tỉnh Hà Tĩnh. Càng vào sâu càng cảm nhận sự thảm khốc của chiến tranh. Nhiều đoạn đường bị bom Mỹ đào xới; nhiều làng bên đường bị thiêu trụi. Tuy nhiên, những người chúng tôi gặp trên đường không ai tỏ vẻ nao núng. Từng đoàn thanh niên xung phong dân công hỏa tuyến hát hò vui vẻ. Xe qua ngã ba Đồng Lộc. Những cô gái trẻ đang lấp hố bom, đang đắp đường vẫy tay chào lính. Các cô chúc bộ đội chiến thắng. Chính cái không khí ấy, cảnh tượng rộn ràng ấy của miền tuyến lửa đã động viên, khuyến khích chúng tôi hoà vào dòng người đi chiến đấu. Và trên cung đường lửa, nỗi đam mê chỉ còn là: Được hiến dâng, được chiến đấu vì Tổ quốc!

Toàn đội hình hành quân nghỉ lại Quảng Bình một ngày. Lá nguyệt trang chúng tôi mang theo từ đất Thanh Chương đã khô héo hết. Anh em phải thay lá nguyệt trang mới tiếp tục đi đến nơi trú quân ở cánh rừng của nông trường cao su Quyết Thắng - Vĩnh Linh. Những cây cao su mọc thẳng hàng, rừng quang đãng, có tán lá xanh che đầu thật thuận tiện cho việc mắc võng trên đường hành quân. Sau khi đào hầm tránh bom, lại sau một chặng đường đi dài, chúng tôi ngủ ngon lành trên những cánh võng dưới tán lá cao su rười rượi xanh.

Từ ngày máy bay Mỹ đánh phá vùng này, rừng cao su ít người lui tới. Công nhân lâm trường, vừa lao động sản xuất, vừa chiến đấu đánh trả lại máy, bay Mỹ; đồng thời trồng thêm những cây lương thực ngăn ngày giúp bà con ở những làng bản lân cận ổn định thêm cuộc sống.

Một đồng chí dân quân dẫn đường cho chúng tôi biết: Nơi đây, cuối năm 1963, chưa có cây cao su mới chỉ là ruột vệt đất đỏ chạy dài toàn cây mua, cây si. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã vào thăm và làm việc với Vĩnh Linh thấy đất đỏ ba-zan hợp với cây cao su nên đã khuyến khích địa phương trồng cao su. Từ đó vùng này mới phát triển cây cao su và nông trường cao su. Quyết Thắng ra đời đã thu được những tấn mủ cao su đầu tiên góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Bom đạn, tiếng máy bay Mỹ gầm rú không dứt khi chúng tôi đóng trên đất nông trường. Đã có những gốc cao su đổ gục vì bom đạn của máy bay Mỹ đánh phá suốt ngày đêm.

Sáng hôm sau, sau tiếng còi báo thức của đại đội lệnh trên đã được truyền về từng Tiểu đội: mỗi chiến sĩ phải tranh thủ khai ngay lý lịch trích ngang giao cho chỉ huy: Toàn bộ tư trang, kể cả thư từ, nghĩa là những gì anh em có trong ba lô mang từ ngoài Bắc vào đều phải gói gém, ghi rõ họ tên, địa chỉ rồi nộp lại; không ai được đem chúng theo trên đường hành quân vào sâu phía Nam.

Với kỷ luật bảo mật này, anh em bảo nhau: Thế là đã bắt đầu vào cuộc chiến đấu. Chúng tôi đã vào trận, trận độ sức với kẻ thù hung bạo để giải phóng miền Nam. Cuộc chiến đấu đó sẽ đầy gian nan và nguy hiểm. Cái tờ giấy ghi lý lịch trích ngang kia có lẽ sẽ được sử dụng tới khi hy sinh trước bom đạn và mũi súng kẻ thù. Hẳn là từ những tờ giấy ghi vền vện có vài dòng kia, sẽ giúp cấp trên xác định chúng tôi là ai và ở đâu...

Lệnh còn truyền đến từng chiến sĩ là trong đêm không được để phát ra ánh sáng. Đã có những trường hợp xảy ra, vài đơn vị dân quân gác đêm, để đỡ

buồn ngủ, có người quẹt diêm hút thuốc Lào thế là vọng gác bị địch phát hiện và bị ném bom. Ở đây chỉ có tiểu đội trưởng được dùng đèn pin. Từ tiểu đội trưởng lên đến cấp trên, cán bộ được sử dụng đèn pin, nhưng mặt đèn được bịt kín, chỉ để hở một lỗ nhỏ bằng đồng xu.

Như thế, chúng tôi càng thấy rõ: mình đã vào trận.

Tiểu đội trưởng của tôi phổ biến nhanh gọn mệnh lệnh: Toàn đơn vị phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo quản tốt vũ khí, khí tài. Phải coi trọng công tác dân vận. Thực hiện đúng khẩu hiệu: “Đi dân nhớ - ở dân thường”.

Sau khi nhận lệnh và di chuyển chúng tôi đã có mặt ở Vĩnh Linh, tại khu giới tuyến, vùng đất địa đầu miền Bắc bị Mỹ đánh phá ác liệt nhất. Ở đây tôi tình cờ tìm được một cuốn sách nhỏ viết về lịch sử Vĩnh Linh.

Theo sử cũ và truyền thuyết, “Vĩnh Linh là phần đất của Bộ Việt Thường, trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đến thời nhà Tống, nhân phong kiến Trung Quốc suy yếu, nước Chăm-pa đem quân chiếm Việt Thường, đặt thành các châu: Bố Chính, Đại Lý, Ma Linh (gồm Quảng Bình và Bắc Quảng Trị). Đến thời kỳ quân Chăm-pa bị đánh đuổi nhà Lý đổi châu Đại Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh và đưa dân các nơi về sinh sống. Đến triều Lê, châu Minh Linh chia thành năm tổng: An Xá, Minh Lương, Bối Trời, Thuỷ Ba, Yên Mỹ. Sau vua Minh Mạng chia Minh Linh thành hai huyện: Minh Linh và Địa Linh. Đời vua Hàm Nghi vì huý chữ Minh nên đổi Minh Linh thành Chiêm Linh. Năm Thành Thái thứ nhất lại đổi Chiêm Linh thành Vĩnh Linh. Thời Pháp đô hộ nước ta, Vĩnh Linh chia thành năm tổng: Xuân Hoà, Thuỷ Ba, Hờ Xá, Huỳnh Công và Hiền Lương. Như vậy, theo cổ sử huyện Vĩnh Linh có từ năm 1069, là một trong những huyện hình thành sớm nhất của tỉnh Quảng Trị. Vĩnh Linh rộng 890 ki-lô-mét vuông, địa hình khá thuận lợi cho việc đi lại. Từ biên giới Việt - Lào đến Cửa Tùng có đoạn đường rừng, từ bến Than đến Mũi Láy dài đến 20 kilômét, những binh đoàn chủ lực của ta hành quân rất thuận lợi. Đường quốc lộ 1A và đường sắt xuyên

Việt đi qua huyện. Vĩnh Linh có ba con sông chính: sông Bến Hải (Hiền Lương), sông Sa Lung, sông Đào Hồ Xá. Các con sông này đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn...

Chúng tôi vào Vĩnh Linh giữa lúc quân đội ta mở cuộc tiến công lớn vào Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Quảng Trị là hướng tấn công chủ yếu đã trở thành nơi thử thách quyết liệt của công binh Việt Nam, tiêu biểu là Trung đoàn 249 của chúng tôi. Chấp hành lệnh trên, Trung đoàn đã cử trinh sát vào khu vực tập kết ở Vĩnh Linh và các bến trên sông Bến Hải là bến Cửa Tùng - Hiền Lương, Bến Than, một bến trên sông Võ Xá. Một tiểu đoàn vượt sông và một Đại đội Công trình được điều vào phối hợp với mặt trận Trị - Thiên. Đơn vị đã tập kết ở Vĩnh Hiền và Cổ Kiểng.

Sau khi Tiểu đoàn 1 tập kết ổn định, chúng tôi đi trinh sát chuẩn bị đường xá, bến vượt qua Cửa Tùng để đưa pháo sang sông vào sâu 16km ven mép biển. Pháo đặt trận địa tại Cẩm Phố. Đây là mũi pháo bất ngờ và hiểm, bắn được sâu vào Đông Hà, Quảng Trị, bến Cửa Tùng nằm ở bờ Nam. Các đồng chí trinh sát về báo: nước sông lên xuống theo thủy triều, ngoài khơi thường xuyên có tàu tuần tiểu của địch hoạt động.

Tiểu đoàn I quyết định dùng hai xe K61 công pháo 85mm và ghép phà chở pháo 100mm. Chúng tôi phải mất ba đêm lấp hố bom, dò gỡ mìn, đào công sự, cắm cọc tiêu chỉ đường cho xe lên xuống phà bằng bệ chuối, và những tấm gỗ dán sơn trắng.

Cuộc hành quân và tác chiến của quân ta làm nức lòng chiến sĩ và nhân dân trong vùng. Hai trăm khẩu pháo của ta trút bão lửa vào các trận địa của địch. Trong khi đó từ xã Vĩnh Hiền (Vĩnh Linh) đại đội 1 và hai xe K61 xuất phát. K61 công pháo qua bến Cửa Tùng, rồi công tiếp theo mép nước biển vào cửa Việt xuôi về phía Nam. Việc công pháo phải đi một vết xích dưới nước, một vết trên cát để sau sóng biển tràn vào sẽ xóa dấu các vết xích. Hai xe K61 đã đưa gọn hai đại đội pháo 85mm vào trận địa chỉ trong một đêm. Phà do đại đội 1 cũng đã ghép xong. Hai chuyến đầu tiên đưa pháo 100mm nòng dài qua sông an toàn.

Nhưng đến chuyến thứ ba thì khi xe kéo pháo rời phà, bánh sau bị tụt, kẹp vào đà mồi, phải gọi hai xe K61 đến ứng cứu mới kéo được xe, pháo lên bờ.

Hôm sau, đơn vị được chỉ huy tiểu đoàn cho tập hợp để nghe Trung đoàn trưởng phổ biến nhiệm vụ mới.

Trung đoàn trưởng Dân có dáng vọc thấp đậm, mặt vuông chữ điền, toát lên vẻ cương nghị của một vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm. Đồng chí nói chậm và vang:

- Trung đoàn ta được lệnh bảo đảm giao thông cho xe pháo và bộ đội an toàn chỉ viện cho phía trước. Trong tình hình cấp bách này, Ban chỉ huy trung đoàn quyết định giao nhiệm vụ cho D1.

16 giờ ngày 1 tháng 4, tiểu đoàn 1 được lệnh đêm 1 tháng 4 phải có phà, đêm 2 tháng 4 phải có cầu phao ở bến Hiền Lương để chiến dịch mở thêm một mũi tiến công theo đường số 1. 20 giờ 30 phút ngày 1 tháng 4, phà của đại đội 2 đã bắt đầu chở chuyển đầu tiên trên bến Hiền Lương. Đồng thời chỉ huy tiểu đoàn gấp rút hoàn thành bản thiết kế cầu phao. Đại đội 1 rút từ Cửa Tùng về đảm nhiệm cánh cầu bờ Bắc. Đại đội 2 chuyển phà thành cánh cánh bờ Nam. 16 giờ ngày 2 tháng 4, các xe bắt đầu hạ thủy khí tài trên khu vực bờ sông dài gần 2km, 18 giờ hạ thủy xong 50 khoang thuyền thì trời vừa tối.

Chùm đèn pha trên đỉnh cột cờ bật sáng làm nổi rõ lá quốc kỳ 96 mét vuông tung bay phần phật như vui mừng với giờ phút lịch sử quan trọng này. 20 giờ ngày 2 tháng 4 năm 1972, tiểu đoàn trưởng Ngô Ngọc Bảng nổi hồi còi đồng đặc báo hiệu thông cầu. Chiếc cầu phao TPP 16 tấn dài 170 mét nổi thông 2 bờ Bến Hải sau 18 năm bị chia cắt do âm mưu của kẻ thù. Đoàn xe kéo pháo và xe vận tải từ từ lăn bánh qua cầu trước ánh mắt rạo rực niềm vui của cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn 1 và một số cán bộ và nhân dân địa phương. Nhưng chỉ một lúc sau tin phía trước báo về: xe không đi được vì vấp một hố bom quá lớn cắt đứt đường. Đại đội 5 được điều lên sửa đường. Hố bom to quá trung đoàn phải dùng xe chở đất và mạnh dạn đưa hai khoang thuyền có dầm van xuống làm cầu cạn (nhưng 8 ngày đêm sau đoạn đường mới sửa xong). Chiến dịch đã không sử dụng đường số 1 nữa. Cầu phao Hiền Lương tiếp tục phục vụ đêm 3 và 4 tháng 4 cho hàng vạn đồng bào ở bờ Nam sơ tán ra Vĩnh Linh, Quảng Bình.

Sáng 5 tháng 4 tiểu đoàn 1 được lệnh dừng bắc cầu, chuyển sang phà. Tối 6 tháng 4 năm 1972, tiểu đoàn bị tổn thất lớn: Khi ban chỉ huy tiểu đoàn đang họp trong một lô cốt cũ bằng gạch xây của địch ở bờ sông, một quả pháo của địch từ tàu biển bắn vào trúng lô cốt, năm cán bộ chiến sĩ ta hi sinh và hai bị thương¹ (Những đồng chí hi sinh là: Tiểu đoàn trưởng Ngô Ngọc Bảng. Chính trị viên tiểu đoàn Trần Linh. Tiểu đoàn phó Đặng Văn Huỳnh. Trợ lý tham mưu trung đoàn Trần Duy Lịch. Chiến sĩ lái xe Nguyễn Văn Tuyển. Hai đồng chí bị thương là Đại đội phó Trinh và trợ lý tham mưu tiểu đoàn Oanh).

Cấp trên đã bổ sung và bổ nhiệm cán bộ, củng cố ngay ban chỉ huy tiểu đoàn 1. Nhiệm vụ tiểu đoàn ở bến Hiền Lương và đường số 1 vẫn tiếp tục duy trì. Tiểu đoàn 1 được thưởng huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 19 tháng 4 năm 1972, trong khi ta đang bao vây địch ở Đông Hà, Quảng Trị, thì trung đoàn được lệnh đưa một phà và hai xe lội nước PTS và bảo đảm bến Thịnh Tất trên sông Thạch Hãn, chuẩn bị cho lực lượng chiến dịch phát triển sâu vào phía Nam.

Khi đó tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch bao gồm: Gio Linh, Cửa Việt, Cam Lộ, phía Bắc Quảng Trị đã bị đập tan. Trung đoàn 249 Công binh được lệnh phải có phà và cầu nổi ở bến Phương Thủy để xe và pháo ta nhanh chóng qua sông Thạch Hãn đánh địch ở phía Nam. Ở bến Phương Thủy, máy bay địch bắn phá ác liệt. Chủ nhiệm trinh sát Bùi Văn Lại hy sinh ngay tại bến. Hai đêm sau vẫn chưa ghép được phà. Đêm sau nữa mới bắc được một phà, chở hai chuyến lại phải dừng lại vì lồi lên xuống bên bờ Nam lầy lội, xe không leo được. Anh em Công binh phải đối mặt với bom đạn và pháo sáng của máy bay địch để san lấp, khắc phục chướng ngại ở bờ Nam. Sau nhiều nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ, chuyến phà thứ ba đang xuống mép nước thì máy bay địch đánh bom vào phà và xe, pháo. Cán bộ chiến sĩ đã nhanh chóng cứu xe, pháo đưa đi sơ tán và khắc phục sự cố.

Ban chỉ huy trung đoàn phải điều xe lội nước ra hỗ trợ, đưa xe pháo sang sông, và quyết định cho đại đội mở bến mới đảm bảo đưa người và khí tài qua sông theo yêu cầu của chiến dịch.

Cách hạ lưu bến Phương Thủy 4km, đơn vị mở thêm bến Bao Căng. Nhiều máy bay và pháo hạm địch, thậm chí chúng thả cả bom mang chất độc hoá

học đánh phá liên tục bến này suốt ngày đêm. Có lần ta bị đánh hỏng đến bảy xe. Việc mở bến mới của anh em gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm cao "Còn người, là còn phà", cán bộ, chiến sĩ Đại đội một đã mở được bến Bao Căng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vượt sông an toàn.

Để đảm bảo cho bộ đội ta qua sông Thạch Hãn, không chỉ có bến Bao Căng mà còn phải trinh sát thực địa xem xét tiếp bến Phương Thủy. Vấn đề đặt ra là phải làm ngầm Công binh của Trung đoàn 249 ở bờ Bắc cùng Công binh Trung đoàn 229 ở bờ Nam đã triển khai làm ngầm thả lợi dưới máy bay và pháo sáng của địch. Một đêm, 29 xe tăng và gần 300 xe pháo ta qua ngầm.

Chúng tôi qua chiến đấu, qua công việc, đã nhanh chóng tiến bộ và trưởng thành. Anh em rất mừng, thấy được hàng trăm xe, pháo qua sông an toàn.

Ban chỉ huy tiểu đoàn lệnh cho C4 nhận nhiệm vụ tại bến (Cửa Tùng). Hai xe xích lội nước đặc chủng (PTS), một bộ phận Công binh gấp rút lên đường. Đến nơi anh em bắt tay vào công việc. Chẳng mấy chốc chiếc phà 50 tấn và hai xe PTS liên tục đón từng đoàn xe pháo và bộ đội sang sông. Trên trời máy bay địch lồng lộn thả bom phá, bom bi, bom từ trường. Ngoài khơi pháo lớn tầm xa trên tàu bắn vào xối xả. Một xe xích lội nước đặc chủng đang làm nhiệm vụ đã bị trúng bom. Các đồng chí: Nghinh, Tụng và anh em công binh dũng cảm vạt lộn với sông nước, bom đạn cứu xe, cứu pháo, các đồng chí trong Ban chỉ huy Trung đoàn luôn có mặt kịp thời động viên anh em.

Đại đội 3 chúng tôi được lệnh lên đường.

Đường ra bến Cửa Việt toàn cát trắng nóng bỏng. Những cây cỏ len lỏi mọc trên cát khô cằn sắc như dao, cứa rát cả chân. Nắng, nóng, gió, cát không làm những người lính can trường nhụt chí... Nhìn lên chỉ thấy những gam màu

xanh - đen lấp lánh trong nắng của chiếc phao cá nhân, dụng cụ rà phá bom mìn; nhìn xuống là những chiếc mũ tai bèo cùng khẩu AK và những mái đầu đang nhấp nhô di chuyển về phía trước.

Bỗng có lệnh khô và sắc lạnh từ đầu hàng quân lần lượt truyền xuống: “Đơn vị vận động! Vượt bãi mìn!”. Những trảng cát trống trải, những hố bom nham nhở, những cây phi lao bị máy bay, tàu chiến quần phá bằng đủ các loại bom, đạn phạt đứt cháy đổ ngổn ngang lùi dần lại phía sau. Những người lính dầm mồ hôi công trên lưng những dụng cụ rà phá bom mìn cứ mỗi bước lại lóc sóc theo nhịp chân... Ai nấy khẩn trương vì đều hiểu mình đang bước trên mép của bờ vực giữa sự sống và cái chết.

Đang hành quân vận động gấp chợt có lệnh của Tiểu đoàn: “Để tránh thương vong cho bộ đội, giao liên mặt trận sẽ dẫn đơn vị vượt qua bãi lầy “Tiếng đại đội trưởng Đức hô vang: “Toàn đơn vị giữ vững đội hình! Tiếp tục hành quân”. Lại đi! Nặng, nóng! Những cặp mắt ngó nghiêng chờ đợi! Không có gì thay đổi, cứ đi đi hết đám sinh lầy lại đến những khoảng trống dài nhìn hút tầm mắt. Những bước chân vẫn cứ đi, đi hoài, bấm sâu vào bùn đất.

Đại đội trưởng Đức với dáng người nhỏ mảnh như sắt lại sau các trận đánh đi lên, đi xuống thoăn thoắt, thỉnh thoảng anh lại đưa mắt nhìn cô giao liên mặt trận đang dẫn đầu đoàn quân. Khẩu súng các-bin khoác trên vai cùng gương mặt làm ra bộ cương nghị, như để thuyết phục cánh lính chúng tôi tin tưởng. Đi sát bên tôi Đức như một người anh bỗng nhíu mày lắc đầu lẩm bẩm: “Lạ nhỉ? Sao cứ đi mãi thế này? Hay là lạc “mẹ” nó rồi? Đành rằng vượt bãi lầy, trảng cát để tránh máy bay và pháo biển thì cũng phải có hướng chứ? Đi thế này chịu sao nổi!”

Đột nhiên anh nói :

- Đề nghị đồng chí giao liên cho bộ đội nghỉ một lát; toàn lính Hà Nội cả vượt bãi lầy chưa quen, mà đồng chí cứ đi vun vút như vậy thì ai theo được?

O giao liên quay lại nghiêm nét mặt dễ thương ra lệnh pha chút nài nỉ:

- Báo cáo “eng” (anh)! Bãi lầy này không an toàn, máy bay địch hay ném bom, tàu chiến thường hay bắn pháo kích, các “eng” cố vượt qua để đến nơi tập kết. Giao liên chúng “tui” không có quyền cho nghỉ “eng” à!

Như bị sự câm lặng của nắng nóng vây bủa nay được nghe những lời đáng yêu như vậy, cánh lính Hà Nội bừng tỉnh, tếu táo:

- Út (em) ơi! Sao út hắc thế, hết chiến tranh ra Bắc làm vợ eng nghe!

Cô giao liên trả miếng ngay:

- Chiến tranh bom đạn như “ri”, khi “mô” hết chiến tranh gặp lại các “eng” là tui “mần” liền.

Cánh lính trẻ trợn mắt nhìn nhau bật cười vui vẻ quên cả mệt nhọc. Còn cô vẫn nguyên nét mặt bình thản; đôi chân nhỏ vẫn thoăn thoắt bước đều; dáng thon thả, lọn tóc tết ngang vai chốc chốc lại đung đưa dãi dài trên cát trắng.

Chúng tôi đi giữa một bên là trắng cát, một bên là bãi sình lầy trống trải. Mọi thứ ở đây đều đã bị đạn bom đánh gục hoặc tiện đứt, chỉ còn lại những gốc cây giập nát, ám đen khói bom. Mùi khét của thuốc bom trộn lẫn mùi hăng của lá cây vừa bị đánh toét tả làm không gian như quánh lại.

Khoảng 3 giờ chiều, đơn vị tôi tới cảng Cửa Việt. Trăm thứ bà rần mang trên người được tháo ra, mồ hôi quyện cùng bùn đất khiến quần áo ướt sũng dính chặt vào người. Tiếng gọi nhau ý ới, có người mệt quá nằm vật ra bãi cỏ để thở hít không khí của biển dù chỉ trong ít phút. Cách chỗ tôi đứng không xa là những ruộng lúa, vạt dừa hầu của bà con ở Gio Linh đã vào vụ thu hoạch bị bom đạn của máy bay và tàu biển cày xới tan nát. Bỗng lệnh của Đại đội phát ra: “Toàn đơn vị tranh thủ đào công sự, hầm chi huy, hầm xe máy, hầm cứu thương, lập đài quan sát!” cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi. Cũng lúc này, cô giao liên chào chúng tôi với nụ cười hồn hậu và hối hả bước đi, để lại trong tôi nỗi thán phục xen niềm trù mến khó tả.

Hoàng hôn lại lui dần, bóng tối ập xuống tranh giành nốt chút ánh sáng đang vơi. Sau một ngày hành quân vật lộn với bom của máy bay, đạn pháo của tàu biển, lúc này anh em mới cảm thấy đói và mệt; mọi người ngồi trong công sự nghỉ và ăn lương khô giữa tiếng gầm rú của máy bay và từng đợt pháo kích của tàu biển Mỹ. Phía xa, nơi chiều chúng tôi đi qua đang âm ỉ tiếng bom rải thảm, trên trời những vệt khói trắng của lữ B52 như những vành khăn tang đang dần tan trên bầu trời vẫn khói bom đạn. Lắng nghe tiếng rít của bom xiết vào không gian và những đợt nổ dội người từ phía cánh quân vừa qua, chúng tôi thầm cảm ơn o giao liên bé nhỏ.

Đêm Cửa Việt âm ỉ tiếng bom đạn và ánh chói nhoà của hoả châu chọi sáng. Từng đàn máy bay Mỹ lao xuống cắt bom, vói rốc két như đàn muỗi đói thấy hơi người. Đồng đội của tôi trên đài quan sát càn mắt đếm từng trái bom từ trường, bom nổ chậm trên khu vực bến. Từ ngoài khơi, tàu chiến địch thi nhau thả đạn vào khu vực cảng và các ấp bên cạnh nhằm chặt đứt hướng tiếp viện của ta trên tuyến biển Cửa Việt. Về sông, bom và pháo kích thưa dần chỉ còn vài tiếng ì ùng của bom nổ chậm, bom từ trường chúng thả lúc đêm. Tiếng chân người, tiếng í ới hỏi nhau, và tiếng hát “Ta đi trên đường Hà

Nội” ở đâu đó lại vang lên.

Gặp nhau bên miệng hố nước đào vệt ở rãnh khoai lang với khăn mặt vắt vai, Hưng nói với tôi:

- Nếu chúng mình cứ ở Hà Nội thì làm sao biết được Vĩnh Linh, sông Bến Hải và Cửa Tùng, Cửa Việt. Mới đến đây thôi tôi đã thấy bao nhiêu điều. Nhất là trước sự đánh phá điên cuồng của giặc Mỹ mà những người dân bình thường của chúng ta đã chiến thắng.

Chúng tôi khuyên nhau - Hãy gắng lên để góp phần vào thắng lợi trong cuộc chiến tranh này.

Để đảm bảo tuyệt đối an toàn, Trung đoàn trưởng Dân cùng Tiểu đoàn trưởng Tuất lệnh cho Đại đội 3 phải rà phá hết bom từ trường và quyết tâm bắc bằng được phà cho bộ đội qua sông an toàn trong thời gian ngắn nhất. Mặc dù sóng to, gió lớn, việc trực tiếp rà phá bom B1 là chủ công. Hai chiến sĩ Vinh và Tuyên được lệnh bơi qua sông, mỗi người cầm một đầu dây ni-lông có mắc máy rà bom. Chúng tôi kéo dây từ thượng lưu xuống hạ lưu, khoảng hơn hai trăm mét, và một ca-nô có lắp máy phóng từ chạy áp sát hai bờ sông. Rà đi, rà lại đến bốn năm lượt thấy rõ ràng vô sự mới thôi.

Sau nhiều ngày vật lộn với bom đạn địch, tháo gỡ những quả bom còn lẫn khuất dưới dòng sông, trong lòng đất, công việc của những người lính trinh sát Công binh đã hoàn thành trong sự hy sinh, mất mát. Chúng tôi đón chờ đơn vị tập kết khí tài để làm nhiệm vụ.

Toàn đơn vị xe máy, khí tài đã sẵn sàng. Đêm xuống, theo lệnh, đơn vị bắt đầu thao tác. Lóng ngóng lúc đầu, rồi cũng quen. Sóng rất dữ và trên đầu máy bay không ngớt gầm rú. Thịnh thoảng chúng phóng rốc-két xuống lòng sông để thăm dò lực lượng của ta. Mặc chúng, chiếc phà đầu tiên của chúng tôi đổ bắc qua cảng Cửa Việt. Xe pháo của bộ đội chủ lực đêm đó sang sông trong tiếng hò reo của anh em dưới làn pháo sáng của địch. Còn chúng tôi, gần sáng, đã mau chóng dỡ phà, đem sơ tán để đêm sau lại bắc cho quân ta hành quân.

Một hôm, đại đội tôi đang gấp rút thao tác lắp ghép phà để cho xe, pháo của đơn vị bạn sang sông. Đột nhiên, một tiếng nổ lớn cách chúng tôi chừng vài trăm mét rồi những tiếng súng điểm xạ gọi cấp cứu rộ lên. Các đồng chí trinh sát về báo cáo với Tiểu đoàn trưởng Tuất: “Báo cáo Tiểu đoàn, thuyền Cô-le của du kích địa phương trên đường đi tuần tra bị vướng bom từ trường hiện hai người còn sống đang chờ cấp cứu, yêu cầu Tiểu đoàn trưởng cho anh em công binh tiến vào cứu những người còn lại. Trong đó có một cụ già và một phụ nữ.

Tất cả anh em công binh đang thao tác dưới phà nghe tin đều lặng người đi. Tình cảm quân dân, tình đồng đội sao mà thiêng liêng đến thế.

Ngay lập tức, Tiểu đoàn trưởng Tuất ra lệnh: “Đồng chí Phúc lấy một tiểu đội đi ngay tìm kiếm và cấp cứu”. Những cánh tay giơ cao xin xung phong đi làm nhiệm vụ, khó khăn lắm anh Phúc mới gọi được A1 đi theo. Vì trong anh em chúng tôi ai cũng muốn xung phong đi làm nhiệm vụ này.

Phúc ra lệnh cho ba đồng chí xuống sông, mò tìm những người bị nạn. Sóng to, nước thủy triều dâng cao, anh em vật lộn với sóng dữ, nhưng không có kết quả. Số còn lại tôi và các đồng chí khác đã tìm được cụ già đi trên thuyền bị bom nổ hất vào một căn nhà hoang gần đó. Chúng tôi vội đưa cụ về hầm và

cấp cứu. Các đồng chí du kích ấp Gio Linh, đến đưa cụ già và anh em bị thương về tuyến sau. Tất cả chúng tôi cúi đầu vĩnh biệt các anh chị đi trên thuyền đã không trở về.

Rồi anh em lại trở về với nhiệm vụ và công việc của mình.

Bao ngày tiếp theo, cứ sóng dữ nổi tiếp đạn bom, chúng tôi vẫn bắc phà, dỡ phà, nối con đường hậu phương ra tiền tuyến. Những chiếc xe PTS đặc chủng luôn có mặt công những khẩu pháo khổng lồ sang bờ bên kia.

Những ngày phục vụ ở bến cảng Cửa Việt, đơn vị thường phổ biến ngắn gọn mệnh lệnh: Cửa Việt là một cảng lớn, nước thủy triều lên xuống thất thường, ngoài khơi tàu chiến của địch thường xuyên lén vào căn trộm ta, nên mỗi phà phải có 40kg bộc phá để phòng sự cố. Không để tàu địch phát hiện ra phà của ta; “thà hy sinh” phá phà giữ bí mật chiến dịch, nhất định không để rơi vũ khí, khí tài vào tay quân thù.

Một đêm, đầu tháng 6 năm 1972, chiếc ca nô PKM90 đang dặt phà sang sông thì máy bay địch thả pháo sáng đánh bom, ngoài khơi tàu chiến địch cũng thi nhau pháo kích vào bến của chúng tôi. Không có thương vong, nhưng ca nô bị hỏng nặng. Mặt trận và Ban chỉ huy đơn vị lệnh cho anh em bình tĩnh, khắc phục sự cố. Chiếc neo lớn được thả xuống, nhưng nước chảy quá xiết, phà lại nặng, neo không giữ nổi. Trong lúc cánh lính thợ gấp rút sửa chữa chiếc ca nô bị hỏng thì pháo sáng và F4 quần đảo, rất nhiều bom và đạn 20ly bắn xuống bến như vãi, chiếc phà cứ thế dập dềnh trôi dần ra biển. Chẳng mấy chốc chiếc đèn hiệu xanh, đỏ của tàu chiến địch đã gần chúng tôi lắm rồi! Trên phà anh em công binh cùng các đồng chí lái xe đã chuẩn bị tư thế sẵn sàng chiến đấu, thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu để khí tài, xe, pháo rơi vào tay địch. Chúng tôi đã chuẩn bị phương án sử dụng đến khối thuốc nổ mang theo khi giáp mặt với quân thù. Anh em vật lộn với sóng biển cùng các đồng chí thợ sửa chữa, mặc bom đạn, chỉ cốt cứu lấy phà, xe, pháo. Cuối cùng, sau nhiều giờ chiếc phà được chúng tôi ép dạt theo chiều nước

cũng sát vào mép biển. Trên bờ các đồng chí trong Ban chỉ huy đã điều xe xích K61 và anh em công binh ra hỗ trợ để kéo xe, pháo vào bờ.

Phía Đông trời đã bắt đầu hửng sáng cũng là lúc chúng tôi kịp neo con phà an toàn; chỉ còn một cách chặt cây nguy trang phà, để đến tối ra khắc phục sự cố. Cả ngày hôm đó, máy bay địch lòng lộn, đất cát bụi mù, hố lớn, hố nhỏ ken nhau. Tranh thủ lúc mặt đất ngừng rung chuyển bởi tiếng bom đạn, những người lính Công binh Hà Nội xích lại gần nhau đọc chung lá thư nhà. Đêm Cửa Việt tìm được nửa mảnh trăng thật khó, toàn pháo sáng che khắp cả bầu trời.

Sau một ngày dài đặc và căng óc, tối đến, chúng tôi được lệnh nhanh chóng tháo dỡ chiếc phà mắc cạn lên bờ. Công việc vừa xong thì máy bay địch ập đến đánh vào đội hình, bộ đội được lệnh rút theo mép nước. Máy bay vòng ra xa, anh em lùi vào cồn cát, tôi chạy sau cùng. Bỗng một chiếc F4 lao đến, tôi còn kịp nhìn thấy từ cánh nó dòng lửa đỏ lờ lờ đạn 20 ly bắn đuổi cắm phập phập xuống cát. Khi chúng tôi đã rút tất cả vào bờ an toàn, kiểm tra lại thấy thiếu hai đồng chí: Hùng và Dương. Đồng chí Phúc vội quay lại thấy Hùng đã ngất nằm trong khoang thuyền, máu mũi bị chảy nhiều vì sức ép của bom, Dương chạy lối tắt đã về đến nơi, Hùng được anh Phúc đưa về hầm y tá đến sơ cứu. Đợi cho ngớt bom, chúng tôi lại lao ra bến nhanh chóng bắc phà đưa bộ đội và xe pháo sang sông.

Lại thêm một buổi sáng, tiếng gà đâu đó gáy ran, chúng tôi về ăn qua loa mấy miếng lương khô lót dạ, rồi mặc dù đã được các anh nuôi chuẩn bị cho bữa ăn trưa thơm tất nhưng vì quá mệt nên ai nấy lăn ra ngủ ngay.

Bỗng pháo của địch từ tàu biển bắn vào xối xả từng đợt, máy bay lòng lộn thả bom hồng phá huỷ bến chúng tôi đang trụ. Bất ngờ một quả đạn pháo của tàu địch bắn vào hầm của tôi, đầu đạn khoan qua hai khúc tre của chiếc hầm chữ

A. Ba chúng tôi vọt ra khỏi hầm. Rất may là quả đạn “thối”! Ngột tiếng bom, anh em trinh sát báo về, bên vẫn còn! Chúng tôi mừng quá bảo nhau: Nếu không nguy trang cẩn thận thì toi với chúng rồi.

Sau khi đắp lại căn hầm vừa bị pháo kích, phía Tây mặt trời bắt đầu lặn, toàn đơn vị được lệnh lại đưa xé, pháo và phà ra bến. Thời gian cứ chậm chậm trôi đi, chúng tôi hàng đêm vẫn vật lộn với bom đạn, sóng nước, để những chuyến phà thông suốt. Hôm ấy chúng tôi được anh nuôi cho ăn một bữa cơm thật đã miệng, có bát canh chua nấu với cá, do đồng chí Cán bắt được ở bãi sình gần đó; ai nấy cứ khen ngon mãi. Không ngon sao được, vì hàng ngày chúng tôi chỉ ăn đồ hộp! Anh em nói với nhau: rau xanh bây giờ với mình quý hơn vàng. Trong bữa ăn có cậu bảo: “Về nhà tớ, mẹ tớ hay nấu cá dầm cho tớ ăn, nếu khi nào các cậu về phép, tớ sẽ nói với mẹ tớ nấu canh cá chiêu đãi các cậu một bữa thoải mái”. Chúng tôi cười và hẹn thế nào cũng có dịp về ăn cá nấu của nhà cậu ta.

Trong chiến dịch mở nút giao thông Cửa Tùng và Cửa Việt để mở màn những trận đánh mang tính chiến lược của mùa khô năm nay, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, Đại đội xe lội nước BTS đã đưa được nhiều khẩu pháo các loại cùng bộ đội sang sông an toàn.

Khi việc di chuyển quân ta qua cảng Cửa Việt đã cơ bản hoàn thành thì hai đại đội thuộc tiểu đoàn 2 chúng tôi được điều ra Mai Lộc, Cam Lộ để củng cố đơn vị trong khi vẫn phải sẵn sàng bảo đảm giao thông ở sông Thạch Hãn và Hiền Lương.

Máy bay, pháo hạm địch vẫn đánh phá dữ dội suốt ngày đêm. Có ngày cánh trinh sát đếm được đến 20 tốp B52 đến rải thảm ở phía Bắc và Tây Quảng Trị.

Có đến bốn chính trị viên từ đại đội đến tiểu đoàn và hàng chục chiến sĩ lái xe, trinh sát, thông tin, nuôi quân... hy sinh sau những đợt oanh tạc ác liệt của địch. Trên trục đường chính của chiến dịch có bến Duối. Theo lệnh của cấp trên, bến này rất quan trọng; nếu giữ được thì rất thuận lợi cho việc chi viện cho quân ta ở tuyến trước. Ở đây có một cây cầu sắt gãy, đường ngầm được làm tốt, song đang mùa mưa lớn, nước khi lên, khi xuống, có đêm có lúc đi được ngầm nhưng nửa đêm lại phải dùng phà, đôi khi lũ chảy quá mạnh, xô phà đập vào cầu vô cùng nguy hiểm.

Công binh quyết định làm bến phà mới, xây hầm, hào trên bến, quyết bám trụ bến Duối. Riêng đại đội 4 đã phục vụ được 33 đêm cho hơn nghìn xe, pháo qua sông, có hôm cả một tiểu đội bị thương vong vì B52. Đáp ứng yêu cầu của mặt trận, chúng tôi đã ngày đêm mở ra một số bến mới như: bến Than (sông Bến Hải), bến Thịnh Tất (sông Thanh Hãn). Có đêm phà vừa ghép xong thì Tiểu đoàn xe tăng với mười hai chiếc xe và hai xe ô tô yêu cầu vượt sông. Nhiệm vụ đột xuất này đã được hoàn thành nhanh đến bất ngờ nhằm tiếp viện cho mặt trận Quảng Trị. Chỉ riêng Đại đội 2 Công binh trong hai chín đêm, ở bến Thịnh Tất đã đưa sáu trăm xe vượt sông, còn Đại đội 6 xe tự hành ra đóng tại Vĩnh Linh cứu ứng mùa mưa trên trục đường 15 phía Nam Long Đại đã ứng cứu được tám tư xe chở thương binh, đạn và lương thực qua sông.

Ở phía bờ Bắc, các xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy, Vĩnh Quang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành bị đại bác tầm xa, máy bay tàu chiến địch bắn phá dữ dội suốt ngày đêm. Vĩnh Quang là một xã vùng bãi biển Cửa Tùng, được mệnh danh là một trong số những bãi biển đẹp nhất Việt Nam. Trong suốt một tuần lễ giặc đã trút xuống tới bốn nghìn quả bom loại lớn từ 200 kilôgam trở lên cùng hàng ngàn quả đại bác 105, 107; 175 đến 203 ly, hàng vạn quả bom bi, đạn phốt - pho, tên lửa... đã giết chết hơn trăm người và tàn phá hầu hết nhà cửa, hoa màu, vườn tược.

Tuy nhiên, ý đồ huỷ diệt Vĩnh Linh hòng làm lung lay quyết tâm của quân và

dân ta và ý đồ gỡ thế bí của giặc trên đường 9 càng ngày càng tỏ ra không có kết quả. Vĩnh Linh đẩy mạnh xây dựng làng chiến đấu, công sự hoá toàn khu vực lên một bước rất cao.

Những ngày chúng tôi ở Vĩnh Linh được nghe kể lại những trận đánh, những nỗi đau của bà con, lòng chúng tôi sẽ quặn lại. Trên đường trinh sát tiến sâu vào đất Gio Linh, chúng tôi phải vượt qua một bãi mìn mới đến được Cửa Việt. Sau thất bại đồng 9 - Nam Lào, Cửa Việt không còn là căn cứ của Mỹ - Ngụy nữa. Kể từ sau ngày chúng rút chạy, bến cảng đã bị chúng đánh phá, cày xới lộn tung. Nơi đây chỉ toàn bom nổ chậm, mìn Clây-mo... Những cái chết lạnh lùng rình mò chúng tôi, những chiến sĩ trụ lại để tiếp tục đưa anh em đồng chí ra phía trước. Từ khi tiến vào đất này, tôi không được nghe tiếng trẻ con khóc. Từ Vĩnh Chấp trở vào, các địa phương chỉ giữ lại những người khoẻ mạnh, bám đất, bám đồng để sản xuất và chiến đấu; còn người già và trẻ con đều đã được chuyển ra Hà Tĩnh, Nghệ An cả. Nói rằng đơn vị chúng tôi được dân làng đón về từng nhà nhưng nhà ấy là những hầm chữ A đào sâu dưới đất với vật liệu tre, gỗ che chắn. Hầm có mật độ thưa và ít người ở, có nhiều cửa lên, cửa ngăn cách. Hầm đào thông với địa đạo, với giao thông hào.

Trong cuộc di chuyển dân, đưa trẻ nhỏ đi đã khó, sơ tán hàng vạn người già yếu, người có con mọn trên chặng đường hơn ba trăm kilômét từ Vĩnh Linh ra đi, trong tình hình đạn bom ác liệt, thiếu thốn mọi bề, lại càng phức tạp hơn. Còn gần nghìn em học sinh cấp II và cấp III ra tỉnh bạn ăn học nữa. Người ở lại thì trần lưng ra chống trả bom đạn, tranh thủ cấy lúa, trồng khoai, người ra đi cũng phải gồng hết sức mình ở nơi lạ nước lạ cái. Nghe nói, cách thành phố Vinh hơn trăm kilômét về phía Đông Nam, cách nước bạn Lào ba trăm kilômét về phía Tây Bắc có huyện Tân Kỳ, huyện đón nhiều bà con Vĩnh Linh sơ tán nhất...

Theo lệnh của Ban chỉ huy Trung đoàn, chúng tôi rút quân về hậu cứ tại xã Vĩnh Hoà để nghỉ và củng cố lực lượng, sửa chữa lại các khoang thuyền,

chuẩn bị cho chiến dịch sau. Anh em được nghỉ, ăn ở sinh hoạt với bà con nhân dân xã Vĩnh Hoà - Vĩnh Chấp. Thôi thì đủ cả, bà con giúp chúng tôi không thiếu thứ gì, từ hầm hố, ăn nằm tới ngọn rau, con cá...

Không bao lâu, chúng tôi được lệnh tập hợp nghe tiểu đoàn trưởng giao nhiệm vụ mới. Ông gốc người Hải Dương, người cao gầy, nước da đen, có biệt tài đi bộ rất nhanh. Trong sinh hoạt, ông cởi mở, thoải mái, nhưng trong công tác lại rất cương quyết và nghiêm khắc. Ông giao nhiệm vụ cho Đại đội 4 chốt tại ngầm Đuối. Đại đội 3 chúng tôi vào sông Ba Lòng. Cùng đi với chúng tôi có chính trị viên trưởng Dương Văn Chương, ông cũng là người Hà Nội và một khẩu đội 12 ly 7 có nhiệm vụ bảo vệ phà. Chúng tôi nguy trang khí tài xe máy, chuẩn bị các phương tiện để kịp hành quân vào chập tối. Bà con Vĩnh Hoà - Vĩnh Chấp tiễn chúng tôi, người nắm chè xanh, người nải chuối; chúc chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ. Anh em hành quân theo đường giao liên. Đến ngã ba Phượng Hoàng đi sâu vào khoảng gần mười km, đơn vị được lệnh dừng chân, đào công sự, hầm chỉ huy, hầm cứu thương. Riêng, A1 được lệnh giúp anh nuôi đào bếp Hoàng Cầm. Không ai giục ai, mỗi người một việc, chẳng mấy chốc đã xong. Trong lúc chờ nhà bếp nổi lửa, chúng tôi rủ nhau đi tắm. Sau chuyển hành quân mệt mỏi lại phải ăn lương khô nên ai nấy đều mệt và khát, một số xuống suối, một số vào rừng tìm được vài cái hoa chuối rừng. Cậu Hùng phát hiện có rất nhiều giâu gia đất, và những quả tròn như quả ổi nhưng có nhựa. Chúng tôi nếm thử thấy chua, anh em hái ăn cho đỡ thèm rau. Không may cho chúng tôi, ăn xong khoảng 20 phút, đã có vài cậu lẫn ra sùi bọt mép. Anh em còn khoẻ chạy về gọi anh Ban y tá ra xem. Thì ra anh em đói mệt, khát quá, đã ăn phải quả bứa nên bị ngộ độc. Sau một hồi được y tá Ban chăm sóc tình lại. Cơm nước xong, anh em cắt phiên nhau gác số còn lại được ngủ một đêm ngon giấc, vì hôm đó không có đợt oanh tạc nào. Chúng tôi đùa với nhau: chiến tranh khốc liệt thật, mình tránh nó cũng mệt, nó quàn mình cũng bỏ hơi tai, đôi bên cùng phải ngủ cho lại sức chứ!...

Chiều hôm sau, B1 do đồng chí Phúc, e phó phụ trách, có đồng chí Đức, Đại đội trưởng cùng đi trinh sát thực địa bến Ba Lòng, sau một hồi lượn rừng cây lúp súp, chúng tôi đã đến bờ sông Thạch Hãn. Một nửa đội hình do Phúc chỉ huy được lệnh bơi sang bên kia. Vì dòng nước chảy mạnh tôi bị trôi khỏi

đội hình quá xa; Phúc đã phải bơi ra dầm tời vào bờ. Sau khi xác định được chân bến, chúng tời tiếp tục công việc của mình: rà soát phá bom mìn, san lấp hố bom, làm bến bãi để đơn vị bắc phà qua sông an toàn, một bộ phận đào đắp công sự, hầm chỉ huy. Để tránh máy bay trinh sát của địch phát hiện, một số anh em được phân công chặt lá, nguy trang thật cẩn thận bến bãi. Xong công việc, lợi dụng pháo sáng địch, chúng tời về nơi trú quân, đến lán đã quá nửa đêm, ai nấy đều mệt mỏi; Cơm nước qua loa, lăn ra ngủ tới sáng bạch mới dậy. Anh em đùa tời: “Cường ốc” bị nước cuốn trôi, nếu anh Phúc không biết thì có lẽ bây giờ đang ăn rêu bên sườn tàu chiến Mỹ bị chìm ở Cửa Việt rồi đấy!” Tất cả đều cười phá lên. Trong lòng tời dậy lên một tình cảm thật khác lạ. Đó là sự sẻ chia sự sống và cái chết nơi quân ngũ của những người lính trên chiến trường.

Sáng hôm sau, đơn vị được lệnh tập trung. Đồng chí Tuất giao nhiệm vụ cho chúng tời:

- Lệnh của Mặt trận B.5. Trung đoàn 249 có nhiệm vụ, đảm bảo cho xe pháo và bộ đội vượt sông Ba Lòng an toàn, trước tình hình khẩn trương của chiến dịch, cán bộ chiến sĩ D2 ai nấy đều bắt tay vào công việc. Ban chỉ huy tiểu đoàn quán triệt đến anh em trong đơn vị: Phải tuyệt đối giữ bí mật về khí tài, xác định tư tưởng: “Đi sâu - ở lâu - thọc sâu - vươn dài”.

Chúng tời không ai bảo ai đồng thanh hứa: “Quyết tâm hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào của trên giao cho”. Rồi đơn vị chuẩn bị vũ khí, tư trang, túi cứu thương. Có đồng chí nhanh chân còn mang được cả bi đông nước “sâm cau”. Thời đó chúng tời hay đào cây “sâm cau” để lấy nước uống thay chè, mỗi khi anh em mở nồi nước ra, mùi gạo nếp từ “sâm cau” bốc lên lại nhớ hương vị Tết cổ truyền dân tộc có bánh chưng xanh...

Lính Công binh chúng tời chia nhau lên hai xe Zin 157, đầu tời nguy trang

cẩn thận. Cánh B2 do Trung đội trưởng Hùng dẫn đầu. Ngày đó đơn vị tôi cứ hay gọi anh là Hùng mắt vì người anh gầy như que củi, lính Hà Nội mà anh xốc vác lắm. Nhiều khi anh động viên chúng tôi phải làm vui lên không khí của tuổi trẻ. Tôi và anh em B1 lên xe anh Được có nhiệm vụ đi đầu. Đường xấu, hố bom nham nhở, thỉnh thoảng lại có tiếng nổ: ùng, bốp của những quả bom nổ chậm và những trái bom bi. Được cho xe tránh trái, quẹo phải liên tục, anh em ngồi trên xe bị lắc như xúc xắc - phải gồng người lên níu sát nhau để khỏi bị hất ra khỏi xe. Chốc chốc bên đường, chúng tôi lại gặp vài cây rừng bị bom đổ ngổn ngang. Cánh lính Công binh ngồi trên xe bảo nhau: hành quân bằng cơ giới dầu có bị “rang cà phê” còn hơn cánh bộ binh.

Càng vào sâu, đường càng xấu. Trời tối đen như mực, thiếc đèn gầm lờ mờ không đủ ánh sáng nên Được cứ phải căng mắt ra mà nhìn, với cánh lái xe thì tối như đêm nay là chuyện bình thường. Trên xe cánh lính chúng tôi vẫn chuyện tầm phào và thật vô tư, như không hề có chiến tranh. Xe đang đi đột nhiên phanh gấp, anh em xô cả vào nhau, có người đau quá kêu sít soa. Rồi có tiếng hỏi nhau, sao dừng lại thế này. “Đường hỏng, tắc rồi”. Có tiếng ai đó đứng dưới mép hố bom vọng lên: “Nó vừa đánh ở đây lúc nãy, còn mấy quả bom nổ chậm đang nằm ăn vạ, Công binh họ đang tháo, chưa đi được. Tất cả chúng tôi đều xuống xe. Được đi cùng tôi, anh nói: “Xuống xem xe thuyền, xe ca nô đến chưa và báo cáo Tiểu đoàn cho sơ tán xe máy, khí tài. Tắc ở đây lâu đấy, đề phòng mấy thằng 130 và F4 nó đánh đêm thì bỏ mẹ”.

Chúng tôi mỗi người một việc theo sự phân công của anh. Rồi đột nhiên có tiếng chân bước tới, một cô thanh niên xung phong dáng người mảnh dẻ, trên vai khoác khẩu AK và mảnh vải dù cứ thấp thoáng theo nhịp chân, cô nói với chúng tôi: “Các anh ở 249 phải không? Đêm nay em được lệnh đón và dẫn đoàn các anh đi đường tắt”, chúng tôi hỏi cô đường tắt độ bao nhiêu cây số, có khó đi không. Cô đáp: “Khoảng hai mươi cây. Biết làm sao được, đường chính còn nhiều bom nổ chậm. Công binh các anh đang phá phải mai may ra mới thông được mà nhiệm vụ các anh phải lo được phà qua sông Ba Lòng gấp, để cho bộ đội và xe pháo sang sông. Các xe khác phải nằm lại hết, ưu tiên đoàn 249 các anh”

Được đóng cửa xe, đưa tay tìm công tắc điện nổ máy và theo sự chỉ dẫn của cô thanh niên xung phong, xe chúng tôi lồm lỏi xuyên vào đêm tối. Thành thoảng lợi dụng ánh sáng của chùm pháo sáng thả vu vơ, xe tranh thủ tiến nhanh hơn. Đến ngã ba, cô gái nói: Anh cho em xuống đây, các anh cứ hành quân khoảng chừng dăm cây nữa là đến điểm tập kết có tiền trạm đón các anh, em phải về làm nhiệm vụ. Chào các anh bộ đội “Hà Nội” nhé! Cô bước thoăn thoắt về phía rừng sau lưng chúng tôi. Miếng vải dù và đôi vai bé nhỏ của cô mờ dần rồi khuất hẳn trong màn đêm.

Xe đột nhiên chồm lên. Được đạp phanh rồi xuống số cho chạy chậm lại. Chúng tôi nhao nhao:

- Sao thế?

Anh đáp: xe chở bộ đội đi không cần thận vào hố bom lật thì chết cả lũ”. Đường càng đi càng khó, đoạn này xe qua lại ít nên lằm cằn cây và vì các thân cây bị bom đánh đổ ngổn ngang, bánh xe đè lên kêu lộp bộp. Những đoạn đường xấu như thế này trong đơn vị tôi chỉ có Được mới vượt qua nổi.

Trên trời những vì sao lấp lánh soi đường cho chúng tôi, đột nhiên có tiếng ì ì của thẳng C130 vọng lại nghe mỗi lúc một rõ hơn. Được cho xe dừng lại dưới một tán cây, chúng tôi nhảy xuống xe, tìm nơi trú ẩn. Rồi những chùm pháo sáng tung ra rực sáng cả một vùng, rồi những tiếng nổ ùng, những ánh chớp loé lên, cây cối đổ, đất đá văng rào rào. Anh em bảo nhau, không biết xe thuyền và xe ca nô phía sau có sao không? Được đáp lại: Ngồi yên, không sao đâu, nó đánh ở ngã ba, nếu có sự cố thì đã nghe súng cấp cứu rồi. Tắt pháo sáng ta phải đi thôi.

Để đảm bảo liên lạc, bộ phận thông tin của D bộ đã mắc máy tại bến - nơi hầm chỉ huy. Các đồng chí cán bộ Đại đội liên tục thay nhau trực bên máy để nhận lệnh của trên, số còn lại đều có mặt trên sông với anh em.

Trời tối hẳn, xe máy chở khoang thuyền, ca nô từ nơi trú ẩn theo lệnh của D trưởng Tuất, bắt đầu hạ thủy. Sau gần một tiếng đồng hồ, chiếc phà 35 tấn đã bắc xong. Trên bờ, từng đoàn xe pháo bộ đội, theo sự chỉ dẫn của chúng tôi, lần lượt xuống phà. Chuyển phà đầu tiên của bộ đội qua sông an toàn trong tiếng reo vui của đồng đội mặc dù trên trời máy bay vẫn gầm rít như tiếng kêu của bầy quạ đói. Mỗi khi có pháo sáng, chúng tôi lại cho phà cập vào bờ. Ngột pháo sáng, dứt tiếng bom, chúng tôi lại nhanh chóng làm tiếp mọi việc.

Trên phà, các đồng chí bộ đội, lái xe triệt để tuân theo lệnh của đồng chí chỉ huy. Tảng sáng, anh em công binh lại tháo dỡ phà và tời lên xe mang về nơi cất giấu. Những chiếc xe PTS của Trung đoàn 249 chúng tôi đã kịp thời công những khẩu pháo 85mm sang sông chi viện để bộ đội ta tiêu diệt Trung đoàn đặc nhiệm của địch nòng ra đánh chiếm thành cổ Quảng Trị.

Vào thời điểm này, bọn Mỹ - Ngụy điên cuồng cho máy bay, tàu chiến pháo kích, và duy trì cường độ đánh phá Quảng Trị suốt ngày đêm. Đã hơn, chúng ném hàng loạt bom napan, bom bi nổ chậm xuống cao điểm 367, 105 của ta. Lửa rực cả một vùng. Dưới đất, chúng cho quân từ Huế nòng ra hòng đánh chiếm lại Thành Cổ. Nhưng bọn chúng ra đến Như Lệ, Tích Tường vấp phải hỏa lực mạnh, và bộ binh ta đánh rát, chúng phải tháo chạy. Chiến dịch nòng ra của bọn Mỹ - Ngụy thất bại hoàn toàn.

Chúng tôi về đến nơi trú quân, trời đã tảng sáng. Nhìn cánh rừng đêm qua bị B52 đánh bom huỷ diệt, tôi chợt nghĩ sau này hoà bình rồi, không biết tốn bao nhiêu sức người và của để khôi phục lại được như cũ đây. Chúng tôi vào hầm nghỉ thì được tin Hoạt đang bị sốt rét. Tôi vội sang thăm anh. Mới có

một đêm mà không ai nhận ra Hoạt nữa. Tóc anh dựng ngược, vuốt rụng cả năm, anh chống gậy mà đứng không được. Y tá đến chăm sóc cho anh. Tôi động viên anh cố gắng vượt qua bệnh tật “Bom đạn của quân thù mình còn không sợ, nữa là sốt rét!”. Gọi thêm người, chúng tôi mỗi người một tay, người vào rừng hái lá, người ôm anh cho đỡ rét.

Lúc này ở Quảng Trị đang mùa mưa, mưa ở đây thật là kinh khủng. Những con vắt rừng theo mưa bùng dậy bám đầy lá cây, ngọn cỏ. Những con muỗi vằn to bằng hạt đỗ thấy hơi người lặn xả tới châm chích. Một đêm chúng tôi đang ngủ trên võng dưới con suối cạn thì lũ đổ về. Con suối này thường trông hiền thế mà bây giờ nó gầm thét, réo rít âm ầm. Bao nhiêu nôi xoong cùng nhà bếp bị cuốn trôi sạch. Anh em có người mất hết cả tư trang. Chúng tôi vội chạy lên cao và kịp giúp nhà bếp mang được vài thứ cần thiết, anh em la toáng lên, chửi tại thằng Mỹ nó phá rừng nên nước mới to như thế này.

Hôm sau, Ban quân nhu của Trung đoàn đã kịp thời bổ sung quân trang mới cho chúng tôi. Anh em lại phải củng cố chỗ ăn, ở và làm lại nhà bếp, lều, lán để ổn định cuộc sống.

Vào thời điểm này, mưa cứ dài mãi không dứt được. Lương thực, thực phẩm của đơn vị cũng đã cạn dần, ban ngày B52 và C130 nhay nhau toạ độ ở Ngã ba Phượng Hoàng; đêm đến mấy thằng trinh sát OV - 10 liên tục tuần đảo trên trời như mưa trời. Bộ phận tải lương do đường quá xấu, máy bay Mỹ đánh phá liên tục, xe bị sa lầy, bị sập nên chưa vào kịp. Đại đội trưởng Đức, phổ biến nhanh gọn nhiệm vụ cho toàn Đại đội. Tiểu đoàn lệnh cho Đại đội 3: Cử người về hậu cứ gửi lương thực, nhu yếu phẩm vào cho đơn vị. Thoạt đầu, anh em chúng tôi nghe tin phải về hậu cứ gửi lương thực, có người nói mình đơn vị xe cơ giới mà phải đi gửi thì buồn quá. Hùng béo, đang ngồi cạnh tôi ở cửa hầm, tay cầm chiếc điều cày bật dậy nói:

- Các bố, biết tin gì chưa hai xe Zin 157 của cánh D1 vừa bị thằng B52 nó toạ độ tại ngã ba Phụng Hoàng đấy. Chúng tôi chưa kịp hết bàng hoàng, thì Thằng “cu nhách” liên lạc của Đại đội đến báo:

- Báo cáo anh Phúc. Lệnh của Đại đội trưởng Đức. Anh cho B1 về hậu cứ gửi gạo và thực phẩm ngay.

Anh Phúc đang ngồi nói chuyện cùng chúng tôi vội nói:

- Lệnh của Đức mào hả? Rồi anh gọi “anh em chuẩn bị vũ khí dụng cụ gửi lương thực. Đi thôi, không bố ấy sặc cho cả nút bây giờ”.

Chúng tôi vội chào nhau, và không quên hỏi xem có ai gửi thư từ gì về cho gia đình, hoặc người yêu thì đưa. Sau khi chuẩn bị xong, Phúc không quên dặn anh em ngụy trang cẩn thận rồi chúng tôi lên đường.

Từ chỗ trú quân về đến hậu cứ chừng 40 cây số. Trời tối sẫm, lác đác những vì sao xen lẫn tiếng ì... ùng của pháo từ tàu biển bắn vào đất liền là những ánh đèn dù vàng ệch vụt sáng, vụt tắt. Anh em phải vượt qua nhiều đèo dốc vốn là trọng điểm toạ độ của máy bay Mỹ, và pháo kích của địch từ tàu biển. Tiểu đội tôi do anh Phúc chỉ huy giữ cự ly ba mét một người. Vượt rừng, lội suối; có đoạn anh em phải chạy cho kịp thời gian. Đang đi đột nhiên Phúc quay lại nói với chúng tôi: “Các cậu ơi, tớ nghe không gian tối nay yên tĩnh quá!” Một thứ yên tĩnh đến ghê người. Tôi đang mãi theo ánh đèn dù để dẫn bước, bỗng Khoa “bệt” đi phía sau nói vọng lên:

- Giờ này nếu không có chiến tranh thì ở nhà tụi mình đã đi bắt ve sầu và nhặt

sầu chín cả rồi. Tất cả cười ồ, tôi thầm nghĩ: cậu này tếu thật!

Thường ngày thì bom toạ độ, hoặc pháo kích là chúng tôi đã nắm được qui luật rồi, nhưng sao tối nay nghe không khí vẫn thấy khang khác.

Đột nhiên có tiếng ì ì từ xa vọng lại, chúng tôi dừng bước tập trung để phán đoán tình hình. Rồi có tiếng Hùng béo vang lên, anh em đề phòng. Thằng C130 đấy, nó có tia hồng ngoại, ta cứ cẩn thận vẫn hơn. Tất cả chúng tôi đều chung một ý nghĩ mong sao đến hậu cứ sớm để kịp mai gửi lương thực vào còn cùng chiến đấu với đồng đội.

Bất chợt, dòng suy nghĩ của tôi bị cắt ngang bởi cách chúng tôi không xa, những tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả một vùng đất trống trải. Những chớp lửa của bom hoà với pháo sáng soi rõ từng nguồn mặt mũi chúng tôi.

Tiếng anh Phúc chợt vắng lại: chúng nó đánh bom phá và na pan trên cao điểm Động Ông Do rồi các cậu ơi! Tất cả chúng tôi đều hướng về phía đó chia sẻ nỗi mất mát không thể tránh khỏi với những đồng đội đang chốt tại cao điểm này. Suốt đêm đó, lợi dụng pháo sáng của máy bay địch, tiểu đội tôi đã về đến hậu cứ an toàn.

Sáng hôm sau, nhận lương thực, thực phẩm xong, “các bọ - các mạ” (Tiếng Vĩnh Linh gọi bọ - mạ là bố mẹ) biết tin anh em tôi từ mặt trận về đêm qua đã mang những gánh rau xanh, những trái bí ngô thật lớn cho anh em. Chúng tôi vô cùng cảm kích trước tấm lòng của bà con nhân dân Vĩnh Linh đã hết lòng giúp đỡ bộ đội cho dù cuộc sống của người dân ở đây dưới mưa bom, bão đạn cũng chẳng dễ dàng gì.

Vội vã cảm ơn, vội vã ôm nhau, vội vã tay trong tay nắm chặt như người một

nhà với bà con Vĩnh Linh, rồi anh em lại đội mưa, vượt bom đạn địch, nhanh chóng mang món quà tình nghĩa về đơn vị để cùng đồng đội tham gia trận đánh mới. Và cứ như thế, công việc của đơn vị là: Ngày nghỉ, đêm là người của sông nước. Ban chỉ huy Trung đoàn bổ sung thêm cho đơn vị một số đồng chí mới quê Hải Hưng. Chúng tôi, những người lính cũ về cầu phà lại cùng những đồng chí mới sát cánh bên nhau cùng giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ. Tôi nhớ mãi ngày mùng 3 tháng 8 năm 1972, chúng tôi cơm nước xong đang quây quần bên nhau đàn hát thì từng đợt B52 đánh vào đội hình trú quân của đơn vị. F4 thả bom bi và bom nổ chậm. Cả một vùng chìm trong khói lửa. Tôi vội lao vào hầm cùng đồng chí Phúc B phó. Chiếc đà hầm chữ A bị bom sập xuống đè lên hai chúng tôi. Bỗng tôi thấy đùi phải nhói đau. Mắt hoa lên, đầu óc quay cuồng choáng váng rồi tôi không còn biết gì nữa. Khi tỉnh dậy, tôi mới biết Vinh gầy đã cõng và băng bó cho tôi, còn các đồng chí khác trong Đại đội đã đi cứu sập. Tôi nhớ ra, hỏi anh Phúc đâu, anh Phúc có lặn sao không? Đồng đội tôi trả lời: Anh Phúc bị một mảnh bom lớn chém từ hông xuống đùi, ra nhiều máu quá, cả cái màn xé ra bó cho anh mà cũng không cầm máu được. Tôi ứa nước mắt. Quần áo của tôi cũng dính đầy máu, trong đó có cả máu anh Phúc, đồng đội của tôi! Anh em còn cho tôi biết khi bị thương nặng, anh Phúc rất tỉnh, anh luôn nhắc tên tôi và dặn quà của anh dành hết lại cho tôi. Tôi ghen ngào và không dám tin vào sự thật phũ phàng: Anh Phúc đã hy sinh rồi? Khoa, Dịch và Hoan đi cấp cứu các hầm khác đưa về. Người nào cũng bơ phờ quần áo rách bươm, mặt sạm đen vì khói bom. Rồi Thăng liên lạc viên Đại đội cũng vừa tới cho biết ở B1, ngoài anh Phúc ra còn anh Minh - A trưởng, anh Sơn, anh Vinh cũng đã hy sinh. Tất cả chúng tôi lặng đi. Đêm đó, Hùng, bạn nối khố của tôi đến thăm, đã ôm tôi khóc. Hùng hỏi: “Cậu có đau lắm không?” Tôi nắm chặt tay Hùng lắc đầu. Nhìn những khuôn mặt sạm đen nắng gió của đồng đội, tôi thấy mình như khoẻ lại. Sau đó anh em đưa tôi lên viện của Trung đoàn. Được ít hôm, mặc dù chưa lấy được mảnh đạn ra, nhưng tôi vẫn xin về. Các đồng chí chỉ huy cho làm việc nhẹ giúp nhà bếp phục vụ anh em.

Sau những ngày vật lộn với sóng dữ và bom đạn địch, đơn vị tôi lui về hậu cứ. Riêng B1 của tôi ở lại với nhiệm vụ vào sông Ba Lòng vớt bằng được những khoang thuyền bị máy bay Mỹ đánh bom chìm ở cạnh bến. Tuy chân tôi vẫn còn đau. Nhưng tôi vẫn xin đi cùng anh em đi làm nhiệm vụ đặc biệt

này. Cùng đi với chúng tôi có tiểu đoàn trưởng Tuất, Ban chỉ huy Đại đội có đồng chí Đức. Anh em lên xe, bật đèn gầm hành quân tới sông Ba Lòng. Đến nơi, một số lặn xuống tháo bó vĩa, móc cáp nhưng vì thuyền bị bom hất ra gần giữa lòng sông, phải lặn ngụp mãi mới móc được cáp và tời lên đủ những khoang thuyền mang về sửa chữa.

Ngay sau đó chúng tôi được lệnh hành quân từ sông Ba Lòng về nhận nhiệm vụ tại ngầm bến Than và ngầm bến Tất để thông đường cho đoàn vận tải đưa vũ khí, lương thực vào mặt trận hướng Tây. Chúng tôi chia làm hai cánh, một nửa bắc phà tại bến Than, một nửa xuống ngầm bến Tất san lấp hố bom làm cọc tiêu dẫn đường cho xe qua.

Hầm trú ẩn, hầm chỉ huy, hầm cứu thương của chúng tôi cách bến chừng 500m để giữ an toàn. Bữa đó gần đến giờ cơm, Vinh và Khoa bắt được mấy chú gà rừng. Bữa cơm chiều đó ngoài thịt gà rừng còn có cả măng củ do nhà bếp tranh thủ đào được về cải thiện cho anh em. Đang xuýt xoa vì món măng rừng, gà núi thì đồng chí Năm đại đội phó đến, chúng tôi mời anh cùng ăn. Anh khen gà rừng thịt thơm ngon quá. Khoa “bệt” tếu táo: Anh cứ ở lại mấy hôm, em sẽ rình bắt biếu anh hẳn một bu gửi về nhà làm giống? Tối đó chúng tôi quây quần bên anh Năm tán chuyện nhà. Anh Năm quả là một cây tiểu lâm”. Trên trời anh có chuyện ông Thiên Lô, dưới đất anh có chuyện bà La Sát, lính nghe cứ ôm nhau mà cười, còn anh cứ tỉnh khô mà kể, không một tiếng cười theo. Đơn vị tôi ngày đó gọi anh là “Năm cối”, chả là quê anh có nghề đóng cối xay lúa, những lúc nghỉ anh thường làm điệu cày cho anh em. Cánh lính Hà Nội ngày ấy mỗi đứa đều “sắm” cho mình một điệu cày làm bằng ống pháo lệnh. Đêm đó anh bật tăng-di-to, qua Đài Tiếng nói Việt Nam nghe chị Linh Nhâm luyện láy, hăm lời, nhả chữ cứ như rót mật vào tai thật đã. Đến chị Trang Nhung hát ở đảo, bài “Chí làm trai” của cụ Nguyễn Công Trứ với tiếng đàn, trống phách, tiếng trống đàn quyện vào lời ca “tang bồng hồ thỉ...” nghe trong máu chúng tôi cứ sôi cả lên. Ai bảo hát ả đào giữa chốn sa trường này không thúc giục chí trai!

Giữa những ngày cấm chốt ở bến Than và bến Tắt, máy bay B52 của Mỹ mở cuộc không kích chiến lược vào hai thành phố Hà Nội, Hải Phòng. Trong 12 ngày đêm của tháng 12 năm 1972 ấy, những phố phường Hà Nội đã bị bom B52 rải thảm, trong đó có phố Khâm Thiên và Bệnh viện Bạch Mai gần nhà tôi. Xa xôi và tình hình như thế, gia đình sao có tin ngay được cho tôi. Tôi bồn chồn lo lắng. Đận này, mấy cậu trong B1 cùng ở Hà Nội cũng có những nỗi lo như tôi. Hùng, bạn thân nhất của tôi lại theo đơn vị về hậu cứ rồi. Công việc hàng ngày vẫn rất căng, hàng đêm vẫn không phút lơ là nhưng tôi thấy trong lòng một nỗi lo khôn tả.

Ngày tiếp ngày, đêm nối tiếp đêm.

Việc chung, tình riêng cứ chùng chéo, xô đẩy nhau gấp gáp...

Bất ngờ, tin vui lớn đến với cánh lính chiến chúng tôi: Hiệp định Pari được ký kết (ký kết ngày 27 tháng Giêng năm 1973). Cả đơn vị nhẩy lên hò reo.

Và cũng liền đó. Mặt trận giao cho Trung đoàn 249 chúng tôi khẩn trương bắc ngay một cầu phao qua sông Bến Hải cạnh cây cầu sắt cũ đã bị bom Mỹ đánh gãy gục từ lâu.

Chúng tôi nhận nhiệm vụ mà lòng vui như được về phép vậy. Không vui sao được khi những người lính công binh như chúng tôi chỉ có đêm đêm lặn lội với vô cùng cọc, với đinh cùng ván, phải bó tay, bất động khi pháo sáng xăm xoi... nay mới có ngày được bắc cầu - bắc một cây cầu lại chính ở ngay trên sông Bến Hải bấy lâu chia cắt đôi bờ, bắc ngay giữa thanh thiên bạch nhật để Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn... như ước mơ của Bác Hồ kính yêu.đại đội

Tôi vốn có tính đi đến đâu thường hay để ý những cảnh chung quanh mình, đặt những câu hỏi rồi tự mình tìm cách giải đáp hoặc nhờ người khác giúp đỡ.

Về con sông Tuyên, về cầu Hiền Lương, về sự chia cắt đất nước, lịch sử để lại từ khi tôi vừa sinh ra hoặc mới lên một, lên hai.

...Sông Tuyên chảy qua Vĩnh Linh, cắt qua tỉnh Quảng Trị. Nó khởi nguồn từ dải Trường Sơn hùng vĩ chảy từ Tây sang Đông, mà nhô ra Thái Bình Dương. Nơi sông gõ vào núi là mỏm 820 ở lưng Trường Sơn và cũng là đường thủy phân của sông này và sông Xê Băng Hiên của Lào, sông Bến Hải chính là con sông Tuyên. Nhưng làm cách nào mà phân tuyến trên cả một vùng đất nước rộng, trong khi sông Bến Hải chỉ dài chừng sáu chục kilômét, từ Trường Sơn chảy ra biển? Nghe nói ngày đó bên ta, bên địch đi cắm mốc chia tuyến, bấy giờ là tháng chạp năm 1954. Vĩnh Linh đang mùa mưa. Mưa Vĩnh Linh thường kéo dài qua cả Tết Dương lịch sang Tết âm lịch. Mưa thối cỏ thối đất, mưa đau ốm con người. Một binh đoàn liên hợp (gồm bộ đội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và sĩ quan Pháp cùng lũ tay sai của Pháp) người nào cũng nai nịt súng ống đầy đủ. Từ Hồ xá, ta đã sơn sẵn 170 biển gỗ kẻ chữ: “Giới tuyến quân sự tạm thời”, nền trắng, chữ đen, tiếng Việt trên, tiếng Pháp dưới. Bên kia cũng biển gỗ mỏng theo, nội dung viết như ta, song để chữ Pháp trên, chữ Việt ở dưới. Các sĩ quan bên kia cũng như bên ta đều đeo băng vải nơi cánh tay. Băng của ta có hình cờ đỏ sao vàng, còn họ băng nửa trên in cờ tam tài Pháp, dưới hình ba gạch nền vàng, cờ nguy quyền. Cả ta và địch đều rời đầu cầu Bến Hải, dùng ca nô ngược dòng đi lên. Đến bến Tắt cả đoàn cắm mốc phải để ca nô lại, thuê thuyền của người địa phương đi tiếp. Từ bến Tắt ngược lên, thuyền phải chống bằng sào. Ở đây đã có thác, có những chặng thác, chặng ghềnh, chân sào phải nhảy xuống sông mà đẩy thuyền. Cán bộ và bộ đội ta cũng nhảy xuống đẩy thuyền giúp chân sào. Trong khi đó viên quan ba Pháp và lũ tay sai vẫn ngồi nguyên trên thuyền, đưa đọc sách, đưa tán gẫu. Đêm thứ nhất cũng như đêm thứ hai, cả đoàn Liên hiệp đổ bộ lên bờ, ngủ ở nhà sàn của đồng bào Vân Kiều mà bọn Pháp khi đó gọi là “mọi Càlô”. Ngày thứ ba, trong lòng năm chiếc thuyền đã vội đi nhiều. Những cọc, biển gỗ đã đóng trên đường tuyến gần hết. Biển gỗ, bọn chúng

đóng ở bờ Nam, còn bên ta đóng ở bờ Bắc. Ngày thứ tư, cả đoàn Liên hiệp đã đến Cơn Tám, một cái bến vắng nằm chếch ở cửa rừng. Đoạn sông giới tuyến này ngày xưa gọi là Ô giang. Từ Cơn Tám lên xứ Bò Ho đường gần, nhưng khó đi. Ngày cuối, đoàn Liên hiệp chỉ đóng được năm cọc mố, quan ba Pháp ngã nhiều lần bực quá đòi về, nói rằng còn tiếp thì đúc cọc xi măng cho máy bay thực thăng bỏ xuống... Thế là mố cuối cùng của đường giới tuyến cắm ở Khe Trúc. Cái biển gỗ được đóng lên một cây bún. Lá bún giống lá sắn, đồng bào Vân Kiều vẫn muối làm dưa ăn. Quả bún chín dùng làm mồi câu cá.

Xin ghi thêm: Trong Hiệp định Giơ-ne-vơ ký ngày 20 tháng 7 năm 1954, có đoạn ghi rõ là: Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ.

Bắc cầu qua sông Bến Hải thì trước khi bắc chúng tôi tổ chức rà phá bom mìn dưới lòng sông. Ba đồng chí: Huyền, Hùng, Mạnh nhận nhiệm vụ này. Những chiếc xe lội nước có lắp máy phóng từ lao ào ào xuống sông, chạy từ hạ lưu đến chân cầu sắt phía thượng lưu. Có những quả bom nổ rất gần xe cực kỳ nguy hiểm, nhưng chỉ trong một ngày, ba đồng chí đã rà phá được trên một trăm quả bom, mìn các loại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau đó, một tiểu đội được lệnh cắm chốt phía bờ Nam để bảo vệ cầu và khu vực bến của mình.

Hôm bắc cầu, đồng chí tiểu đoàn trưởng nổ phát súng lệnh, đây là phát súng lệnh đầu tiên tôi được nghe trong lúc làm nhiệm vụ. Chúng tôi theo nhiệm vụ được giao từ trước, hạ các khoang thuyền đã được sửa chữa lắp ghép thành từng mảng một. Những cây dầm, mỗi cây hơn hai tạ, được bốn chiến sĩ khiêng nhíp nhàng theo tiếng hô của tiểu đội trưởng. Nhưng khi chiếc cầu phao chỉ còn chờ ca nô cặp mạn lắp đà mỗ của hai đầu cầu là xong thì bất ngờ hai chiếc F4 bổ nhào xuống đánh phá. Súng 12 ly 7 ở đầu cầu bắn trả xối xả. Ban chỉ huy đại đội cùng anh em trong đơn vị và các đồng chí dân quân tản ra công sự đánh trả máy bay địch. Chiếc ca nô được lệnh rời bến lao về phía thượng lưu để kéo sự chú ý của máy bay. Các đồng chí công an vũ trang chốt tại đầu cầu bờ Bắc cũng ra sức giúp đỡ chúng tôi sơ tán phương tiện, khí tài của đơn vị. Nhưng hai “con chó đại” ấy nhào trái, bổ phải sửa càn

mới được vài băng đạn, bị đánh rát quá vội rút thẳng ra ngoài khơi. Bầu trời trở lại yên tĩnh. Anh em đi kiểm tra từng con ốc, bắt chặt những thanh bó vĩa hai mép cầu. Bài hát của công binh vang lên:

Ta bắt chặt từng ốc đinh cho cầu vững thêm

Đây cầu phao là cứ điểm, đây cầu ta là trận: tuyến

Ta lính công binh ngày đêm sẵn sàng...

Chẳng mấy chốc chiếc cầu phao TPP 16 tấn dài 170 mét đã nối liền đôi bờ Nam - Bắc.

Chúng tôi hạ neo và chốt chặt hai đầu cầu. Một tiểu đội công binh được lệnh dùng ca nô tuần tra cảnh giới thượng lưu, và hạ lưu, chú ý các vật nổi trôi như bè, mảng thuyền của dân, khi gặp lưu tốc nước lớn, phải cho dừng cách cầu một ngàn mét để đảm bảo an toàn cho cầu phao. Đúng 20h Lệnh thông cầu vang lên. Đại đội trưởng Đức cùng những chiếc Zin 157, đầu tời lần lượt chạy qua để kiểm tra độ chính xác và an toàn của cầu. Một bộ phận dùng thuyền cao su kiểm tra từng khoang để tránh những sự cố có thể xảy ra.

Cây cầu phao nối liền hai bờ Nam - bắc, nhịp cầu thân thương mà bà con hai miền hằng mong ước đã trở thành hiện thực. Nó hiện hữu như là tinh thần bất khuất của dân tộc. Nhân dân hai bờ Nam - Bắc cầm cờ đỏ sao vàng, cờ Mặt trận Giải phóng đến mỗi lúc một đông. Dưới sông, dòng nước êm ả trôi. Bên cạnh cây cầu phao đồ sộ là hỏa nhịp cầu Hiền Lương cũ, gãy gục, phơi bày dấu vết của những năm tháng chiến tranh.

Đêm đến, chúng tôi có nhiệm vụ giúp một đơn vị bạn mắc điện qua cầu để

chào mừng ngày ký Hiệp định Pari. Một lần nữa cả đơn vị lại mừng khôn tả, khi biết những người thợ điện đó đều là công nhân của Sở điện lực Hà Nội. Họ là những đại diện của những người lao động thủ đô Hà Nội - Trái tim của cả nước” được lệnh vào tuyến lửa Vĩnh Linh mang dòng điện của Tổ quốc vào thắp sáng cho dòng sông Bến Hải. Tất cả chúng tôi ôm nhau quay tròn trong niềm vui sướng.

Đêm đó, dưới ánh điện thắp sáng cả dòng sông Bến Hải, tôi bỗng sủng đứng gác trên cầu. Chợt thấy một bé gái chừng mười hai tuổi. Em đi từ bờ Nam sang bờ Bắc, và nhắm đếm từng tấm ván trên cầu. Rồi bé gái lại gần chúng tôi. Tôi hỏi nhà bé ở đâu, em mỉm cười thật tươi, trả lời tôi: “Cháu ở bên ni, cháu thấy đèn sáng quá nên ra xem, chu hà”. Tất cả chúng tôi “à” lại rồi công kênh em lên, phi từng từng từ bờ Nam sang bờ Bắc rồi lại từ bờ Bắc quay lại bờ Nam, đồng thanh hát vang bài: “Nhanh bước nhanh nhi đồng...”.

Sáng ngày 28/1/1973, cột cờ của đồn Công an biên phòng Hiền Lương cao 35 mét, lá cờ đỏ sao vàng rộng 96 mét vuông đã được kéo lên vẫy chào lá cờ xanh đỏ sao vàng của Mặt trận Dân tộc giải phóng bên bờ Nam sông Bến Hải. Băng cờ, ảnh Bác Hồ, biểu ngữ treo kín các lối từ thôn Hiền Lương ra đến đầu cây cầu chúng tôi mới bắc. Cũng tại bờ Bắc, đối diện với đồn Công an biên phòng, một căn nhà bạt dùng làm chỉ huy sở của Tiểu đoàn công binh được dựng lên.

Đúng 6 giờ sáng, Ban chỉ huy Mặt trận, Đảng bộ và Chính quyền địa phương, các nhà báo cùng nhân dân có mặt dự lễ cắt băng thông cầu.

Tôi được vinh dự bỗng sủng làm nhiệm vụ tại bờ Bắc.

Sau khi đại diện Mỹ và Nguy. quyền Sài Gòn cùng với đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam chính thức ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại Hoà bình ở Việt Nam, khu vực Vĩnh Linh tổ chức cuộc mít tinh trọng thể để chào mừng. Trước đó, công binh chúng tôi đã bắc cây cầu qua sông Bến Hải sau bao năm chia cắt, bà con đi lại thăm hỏi nhau. Khi cầu bắc xong, Đại biểu mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Triệu Phong và bà con bên kia sông sang dự cuộc mít tinh khá đông.

Buổi sáng hôm ấy, diện bộ quân phục mới cất kỹ ở đáy ba lô từ lâu, tôi bồng súng đứng gác bên đầu cầu bờ Bắc. Đang làm nhiệm vụ thì bỗng một ông già nói giọng Bắc đến hỏi tôi:

- Cho tôi hỏi, có đơn vị bộ đội công binh toàn người Hà Nội đóng gần đây không?

Nhìn ông già dáng người cao, gầy, vai khoác túi xách, áo quần đã nhàu nát vì chặng đường xa, vẫn ở trong tư thế bồng súng đứng nghiêm, tôi hỏi:

- Thưa, cụ từ đâu đến ạ, cụ cần gặp ai?

Nghe giọng Hà Nội của tôi, ông cụ ôm chầm lấy như bắt gặp người thân, cuống quýt khiến tôi một thoáng lúng túng vì súng ống.

- Chú là người ngoài Bắc ta à? Vào đây đã lâu chưa? Hẳn chú biết đơn vị công binh toàn lính Hà Nội vào đây từ đầu năm 1972. Bây giờ họ ở đâu chú?

- Cháu cũng là lính Công binh người Hà Nội đây. Nhưng cho cháu hỏi, cụ từ đâu đến, vào đây tìm ai?

- Chả là... mừng quá chú ơi! Thăng con tôi đi bộ đội từ năm 1972. Khi vào đến Nghệ An nó viết thư về báo tin là lính Công binh, trên đường vào tuyến lửa. Thế rồi biệt tin. Nhà nóng ruột lắm. Vừa rồi được tin Hoà bình đã được

ký kết, bà nhà tôi bao tôi lặn lội vào đây hỏi thăm tin con. Ôi chao... đi từ Hà Nội vào đây, có lúc đi nhờ xe quân đội, có lúc cuốc bộ, trên đường toàn gặp bộ đội đi ra, đi vào. Hỏi thăm, người ta nói trong Vĩnh Linh đang có đơn vị Công binh bắc cầu qua sông Bến Hải, tôi cố vào đến đây, may ra gặp được... Lâu quá không gặp được bà con Hà Nội, bà con đồng hương, giờ, đang đứng trước ông già Hà Nội bằng xương, bằng thịt, tôi cũng vui lắm. Tôi nói:

- Bố cứ đứng đây, lát nữa hết phiên gác, con đưa bố về đơn vị con, rồi anh em giúp bố đi tìm anh ấy. Nhưng mà... tên con bố là gì chứ?

- Tên nó là Quốc Dũng, người dong dỏng cao, da trắng.

Tôi reo lên:

- Thằng Quốc Dũng phố Huế phải không bố?

- Đúng, đúng... Quốc Dũng phố Huế... Bây giờ nó ở đâu?

- Bố cứ bình tĩnh. Nó cũng trong đơn vị con, nhưng mấy hôm nay sau khi bắc xong cầu, Dũng vào sông Ba Lòng làm nhiệm vụ, vài ngày nữa nó sẽ về. Bố yên chí, lát nữa con đưa bố về đơn vị gặp chỉ huy, rồi nghỉ lại chỗ chúng con đợi nó về.

Hết phiên gác, tôi đưa ông cụ về thôn Hiền Lương. Ông cụ tìm được đơn vị con, cứ xuýt xoa:

- Lạy Trời Phật. Có câu có được. Ông bà già cầu khẩn mãi rồi cũng tìm được con. Mà chú ơi! Lâu tôi không được thấy nó, nó có khoẻ không chú?

- Khoẻ và lớn bống lên bố ạ. Lần này nó có về phép bố cứ hỏi vợ cho nó là được. Mà bố cho con hỏi: Sao bố gan dạ và cả quyết thế, dám từ Hà Nội đi bộ vào đây tìm con?

- Nhớ nó lắm anh ạ! Với lại, hơn năm rồi vắng tin nó. Lại nghe nói vùng trong này là cái túi bom của thằng Mỹ. Nóng ruột như lửa đốt ấy chứ. Đọc báo, biết tin Hiệp định đã ký kết, lại thấy bài báo viết về anh lính Công binh Cường - Hoạt ở Hà Nội đứng gác bên bờ Hiền Lương, tôi cứ đánh liều phiêu lưu một chuyến. Thế mà... may quá... lại tìm được con.

Phố Huế của Dũng và phố tôi cùng khu Hai Bà Trưng chỉ cách nhau dặm làng cây. Tôi dẫn cụ đến gặp Ban chỉ huy Tiểu đoàn, sau đó được sự đồng ý của Tiểu đoàn Bộ tôi đưa cụ về nghỉ cùng nhà của tôi. Vừa về đến nơi, anh em vây lấy ông hỏi thăm tíu tít. Ông cụ mở túi đưa ra nào thuốc lá Điện Biên, nào chè Hồng Đào và bánh kẹo. Chúng tôi được dịp hỏi về Hà Nội, thôi thì đủ chuyện:

- Bố ơi! Bom Mỹ có phá Hà Nội ta nhiều không?

- Chú ở gần bến xe Kim Liên hử, gần ga hử?

- Vâng.

Quãng ấy nó dội nhiều bom lắm nhưng chỉ ở Khâm Thiên và ga Hàng Cỏ thôi, người chết cũng nhiều, nhà đổ vài chụm nóc. Còn ngoài ra chẳng việc gì. Máy bay, giặc lái Mỹ đến tội xứng đáng lắm. Ở phố Huế nó cũng đánh tan mất cái nhà thuốc chênh chếch với rạp Đại Nam...

- Hà Nội vẫn đi sơ tán à bố?

- Vãn... nhưng nay đã có người về.

Tôi bỗng nhớ bố mẹ và các em tôi khôn cùng. Không biết lúc này ở nhà tôi đang làm gì? Giá bố tôi mà là ông cụ tôi gặp ở bờ sông Tuyên thì hay biết bao nhiêu, tôi thầm nghĩ như vậy.

Đứng gác dưới lá cờ Tổ quốc, tôi có dịp nhớ lại những ngày ác liệt giữ vững ngọn cờ. Rất nhiều lần Mỹ - Ngụy ném bom phá cột cờ này. Hơn mười lần bên ta đã dựng lại. Ta cũng nhiều lần vá lại cờ. Bà mẹ Diệm tuy tuổi đã ngoài sáu mươi, bà con vận động đi sơ tán nhưng bà xin ở lại để vá cờ.

Một lần, nhà thơ Tạ Hữu Yên - Nguyên Đại tá quân đội, từ Hà Nội vào thăm lại Vĩnh Linh ông kể cho chúng tôi nghe về những ngày năm hầm, làm công tác binh vận ở vùng giới tuyến. Câu chuyện ông kể càng làm tôi hiểu hơn về cây cầu Hiền Lương:

“Những năm 1966 -1967, trên tuyến lửa Vĩnh Linh nhiều đêm không có đêm vì máy bay Mỹ thả pháo sáng từ chập tối đến tận canh năm. Bầu trời luôn luôn sôi động như bão, nóng như lửa, đêm bị đánh thức trong ánh sáng ma trời - từng chùm đèn dù treo lơ lửng trên đầu.

Nhiều đêm, tôi đứng trên nóc căn hầm được khoét vào lòng đồi đất đỏ, toàn thân phơi dưới: ánh pháo sáng nghe tiếng loa kêu gọi những người lính Sài Gòn trở về với nhân dân. Chỗ tôi ở được xem như điểm tiền tiêu của Vĩnh Linh, phía sau sông Bến Hải không xa. Bộ phận tôi có sáu anh em, năm anh của công an vũ trang Vĩnh Linh và tôi cán bộ của Cục địch vận - lúc ấy gọi là Cục nghiên cứu, Tổng cục chính trị phụ trách.

Làm báo trên sóng điện thật là một dạng đặc biệt. Lại “làm nghề” ngay trên tuyến lửa Vĩnh Linh, tháng nào cũng có cuộc “đấu loa” qua dòng sông tuyến. Năm 1966, nguy quyền Sài Gòn trao trả cho ta hai lần những anh bộ đội không may bị chúng bắt được. Mỗi lần trao trả, số anh em này không nhiều, khoảng vài ba chục anh. Đi đón anh em ta là anh Dương Chừa - Đại úy Công an vũ trang Vĩnh Linh, anh là chủ nhiệm chính trị và tôi, mang quân hàm đại úy phụ trách chương trình phát thanh binh vận. Chúng tôi đứng giữa cầu Hiền Lương, nơi có đại biểu của ba nước trong “Liên hiệp đình chiến” là Ấn Độ, Ba Lan, Canada. Đây là một quy định bắt buộc: Bên ta có 2 người - anh Dương Chừa và tôi; bên kia cũng có hai sĩ quan, cỡ đại úy. Sau khi bàn giao, nhận đủ số quân trao trả là nhiệm vụ xem như được hoàn thành.

Xin được nói lại về cây cầu lịch sử này - cầu Hiền Lương có bảy nhịp, dài 178 mét, được lát 894 tấm ván. Bờ Bắc được chia 450 tấm, bờ Nam kém sáu tấm, tức có 444 tấm. Cầu chia làm đôi, sơn hai màu khác nhau. Đón anh em ta, chúng tôi đứng ở thanh ván giáp ranh với phía bên kia thanh số 450. Lần thứ nhất, vì thiếu kinh nghiệm, cho nên đón anh em xong, chúng tôi đứng đĩnh đi dạo trên cầu, thành ra thời gian bị kéo hơi dài. Và khi chúng tôi vào được chiến hào phía bờ Bắc - dải chiến hào sâu chạy dọc đường – thì máy bay Mỹ ập tới, chúng lượn mấy vòng nhưng chưa dám bắn vì ba đại biểu Ấn Độ, Ba Lan, Canada vừa lên ô tô và ô tô đang lăn bánh đi về phía bờ Nam.

Lần thứ hai, vì có kinh nghiệm, nên chúng tôi khẩn trương hơn. Đón anh em

xong, “quân ta” đến giữa cầu là cởi quần áo nguy quyền cấp cho vắt tất cả xuống sông Bên Hải, chỉ mặc quần đùi và cởi trần chạy sang bờ bắc; rồi xuống chiến hào, đi rất nhanh về phía sau. Đến bây giờ, tôi vẫn nhớ cái nháy mắt của ông đại biểu Ba Lan và cái nhìn cảm tình của vị đại biểu Ấn Độ: Giục ta rút nhanh để về nơi an toàn.

Suốt thời gian đón anh em là những cuộc “đấu loa” căng thẳng và “dữ dội”. Chương trình phát thanh chúng tôi đã làm sẵn, cứ thế mà “phóng” đi. Nội dung gồm chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; bài kêu gọi binh sĩ cộng hoà “Hãy nhận ra đường sáng mà quay về”; thu lời của số sĩ quan nguy quyền đã sang với hàng ngũ Mặt trận; thơ và nhạc... Sau khi anh em được trao trả về bờ Bắc, chúng tôi kéo chiếc loa Trung Quốc - miệng to như chiếc nong phơi thóc - dọc bờ sông Bên Hải để phát đi chương trình. Lúc ấy cả một vùng sông nước phía dưới là Cửa Tùng - âm vang tiếng loa từ bờ Bắc. Sau mấy bài thời sự là chương trình thơ, rồi nhạc... nối tiếp kéo dài hàng giờ đồng hồ.

Trong thời gian ở tuyến lửa Vĩnh Linh, làm chương trình phát thanh binh vận, có lẽ là một kỷ niệm sâu sắc nhất đối với tôi. Báo nói - một phương tiện rất hữu hiệu, chương trình phát tối hôm nay qua bờ Nam ngày mai có thể biết được dư luận đối với chương trình đó. Cơ sở của ta ở bờ Nam “nhặt” những dư luận của binh sĩ Cộng hoà và gia đình họ rồi chuyển sang cho ta ở bờ Bắc. Và anh em chúng tôi vào các buổi tối, thay nhau sang bờ Nam - nơi có cơ sở đón sẵn để thâm nhập thực tế. Có thể nói, chương trình phát thanh làm “tại chỗ” vừa kịp thời vừa sâu sát, khiến cho “lời nói” của ta dễ “vào” đối tượng và bà con nơi bờ Nam. Với tôi, năm 1966 - 1967 ấy nhớ đến suốt đời.

Chúng tôi hoà chung cuộc sống niềm vui cũng như những gian truân với bà con khu giới tuyến. Hơn hai vạn dân Vĩnh Linh sơ tán ra Nghệ An hơn hở trở lại quê hương. Thật cảm động khi được thấy nét mặt của những người bấy lâu xa quê, nay được trở về nhà. Nghe bà con kể chuyện được sự đùm bọc của bà con ngoài Bắc, tôi càng thấm thía câu: “Nhiều điều phủ lấy giá gương, người

trong một nước phải thương nhau cùng”. Một cụ già Vĩnh Linh kể cho tôi nghe: Trước khi lên đường từ Nghệ An, Hà Tĩnh về quê, cán bộ và đồng bào địa phương đã tổ chức các cuộc họp thân mật, sau đó đưa bà con sơ tán ra tận chỗ tập kết để lên xe về quê. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ mang giúp tất cả các đồ dùng cần thiết như: chăn chiếu, giường, màn... Khi sơ tán, bà con vùng biển đưa cả thuyền của mình đi theo. Đây là tài sản quý; cho nên, khi trở về, cán bộ địa phương đã cho cả tàu để kéo thuyền, cùng các ngư cụ của bà con về theo. Bà con ở thôn Hiền Lương, nơi chúng tôi đóng quân, riu rít, vây quanh bên những đứa con bộ đội miền Bắc có mặt trong ngày vui này.

Trong ngày vui này, chúng tôi càng có dịp nhớ lại những ngày đấu tranh đầy máu và nước mắt. Thực ra trong thời gian ở Vĩnh Linh, điều động viên nhắc nhở chúng tôi nhiều nhất là tinh thần bộ đội ngoài Côn Cỏ. Ngay khi Công binh chúng tôi vừa đặt chân đến Vĩnh Mốc đã được nghe kể về các chiến sĩ đảo Côn Cỏ.

Côn Cỏ vắt ngang vĩ tuyến 17. Hòn đảo chưa đầy 4 ki-lô-mét chiều rộng, có rừng cây đất và bãi cát, đồi cỏ tranh. Trong suốt cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc của Mỹ, đảo Côn Cỏ bị đánh phá liên tục suốt đêm ngày. Tuy nhiên, bộ đội trên đảo vẫn trụ vững. Khắp Vĩnh Linh, nơi nào cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt nhất, nơi ấy mang tên Côn Cỏ. Côn Cỏ sống nhờ đất liền, tuy bộ đội ở đây cũng trồng cây, bắt cá, bắt cua để tự cải thiện. Nguồn nước ở Côn Cỏ chủ yếu dựa vào nước mưa, nhưng lâu trời không mưa, anh em phải chờ nước chở từ đất liền ra. Cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt, hầu như ngày nào cũng có chiến sĩ ngoài đảo bị thương, lại cần bổ sung lực lượng, vũ khí, cần có phương tiện để chở thương binh, liệt sĩ ngoài đảo về đất liền. Điều kiện vào, ra đảo thật vô cùng khó khăn. Đã có lúc ta dùng tàu phóng ngư lôi từ Sông Gianh chở hàng ra, nhưng tàu không ghé bến được. Phải dùng thuyền nan chở theo trên tàu để từ ngoài bốc dỡ hàng vào, gần sáng tàu lại phải quay về. Tình hình trên đảo càng gay gắt, càng đòi hỏi phải tìm cách tiếp tế. Đảo có một bể nước mưa, bom Mỹ đã rơi trúng, làm bộ đội không còn nước uống. Tàu chiến của địch phong toa chặt, bịt kín mọi lối ra vào đảo... Nhưng quân dân ta nào chịu bó tay. Ngoài đảo thì nêu khẩu hiệu: “Còn đất liền còn đảo”; trong đất liền: “Còn đảo, còn đất liền”. Các xã trong Vĩnh Linh xin cử người đi tiếp tế cho đảo. Có những cụ già cũng lấy máu viết

đơn xin đi tiếp tế cho đảo. Khởi đầu là đoàn thuyền hơn chục chiếc chở vũ khí, gạo và nước ngọt ra đảo đi từ Vĩnh Mốc và về chót lọt. Con đường ra đảo đầy những thử thách, hy sinh. Ban đêm tàu địch dàn hàng ngang bắn pháo sáng, nã đại bác vào bờ. Ban ngày trên trời đầy máy bay phản lực đánh phá. Thuyền nan của ta đã trở thành phương tiện chủ yếu để tiếp tế cho đảo vì dễ lườn lách. Chuyện các chiến sĩ cảm tử tiếp tế cho đảo với phương châm “Lấy biển làm hầm trú ẩn, lấy mạn thuyền làm công sự”; “Đánh địch mà đi, vượt bom đạn mà ra đảo” đã gây cho chúng tôi nhiều xúc động, tăng thêm ý chí chiến đấu cho chúng tôi. Những anh hùng đảo Cồn Cỏ như: Thái Văn A, Nguyễn Tăng Mật, Cao Văn Khang... luôn trở thành niềm động viên anh em chúng tôi trong thời gian đóng quân ở Vĩnh Linh. Chiến sĩ Công binh chúng tôi quên sao được hình ảnh các cụ ở Vĩnh Thái, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch... nhìn mây trời, sóng nước để định những chuyến hàng ra đảo. Có thuyền hai anh em ruột đi đều hy sinh ngoài biển. Có thuyền, thấy con đã hy sinh, cha xin đi tiếp tế sau thay cho con. Hàng ngàn tấn vũ khí, cả pháo cao xạ, lương thực được chở ra đảo. Hàng trăm gia đình Vĩnh Linh có người hy sinh khi làm nhiệm vụ tiếp tế ra đảo. Đáp lại sự hy sinh đó, cán bộ, chiến sĩ ngoài đảo càng kiên cường bám trụ. Anh em đã hạ hàng chục máy bay Mỹ, nhấn chìm ca thủy phi cơ Mỹ...

Nghe những chuyện chiến đấu của bà con trên đất liền cùng bộ đội ngoài Cồn Cỏ trong những ngày vui xoá đôi bờ giới tuyến, chúng tôi càng thấy cái ngày này thật vô giá.

Suốt ngày, bà con thôn Hiền Lương và vùng chung quanh đem quà bánh đến cho chúng tôi, thăm hỏi ân cần. Nỗi vui của bà con bên kia vượt tuyến tàn cư sang bên này, nay người người lớp lớp trở về quê cũ, làm chúng tôi chạnh lòng nhớ về Hà Nội. Hà Nội ơi, Hà Nội, chắc hẳn lúc này Hà Nội cũng vui lắm. Tôi không hình dung nổi khi máy bay Mỹ đánh bom B.52 rải thảm thì ngoài Khâm Thiên ra, còn những phố nào bị huỷ diệt? Tôi muốn về Hà Nội quá, nhưng nhiệm vụ còn ở phía trước, với cảnh lính như chúng tôi thật nặng.

Trước khi ký Hiệp định Pari ba ngày – nghĩa là từ đêm 25 tháng 1 năm 1973 - trận địa ta bị đánh phá dữ dội, trung bình mỗi ngày bảy mươi lần chiếc máy

bay B52 và trên sáu mươi nghìn quả đạn pháo địch. Tàu chiến luôn rình rập ven bờ. Chúng định chiếm lại Cửa Việt, cảng biển lớn quan trọng để tạo thế cho quân Ngụy sau khi Mỹ rút. Chính ngay trong đêm 27-1-1973, lợi dụng trời mưa to, một lữ đoàn Ngụy bí mật luồn theo mép nước biển tiến ra Cửa Việt. Táng sáng 28-1-1973, ngày Hiệp định Pari có hiệu lực ngừng bắn thì binh lính Ngụy đã chiếm cảng Cửa Việt. Do có chuẩn bị trước, bộ đội ta lập tức tiến công. Công binh được lệnh cấp tốc sửa chữa gần một nghìn mét đường có nhiều hố bom, rồi công ba khẩu pháo cùng chín trăm viên đạn, năm tấn lương thực qua Cửa Tùng. Có pháo, bộ đội ta kịp thời bắn trúng hai tàu chiến ngụy trên đường ra lặn chiếm Cửa Việt. Chiều hôm sau, thêm bốn tàu chiến trúng đạn bị thương. Chúng kéo nhau rút chạy ra khơi.

Chiến dịch Quảng Trị kết thúc ngày 31-3-1973.

Ít lâu sau, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ Nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng vào thăm Vĩnh Linh. Tiếp đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng cũng vào thăm bộ đội và nhân dân tuyến lửa. Cùng thời gian này, hơn hai vạn bà con Vĩnh Linh sơ tán tại huyện Tân Kỳ và trên bốn vạn học sinh ngoài đó cũng lần lượt trở về. Nhiều xã như Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Sơn... đã tổ chức mỗi nơi hàng trăm ca máy san ủi mới có đất bằng để làm lại nhà cửa và phải bỏ ra hàng ngàn ngày công rà phá bom, mìn, san lấp hố bom để nhân dân tiếp tục làm ăn sinh sống.

Đến giữa tháng 9, Vĩnh Linh lại được đón đoàn đại biểu Đảng Cộng sản và Chính phủ Cu Ba do Chủ tịch Phi-đen Catx-tơ-rô dẫn đầu đến thăm. Cùng đi với đoàn Cu Ba có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Nhìn cảnh vật đổ nát và những tội ác của đế quốc Mỹ để lại trên mảnh đất này, lại tận mắt thấy những nụ cười trên bao khuôn mặt xam đen vì nắng gió, vì đạn bom của nhân dân và bộ đội, đoàn Cu Ba vô cùng cảm động, và đã đánh giá cao tinh thần của người vùng đất lửa, đất “Kim Cương”, đất “thép” mà bấy lâu nay cả thế giới đã từng nói đến. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cùng Chủ tịch Phi-đen Catx-tơ-

rô đi thăm nhà bảo tàng Vĩnh Linh, các đường hầm, hào chiến đấu, và ra tận cánh đồng thăm bà con đang sản xuất.

Trong những ngày đó, đơn vị chúng tôi được chia làm hai bộ phận. Một do đồng chí Tuất – tiểu đoàn trưởng cùng một trung đội tháp tùng Mặt trận dân tộc giải phóng và các đồng chí lãnh đạo địa phương vào sông Thạch Hãn đón các đồng chí bộ đội ta bị địch bắt, nay trao trả ta theo Hiệp định Pari, bộ phận còn lại vẫn trụ tại sông Bến Hải do đồng chí Chương nhà ở làng Hoa phố Hoàng Hoa Thám cùng hai đồng chí Sơn và Năm chỉ huy, có nhiệm vụ bảo vệ cầu, để tuyệt đối không một sự cố nhỏ nào xảy ra trong ngày.

Khi đoàn xe về đến đầu cầu, có các đồng chí cảnh vệ áp sát hộ tống. Đoàn xe từ từ xuống cầu phao, các cụ già ra tận cửa xe dìu đỡ anh em xuống. Nhiều đồng chí qua những ngày bị địch tra tấn, giam hãm quá gầy, yếu không bước nổi. Hôm đó Vĩnh Linh như một ngày hội lớn. Từ thị trấn Hồ Xá xuống đến Hiền Lương, cả một rừng cờ đỏ sao vàng. Những quầy hàng bách hoá đã kịp thời mở cửa phục vụ ngày hội này.

Mỹ cút, nhưng vẫn chưa từ bỏ ý định xâm chiếm miền Nam Việt Nam ta. Chúng vẫn xua quân Ngụy ra đối đầu với quân Giải phóng trên khắp các trận tuyến. Những ngày sống và chiến đấu ở Vĩnh Linh tôi không thể nào quên hình ảnh người con gái tên Hiền cùng gia đình đã nhường nhà và hầm trú ẩn cho anh em chúng tôi. Lúc đó Hiền kém tôi chừng vài tuổi, là đoàn viên thanh niên lại là dân quân xã. Những ngày cùng nhau đi tuần tra đào hầm hào chiến đấu, rồi những đêm “văn nghệ” dưới giao thông hào đã khiến những người lính Hà Nội có cảm tình đặc biệt với anh chị em dân quân Hiền Lương, một xã ngay bên sông Bến Hải chịu nhiều sóng gió và bom đạn của kẻ thù. Hiền có khuôn mặt trái xoan và nụ cười đến duyên khó mà quên được. Cô năng nổ, hăng hái trong mọi việc. Chúng tôi còn nhớ mãi câu nói của bà con thôn Hiền Lương và gia đình Hiền: “Khi nào các con về đây, nhân dân Vĩnh Linh luôn giang rộng vòng tay để đón các con”. Thật cảm động với những câu nói chí tình, thăm thiết tình quân dân.

Lúc này, hàng nghìn bà con Vĩnh Linh sơ tán ra Nghệ Tĩnh đã trở về, các xã vùng đất trống, các xã miền núi, miền biển của Vĩnh Linh tràn đầy sức sống, màu xanh bắt đầu lan rộng khắp nơi.

Tôi gặp lại Hiền rồi lại chia tay nhau. Khi Hiền trở về nơi ở cũ, cái nơi từng có cả một cuộc sống trong lòng đất, bên trên thường vang dội tiếng đạn tiếng bom; nơi chúng tôi đã từng chia nhau củ khoai, củ sắn, ấm áp mỗi tình quân dân thì cũng là lúc tôi lại sắp xa Hiền. Miền Nam, Sài Gòn chưa giải phóng. Đường vào còn cánh trở, nhiệm vụ anh lính công binh còn nặng nề, tôi còn phải đi. Đáng lẽ Hiền phải vui, vui vì Vĩnh Linh không còn bom đạn nữa, Vĩnh Linh sống lại rồi, những nông trường đang xanh lại, những hợp tác xã đang đắp bờ vào vụ gieo trồng, các em nhỏ đang kê lại bàn ghế, sửa sang lớp học vào năm học mới; những mái nhà ấm tiếng cười vui trở lại, vườn tược đã lác đác đơm bông, trên sân đã líu ríu tiếng gà, tiếng lợn... nhưng biết tôi đi Hiền rất buồn. Đời lính công binh trải dài trên sông nước, trên các nẻo đường biết bao giờ gặp lại nhau.

Tôi và Hiền chia tay nhau. Hiền không còn bên lều như ngày nào nữa. Vẻ chân thật của cô gái quê miền Trung hiện lên khuôn mặt tuy còn ít tuổi đã sạm đen vì nắng, gió, vì chiến tranh, nhưng đượm buồn. Hiền hỏi tôi: “Bao giờ chúng mình gặp lại nhau anh Cường(?)”.

Tôi trả lời dứt khoát: “Ngày chiến thắng, đất nước ta thống nhất”.

Hiền rất tự tin:

- Chúng em thì chẳng bao giờ (giờ) quên các anh đâu, chỉ sợ mai một khi giặc tan, các anh trở về Hà Nội - Thủ đô tươi đẹp, có ai còn nhớ đến người

con gái quê vùng đất cát này nữa.

- Nhớ... nhớ mãi chứ, một ngày ăn miếng cơm, uống giọt nước vùng giới tuyến là nhớ suốt cuộc đời, huống chi với Hiền chúng tôi còn mang những kỷ niệm, về những ngày sống chết bên nhau.

Tôi nói thế là để nhớ cái ngày vết thương của tôi tái phát. Khi anh em đưa tôi đến trạm xá thì Hiền và bà mẹ cũng chạy theo.

Suốt đêm ấy Hiền và bà mẹ cùng đồng đội đã chăm sóc cho tôi. Anh em trong đơn vị nói đùa: “Đôi này đẹp đấy, hay là báo cáo để đơn vị tổ chức cho, rồi cậu là rể ở đây tốt quá còn gì nữa”.

Hôm sau, đơn vị được lệnh tập hợp để nghe tiểu đoàn trưởng phổ biến nhiệm vụ mới.

Ông nói: Lệnh của Ban chỉ huy trung đoàn giao cho Tiểu đoàn ta có nhiệm vụ hành quân gấp rút vào Phong Hoá - Lao Bảo mở con đường vào quân khu Bộ, con đường mang tên 1-5.

Chúng tôi được lệnh bàn giao cầu phao Hiền Lương và các bến Than, bến Tắt cho Trung đoàn 269 rồi hành quân về vùng Hướng Hoá - Lao Bảo. Nơi thực dân Pháp và Mỹ Ngụy thường giam giữ các chiến sĩ cách mạng của ta cách đây không lâu.

Ngay tại Hương Hoá - Lao Bảo, chúng tôi thấy bà con Vân Kiều đầu trần, chân đất, lưng đeo gùi, vai vác súng, từng đoàn nói cười vui vẻ, không quản ngày đêm gùi lương thực, thực phẩm, vũ khí tiếp viện cho bộ đội. Bà con ở đây đã giúp đỡ chúng tôi, từ nơi ăn đến chỗ ở; tình cảm đó làm tăng thêm nghị lực cánh lính Hà Nội chúng tôi.

Nhiệm vụ của chúng tôi giờ đây là bạt núi cao, cửa đồn rừng già, lại san lấp ủi giồi từng thước đường quanh co, khúc khuỷu, lại vật lộn với đá chông, đá tảng trong mưa rừng chột đến, chột đi, lầy lội lấm lem chỉ còn hờ hai con mắt đỏ kè, nắng nóng gió Lào làm nứt da, giòn tóc.

Con đường vào quân khu Bộ vừa hoàn thành, lại được lệnh quay luôn về Mai Lộc - Cù, nơi chúng tôi đã dừng chân mở trại tăng gia, tính kế cải thiện đời sống lâu dài. Gặp lại tổ “Quản trại”. Anh em tay bắt mặt mừng, được nhìn những luống rau xanh tốt, những ổ lợn, bầy gà, thêm cả lũ bò ngày một sinh sôi, ai nấy tưởng như được về nơi đồng nội quê mình mới ngày nào già biệt. Ngày tiếp ngày, anh em thay nhau bảo quản thiết bị vũ khí, khí tài, xe máy, số còn lại được lệnh đi gặt lúa giúp nhân dân - chờ nhiệm vụ mới.

Hưởng “tuần trăng mật” ở Mai Lộc được ít ngày chúng tôi lại được lệnh trở ra bắc cầu phà qua, sông Ba Lòng.

Ôi sông Ba Lòng, tuy thời gian xa cách có đến hàng tháng nhưng mọi nỗi cam go, ác liệt nơi này vẫn dậy lên trong mỗi chúng tôi, cứ như mới xảy ra hôm qua vậy. Cảnh vật còn đây. Những vạt rừng bị B52 rải thảm, những trái bom nổ chậm đã bị chúng tôi bắt cầm miệng, còn nằm lăn lóc cạnh những hố bom miệng phễu sâu hun hút. Nhưng điều làm chúng tôi nhói đau nhất là những đồng đội của chúng tôi - các anh: Phúc, Minh, Vinh, Sơn, Hoà, Cần, Chính... còn nằm lại nơi đây. Hầu hết mộ các anh chưa ngôi nào xanh cỏ, chỉ một màu vàng sậm dưới nắng, dưới mưa!

Vừa bắc cầu, phà qua sông Ba Lòng xong, chúng tôi được lệnh bàn giao cho các đồng chí giao thông địa phương quản lý và lại quay trở về Cam Lộ xây dựng công trình phục vụ Đại Hội anh hùng, chiến sĩ thi đua Quân khu Trị Thiên Huế... Rồi đơn vị nhận được quyết định mới.

Ngày 18 tháng 6 năm 1974.

Bộ tư lệnh B5.

Căn cứ vào nhiệm vụ tác chiến và xây dựng lực lượng

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay điều D2 cầu phà gồm toàn bộ quân số trang bị, hiện có về trực thuộc Lữ đoàn 219.

Điều 2: Các đồng chí Tham mưu Trưởng, Chủ nhiệm Chính trị, Chủ nhiệm Hậu cần, Ban Chỉ huy Lữ đoàn 219, Tiểu đoàn 2 Cầu phà, căn cứ Quyết định thi hành và tổ chức bàn giao xong trước ngày 01 tháng năm 1974.

T/M BỘ TƯ LỆNH

HOÀNG VĂN THÁI

(Đã ký)

- 11 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1975.

- Mệnh lệnh hành quân Lữ đoàn 219.

- Căn cứ vào nhiệm vụ Bộ Tư lệnh, Lữ đoàn ra lệnh:

1. Điều động toàn bộ lực lượng, quân số vũ khí, khí tài, xe máy, phương tiện của Tiểu đoàn 5 từ Mai Lộc - Quảng Trị vào A Sầu trú quân để làm nhiệm vụ.

2. Tiểu đoàn lãnh đạo chỉ huy đơn vị hành quân đến vị trí trú quân đúng thời gian quy định, bảo đảm an toàn đến nơi làm nhiệm vụ được ngay, sẵn sàng chiến đấu.

3. Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị trước 18 giờ ngày 15 tháng 3 năm 1975, xây dựng doanh trại, kho tàng, xác định vị trí để xe máy, khí tài. Hướng dẫn thực địa trước ngày 15/3/1975. Toàn tiểu đoàn phải đến nơi tập kết đúng qui định của Ban Chỉ huy Lữ đoàn”.

T/M BAN CHỈ HUY LỮ ĐOÀN

Lữ đoàn phó

NGUYỄN HỮU THU

(Đã ký)

20 giờ ngày 20 tháng 3 năm 1975, Tiểu đoàn Trưởng Tuất họp ở Ban chỉ huy Lữ đoàn về, triệu tập các C Trưởng lên Ban tác chiến D Bộ họp gấp để phổ biến nhiệm vụ.

MỆNH LỆNH CHIẾN ĐẤU SỐ 6

“Gửi Tiểu đoàn 5”

- Chấp hành Mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh B5

Căn cứ vào nhiệm vụ của Lữ đoàn Công Binh

Ban chỉ huy Lữ đoàn ra lệnh:

1. Điều một đại đội và một số cán bộ, cơ quan D Bộ của Tiểu đoàn 5 đi làm nhiệm vụ, và chiến đấu phục vụ cho chiến dịch phát triển quân số, vũ khí, khí tài trang bị đủ bảo đảm một phà 50 tấn, khi cần thiết chuyển sang bắc cầu nổi 16 tấn, nhiệm vụ cụ thể nhận tại vị trí tập kết K3 (km 56 đường 74).

2. Thời gian công tác chuẩn bị xong trước 3 giờ, ngày 23 tháng 3 năm 1975.

- Báo cáo quyết tâm về Ban chỉ huy Lữ đoàn trước 6 giờ, ngày 23 tháng 3 năm 1975 nhận lệnh xong Tiểu đoàn thi hành.

T/M BAN CHỈ HUY LỮ ĐOÀN

Lữ đoàn phó

NGUYỄN HỮU THU

(Đã ký)

Sau khi phổ biến mệnh lệnh chiến đấu của Ban chỉ huy Lữ đoàn, Tiểu đoàn

trưởng nói: toàn Tiểu đoàn hành quân theo đường 74 đến nơi nhận nhiệm vụ 100km, qua nhiều sông, suối, dốc cao, đường hẹp trời mưa trơn lầy khó đi, yêu cầu toàn đơn vị bí mật, an toàn, sẵn sàng chiến đấu. Các chiến sĩ chúng tôi nhận lệnh, ai nấy đều biểu lộ quyết tâm giữ kỷ luật nghiêm trên đường hành quân, dù nắng gió, mưa to, tích cực khắc phục mọi sự cố, bảo vệ tốt khí tài, xe máy hướng về phía trước.

Anh em đi chiến dịch đã quen, thường chỉ ngăn ngày, nay được lệnh phải chuẩn bị tinh thần hành quân, vận động liên tục với lương thực, thực phẩm quân nhu mang theo phải đủ dùng cho đến hết quý IV năm 1975. Cánh lính có “thâm niên” chiến trường như chúng tôi linh cảm đang bước vào một chiến dịch lớn. Ngoài mệnh lệnh hành quân với nhiều xe cộ khí tài phục vụ các mũi tiến công như: phà cơ động, các tấm thép lót đường cho tăng, thuốc nổ... Lữ đoàn 219 còn được trao nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu như một cánh vu hồi yểm trợ, sau khi đưa các đơn vị binh chủng hợp thành qua các nút sông, kênh rạch, thậm chí một số cửa biển mà Lữ đoàn 219 đảm nhận. Với rất nhiều đạn dược và quân trang, quân dụng mới toanh được trang bị trước lúc hành quân, chúng tôi nhận ra rằng, sau và bên những cánh quân lớn là cả một lực lượng chi viện khổng lồ của các đơn vị thuộc binh chủng Công binh ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ đưa bộ đội qua sông. Suy nghĩ này khiến anh em phấn chấn ai nấy đều hăng hái chuẩn bị lên đường. Ít nhất về mặt thời gian sau khi nhận nhiệm vụ và chuẩn bị nhu yếu phẩm cho đến hết năm. Chúng tôi hiểu chiến dịch sẽ kéo dài. Bởi lẽ Lữ Công binh 219 với phần lớn là những người con của Hà Nội được coi là một Lữ tinh nhuệ của Binh chủng Công binh thường chỉ nhận những nhiệm vụ chớp nhoáng.

Hoà vào những đoàn quân lặng lẽ mà hết sức khẩn trương là những chiếc xe nối đuôi nhau dài bất tận hướng ra chiến trường. Phần lớn chặng đường chúng tôi theo mệnh lệnh bám theo mép biển, bắc cầu, ghép phà qua hạ nguồn các con sông, cùng hành tiến với các đơn vị chiến đấu. Từ Quảng Trị chúng tôi hành quân gấp rút vào bến Truồi - Phú Bài.

Quân ta vẫn trùng trùng điệp điệp tiến về phía Nam. Những ngày đầu hạ năm 1975 rục rịch quá chừng. Nắng miền Trung tuy oi ả, nhưng đối với lính

công binh thật là tuyệt vời: Đó là những ngày tạnh ráo, bến bãi không lầy lội rất thuận tiện cho chúng tôi thao tác. Thỉnh thoảng từ phía đồng bằng nhìn về Tây Nguyên, thấy những cột khói bốc cao, nghe tiếng pháo, biết là cánh quân mình đang xốc tới.

Tôi gặp các anh cán bộ, bộ đội từ Hà Nội đi trên đường 1; Họ vào bằng rất nhiều phương tiện. Những đoàn người hăm hở, vai đeo ba lô, cuốc bộ, mài miết trên đường. Còn trên những đoàn xe vận tải thì mặc dù đang có chiến tranh, bộ đội dân công vẫn hát hò thật vui vẻ, cảm như chiến thắng đã đến gần.

Tuy nhiên, con đường số 1, con đường hướng về Sài Gòn còn bao bến bao bờ chia cắt. Khi địch rút khỏi miền Trung, cái quân đoàn được giao nhiệm vụ tử thủ ở khu chiến thuật I của Mỹ Ngụy, với những viên tướng Ngụy thiện chiến, cùng những vũ khí tối tân, trước khi tháo chạy, đã phá đường, phá tất cả những gì có thể hòng làm chậm bước tiến quân ta xốc tới. Tất cả thuyền bè, cầu phà bắc qua các dòng sông đều bị chúng phá huỷ.

Một đoàn xe, pháo đã vượt qua sông Bến Hải nhưng trên đường vào Huế bị kẹt ở Bến Trườn. Các anh gọi Công binh!

- Pháo cần phải vào gấp Đà Nẵng - Quảng Nam!

Bộ đội cần có mặt để chặn đường rút chạy của địch từ Tây Nguyên xuống hòng trốn thoát ra biển... Hơn nữa, địch đang tập trung lớn tại Đà Nẵng, cảnh rất nhốn nháo. Phải tạo điều kiện thuận lợi nhất cho bộ binh hành quân thần tốc.

Chúng tôi được lệnh vào bến Truồi. Trên mặt sông êm ả không bóng dáng một con đò. Công binh đến trước chỉ ăn lương khô. Nước uống cũng phải kiểm tra kỹ, ngay cả trên dòng sông. Đem lính Công binh tìm vào những vườn cây mắc võng nằm, đợi khí tài và xe kéo ca nô từ ngoài vào. Cảnh tượng vùng đất giặc vừa rút chạy thật ngổn ngang và ảm đạm. Những chiếc xe bẹp rúm nằm liệt bên đường. Khắp nơi chằng chịt rào kẽm gai và sắt thép. Không tiếng gà gáy, tiếng người trên vùng đất xưa kia vốn rất êm đềm thơ mộng. Cùng lúc, những đoàn xe pháo đợi phà ùn lại trên bến. Thủ trưởng đơn vị cũng xắn quần, cởi áo ra thao tác cùng chiến sĩ. Ai nấy mồ hôi nhễ nhại, tuy nhiên, không ai dám nhảy ủa xuống nước cho thoả thích vì lúc này công việc dồn nén thúc ép đến phải tính từng phút, từng giây. Có một giọng nói Hà Nội:

- Công binh ơi! mau cho chúng tớ lập công, chậm trễ thì mất hết thời cơ lập công của chúng tớ.

Trong anh em có người mau miệng hỏi:

- Các cậu ở Hà Nội vào hả? Mới vào mà đã nôn nóng. Chúng tớ trụ trong này suốt mấy năm trời rồi. Bọn địch khốn kiếp, phá hết các cầu, phà rồi. Chịu khó chờ tí nhé.

Chúng tôi lao xuống nước, kéo phà đang trôi theo triền nước rút, buộc vào giàn gần đấy, nhiều đồng chí đang san lấp bến. Lối từ bến lên đường dốc quá, một số anh em phải san dốc cho thấp xuống. Thời gian này không còn nghe tiếng máy bay địch gầm rú, không còn pháo sáng treo trên đầu, nhưng tình thế khẩn trương của chiến tranh giục mỗi chúng tôi phải cố gắng. Trời nóng bức thế, nhưng lội nước suốt từ chiều đèn gần sáng tôi thấy mệt bỏ hơi tai, người như bị sốt rét. Mà rét thật, toàn thân tôi cứ run cầm cập.

Trên bến Truồi, có ai đó hát một bài hát quen thuộc:

Hướng về Nam...

Ai đã qua đèo Ngang,

Đã sang ra Ba Rền, mến dòng sông Ba

Thì ra... Đất Huế đây rồi. Huế năm nào bao anh em đồng đội chúng tôi đã bỏ mình trong cái Tết Mậu thân rực lửa. Nghe đến Huế, đến một kinh thành cổ kính, biết rằng cái kinh thành ấy đã không còn giặc nữa, chúng tôi càng nức lòng quên đi nỗi khó khăn, mệt nhọc làm xong bến, bắc xong phà cho quân ta nối nhau hành quân.

Từ ngày 18/12/1974, đến 08/1/1975, Bộ Chính trị đã họp đánh giá tình hình và vạch phương hướng đưa Cách mạng Miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Bộ chính trị nêu quyết tâm, động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền trong thời gian hai năm 1975-1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường Miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã Ngụy quyền, Ngụy quân từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng Miền Nam. Quyết tâm của Trung ương đã đi vào lòng dân và bộ đội. Từ Quảng Trị vào đến Đà Nẵng, Ngụy quân, Ngụy quyền đã bỏ chạy. Tin thắng trận dồn dập dội về làm nức lòng lính công binh: Quân ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở Tây Nguyên, làm tan rã hàng sư đoàn quân thiện chiến của chúng.

Đoán được ý đồ là bị tan rã trên Tây Nguyên, bọn giặc sẽ chạy xuống Đà

Năng, xuống Nha Trang tìm cách tháo chạy bằng đường biển, bộ đội ta từ miền Bắc chỉ viện cho miền Nam hành quân gấp để vào chặn các đường rút lui của chúng.

Công binh đã bố trí được phà ở Truồi lại tiếp vào Phú Bài. Cầu Phú Bài không lớn lắm, nhưng khi địch rút chạy chúng đã phá hỏng. Từ 28/3/1975 đến 02/4/1975, chúng tôi đã dùng khí tài TPP bắc lại cầu này. Dòng sông Phú Bài không rộng, nhưng trên bờ và dưới sông địch thả nhiều bom sát thương, bom bi và mìn. Công binh phải mất thời gian để phá bom và mìn, sau đó lấy sắt, thép từ sân bay Phú Bài để bắc cầu. Nhân dân Huế giành tình cảm nồng hậu nhất cho cách mạng. Bà con góp ván, có người dỡ cả nhà lấy cột cho công binh bắc cầu. Nhất là thanh niên Huế, họ đã trải qua những ngày tham gia đấu tranh trực diện với Mỹ - Ngụy trong phong trào thanh niên - sinh viên, bây giờ lại được dịp góp công làm cầu, sửa đường cho bộ đội ta tiến công, nên các anh, chị đều rất hăng hái.

Những ngày đêm sôi nổi phục vụ quân ta tổng tiến công trên chặng đường từ Quảng Trị vào Quảng Nam - Đà Nẵng, trong cái tháng 3 đầy nắng gió ấy, Lữ đoàn công binh chúng tôi đã đưa được 2.896 xe qua lại, trong đó có 30 xe tăng, 58 xe pháo các loại vượt sông an toàn.

Đến đầu tháng 4, công binh còn phải đảm bảo cho lực lượng cơ quân đoàn hành quân thần tốc từ Đà Nẵng vào Xuân Lộc cho kịp chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn. Chỉ trong vòng có năm ngày, từ 07/4/1975 đến 12/4/1975, trên bến Bầu Bàng và bến An Tân, phà công binh luôn thường trực cho Quân đoàn cơ động tiến về Sài Gòn. Trên Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân, bộ đội ta với binh khí kỹ thuật nặng, được công binh chữa cầu đường, bảo đảm các bến phà đã thắng lợi giòn giã, mau lẹ. Bằng ấy ngày chúng tôi đã đưa được 1.427 xe qua lại trong đó có 33 xe tăng và pháo.

Đời công binh miệt mài với sông nước, lấy đêm làm ngày. Khi chiến dịch đang ào ào vũ bão tiến tới, có lúc mắt nhắm núi, nhìn sông chúng tôi mới biết

mình đang sống trong một vùng non nước, cỏ cây thật là tươi đẹp. Những bờ biển cát trắng và những cây phi lao, cây dừa bấy lâu bị đạn bom cắt cành chặt ngọn như đang xanh lại. Trong gió biển nồng say, màu xanh như đang vẫy gọi đoàn quân trên đường. Trong số những xe pháo những đoàn quân ra tiền tuyến, còn có rất nhiều dân công tải đạn và lương thực hướng về phía trước. Rồi đơn vị lại được lệnh hành quân. Đồng chí Tuất, tiểu đoàn trưởng căn dặn anh em vì toàn bộ xe máy, khí tài cồng kềnh, có cái đã cũ, nên công binh phải bám sát đội hình, khắc phục mọi sự cố và sẵn sàng chiến đấu với tàn quân Nguyen trên đường rút chạy bắn trộm vào đội hình của ta.

Ngày 21/4 đơn vị đến Phan Thiết, một vùng trời đất còn khét lẹt mùi hăng của cây cối vừa bị bom đánh đổ ngổn ngang. Đêm đó đơn vị dừng chân tại một bìa rừng thì đài phát thanh của ta đưa tin Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Chúng tôi reo lên:

- Anh em ơi! Thiệu đầu hàng rồi!

Tiểu đội trưởng bảo:

- Hấn vừa tuyên bố vừa khóc... Mới hôm qua thôi, hấn còn ra lệnh “tử thủ”, quét sạch Việt cộng, về hăng hái lắm cơ mà. Sao bây giờ lại khóc? Anhem có người nói: Vì Mỹ không nuôi nó nữa.

Câu chuyện Thiệu đầu hàng chẳng kéo dài được bao lâu, anh em giục nhau đi ngủ theo lệnh của đơn vị để mai còn lên đường.

Cũng như những đêm trước, đêm ấy những đoàn quân tấp nập hành quân vào

chiến trường. Xe pháo nối đuôi nhau. Những cán bộ, dân công hỏa tuyến nườm nượp trong đó có cả những cô văn công lưng cồng ba lô, tay mang đàn, những nhà báo vai đeo máy ảnh, tất cả đều hướng về Sài Gòn, tất cả hát bài “Tiến về Sài Gòn”. Anh em bắt tay nhau hẹn gặp lại tại Sài Gòn.

Hôm sau, đơn vị tiếp tục lên đường, điểm tập kết là rừng cao su Long Khánh, anh em phân công nhau bảo vệ khí tài, xe máy vì đây là điểm giáp ranh với địch, đề phòng bọn tàn quân Ngụy lẩn trốn trong rừng bắn lén. Một số anh em khác tranh thủ đi đào giếng lấy nước. Mùi nước ở đây ô nhiễm vì bom đạn thật khó chịu, nhưng chẳng hề chi, chịu đựng một chút, chờ lệnh tiến về Sài Gòn.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn II ra lệnh cho các đơn vị trực thuộc hạ quyết tâm diệt nhanh, gọn Trường sĩ quan thiết giáp và Trường sĩ quan pháo binh của quân Ngụy Sài Gòn nằm tại căn cứ điểm “Nước Trong” và “Thành Tuy Hạ” lúc đó đã hình thành một tuyến đề kháng mạnh.

Công sự của bọn chúng kéo dài tới năm km, có mười hai lần các loại vật cản. Địch tuyên bố: Tại đây một con chim cũng không bay qua được “Việt cộng” làm sao đánh vào đây được. Bọn sĩ quan hầu hết còn trẻ, xuất thân từ những gia đình tướng, tá, tư sản. Chúng được nhồi nhét ý thức chống cộng. Tuy đã nghe Nguyễn Văn Thiệu từ chức, chính quyền Ngụy Sài Gòn đang trong giờ phút hấp hối, nhưng nhiều đứa vẫn cắt tay lấy máu ăn thề, cùng tử thủ căn cứ, hô hào ngăn bước tiến của quân ta đang tràn vào bao vây Sài Gòn. Trong tay bọn này có pháo và xe thiết giáp, chúng huy động hàng chục lần chiếc máy bay ném bom bắn phá đội hình của ta trên đường hướng về Sài Gòn. Bọn này ít nhiều đã gây khó khăn trong triển khai chiến đấu của đơn vị, buộc ta không thể coi thường. Các đơn vị được lệnh bố trí đội hình chiến đấu, bộ binh của ta trên nhiều hướng áp sát căn cứ địch. Giờ nổ súng đã đến, nhưng bọn địch ngoan cố cố thủ, chiến sự diễn ra hết sức căng thẳng và ác liệt. Ta giành giật với địch, từng góc phố, từng gốc cao su. Sau nhiều giờ nổ súng, bọn ngoan cố phần lớn bị tiêu diệt, số còn lại tháo chạy hoảng loạn. Cả “Tây Nguyên”, “Đà

Năng” chúng chẳng giữ được, cái căn cứ Trường Sĩ quan “Thiết Giáp” của chúng phút chốc trở nên mong manh đã nhanh chóng tan rã và đầu hàng, thêm một cửa mở về Sài Gòn đã được mở toang.

18 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 5 Lữ đoàn công binh 219, do lữ đoàn phó Nguyễn Hữu Thu chỉ huy được lệnh hành quân đến bến Cát Lái, trên sông Sài Gòn. Toàn đơn vị hạ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm tuyệt đối cho xe tăng và bộ binh cơ giới các loại vượt bến Cát Lái an toàn. Ban chỉ huy Lữ đoàn lệnh cho Tiểu đoàn trình sát thực địa bến Cát Lái. Một tổ trinh sát giỏi của sư 325 đã bí mật vượt sông nắm tình hình cứ điểm địch, những khẩu pháo lớn của ta đã chiếm lĩnh trận địa sát mép sông Sài Gòn; xe tăng và pháo 85 ly được điều lên bắn trực tiếp các mục tiêu bên kia sông, để bảo vệ cho Tiểu đoàn 5 lữ đoàn 219 công binh, bảo đảm cho xe, pháo và bộ đội của quân đoàn hành tiến vượt sông.

Vì gần cửa biển, nên đoạn sông này, khi thủy triều dâng rộng đến 700 - 800 mét, lúc thủy triều rút bến cao lầy lội, việc triển khai công tác bến bãi rất khó khăn. Được sự nhất trí của Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, Ban chỉ huy Lữ đoàn 219 được lệnh sử dụng những bộ phà của địch tháo chạy còn để lại; đồng thời trưng dụng số nhân viên cũ làm việc tại bến phà, cùng công binh đảm bảo cho bộ binh, xe tăng, pháo... của Quân đoàn II vượt sông đánh vu hồi vào sâu nội đô Sài Gòn. Nhìn quy mô ở bến phà Cát Lái vào thời điểm đó với hàng trăm xe pháo cùng vũ khí, khí tài của Quân đoàn, và các đơn vị phối thuộc, trong đó ta có một cơ sở phà còn nguyên vẹn, gồm hai phà 50 tấn, có thể chuyển thành cầu nổi để xe, pháo và bộ đội sang sông, chúng tôi hiểu đã đến gần chiến thắng.

Tờ mờ sáng ngày 30/4, lúc thủy triều rút, quân ta bắt đầu vượt sông. Mùa gió nổi, nước sông đục ngầu chảy réo rít dưới các con phà đang đề sóng chở bộ đội ta và vũ khí sang sông. Đang thực thi nhiệm vụ hết sức khẩn trương, bỗng từ phía thượng lưu có tiếng động cơ vọng lại. Qua làn nước chao động, đại đội Trinh sát do Trung úy Đỗ Văn Tòng (sinh năm 1948) - nhà ở số 5 phố Hàng Đào, Hà Nội, xung phong nhập ngũ năm 1965, khi vừa tốt nghiệp phổ thông cấp III Lý Thường Kiệt - chỉ huy, phát hiện đó là tiếng máy nổ của tàu

địch từ phía Đồng Nai hướng về Sài Gòn. Ngay lúc đó, chốt trinh sát tiền tiêu báo cáo có nhiều tàu địch theo đội hình chiến đấu. Bốn chiếc một đang xuôi dòng về phía ta. Tàu địch mỗi lúc một gần, súng máy và pháo các loại trên tàu liên tiếp nhả đạn về phía bộ đội Quân đoàn II đang vượt sông Tình hình mỗi lúc một khẩn trương. Chỉ huy Lữ đoàn Lữ đoàn phó Nguyễn Hữu Thu truyền đạt mệnh lệnh của Ban chỉ huy cho toàn bộ đơn vị triển khai đội hình chiến đấu. Thời gian như chững lại, hết sức căng thẳng. Tàu địch giảm dần tốc độ, nhưng không có dấu hiệu dừng lại hoặc chứng tỏ ý muốn đầu hàng. Mặc dù đến lúc này chúng thừa biết Thiệu đã từ chức và chuẩn khỏi Sài Gòn. Sài Gòn đang bị lợp lợp quân ta vây chặt. Tàu địch đã tới gần khu vực tập kết của ta và có thể gây nguy hiểm cho hành tiến của bộ đội; các chiến sĩ ở dải tiền tiêu buộc phải bắn mấy loạt đạn cảnh cáo. Sau loạt đạn, bọn địch trên tàu có dấu hiệu hoảng loạn, la hét om sòm. Thực hiện nghiêm các chỉ thị chiến đấu, ta gọi loa:

- Binh sĩ Ngụy trên những giang thuyền hãy nghe đây: Quân đội Ngụy Sài Gòn đang tan rã; Đế quốc Mỹ đã tháo chạy; Sài Gòn đang bị quân Giải phóng bao vây, binh lính trên tàu hãy buông súng đầu hàng, quay về với nhân dân, các anh sẽ được Mặt trận dân tộc Giải phóng khoan hồng, nếu các anh cố ý chống cự, tàu của các anh sẽ bị bắn chìm dưới lòng sông.

Sau lời kêu gọi này, tiếng la hét lắng xuống và tàu địch dừng hẳn lại. Lác đác những lá cờ trắng xuất hiện, địch gọi loa: “Chúng tôi không chống cự, chúng tôi xin gặp đại diện quân Giải phóng, xin chấp nhận đầu hàng”. Cả bến phà trước đã sôi động cảnh bộ đội cùng xe pháo qua sông, nay bỗng yên ắng lạ thường. Chấp chới trên bầu trời những chiếc máy bay phản lực, hoặc mấy thẳng trinh sát đang gầm rú tháo chạy, quăng bom bừa bãi, bọn chúng chỉ làm cho vài con chim nước sợ hãi vỗ cánh hoảng loạn bay. Trước tình hình đã trở nên cực kỳ khẩn trương khi các giang thuyền địch không áp bờ đầu hàng, mà dừng lại, cố tình để trôi theo dòng nước, hòng tháo chạy. Được lệnh của Ban chỉ huy Lữ đoàn, một xe lội nước, nhãn hiệu “PAP” của ta cắm cờ Mặt trận Giải phóng, do Tổng chỉ huy cùng Dân - Trợ lý Tiểu đoàn 5 và các chiến sĩ Sơn, Trường, Thắng, Tự, Lộc lên xe rời bờ ra tiếp nhận đầu hàng của tàu địch. Tất cả chiến sĩ ở hai bờ nín lặng chờ đợi. Khi xe lội nước của ta cách

tàu địch chừng một con sào bồng từ phía tàu địch tiếng súng máy rộ lên, nhả đạn như vãi về phía xe lội nước của Tòng. Do kinh nghiệm chiến trường, có đề phòng và cảnh giác, C Trưởng Đỗ Văn Tòng bình tĩnh ra lệnh: “Địch đánh lừa ta, tất cả nằm xuống chuẩn bị chiến đấu, báo cáo ngay về Ban chỉ huy”. Tòng ra lệnh cho chiến sĩ lái xe “PAP” đảo thân chữ chi để tránh đạn. Song vì cự ly quá gần khi anh vừa dứt lời một loạt đạn điên cuồng tráo trở nữa đã quật đổ anh xuống mép xe. Trước sự chỉ huy kiên quyết và dũng cảm của Tòng, anh em đã kịp thu gọn mục tiêu và chiếc “PAP” theo lệnh của Tòng mở hết tốc lực chạy tránh đạn.

Sau khi hội ý chớp nhoáng, Bộ tư lệnh Quân đoàn II nhận định đây là bộ phận còn lại của một Lữ đoàn thủy quân lục chiến địch ngoan cố, hòng cắt đứt đường tiến quân của ta để tháo chạy ra biển. Bộ tư lệnh Quân đoàn II chỉ thị cho phép các đơn vị phối thuộc tại chỗ đánh tiêu diệt địch, để Công binh hoàn thành nhiệm vụ cho mũi thọc sâu sang sông tiến vào nội đô Sài Gòn theo đúng kế hoạch tác chiến của Quân đoàn.

Mệnh lệnh chiến đấu được phát đi: Trên bờ Sư đoàn pháo Cao xạ 673 đang đánh trả máy bay địch, được lệnh cho pháo thủ hạ thấp nòng pháo 57 - 85 ly để bắn tiêu diệt tàu địch. Khẩu lệnh “Pháo binh cự ly thấp, bắn thẳng, nhằm tàu địch tiêu diệt” vang lên. Từ phía Ban chỉ huy bộ đội tăng vừa sang sông, xe, xích còn ướt bùn sông có tiếng hô lớn: “Công binh dẹp ra cho xe tăng lùi, lấy thước ngắm” Không khí đầy nguy hiểm và căng thẳng, chỉ trong chớp nhoáng tiếng pháo 57ly và 85 ly của Sư 673 và pháo 100 mm của xe tăng ta gầm lên, trên dòng sông những cột nước dựng đứng tung cao những mảnh xác tàu địch. Chỉ trong khoảnh khắc, toàn bộ đội giang thuyền của địch đã bị nhấn chìm xuống dòng sông. Anh em đưa Tòng cùng các chiến sĩ bị thương lên bờ, nhưng do vết thương quá nặng, Tòng đã hy sinh. Nhật ký chiến trường của Tiểu đoàn Trưởng tiểu đoàn 5 - Lữ 219 Vũ Văn Tuất ghi: Từ ngày 05/8/1974 đến 30/4/1975 có dòng: “C Trưởng Đỗ Văn Tòng đã anh dũng hy sinh lúc 7 giờ 30 sáng ngày 30/4 tại Bến phà Cát Lái Sài Gòn”. Đơn vị chúng tôi cùng bà con tổ chức truy điệu Tòng, người Đại đội trưởng trinh sát tài giỏi của Lữ đoàn, một người con của Hà Nội đã hiến dâng thân mình cho nền Độc lập tự do của Tổ quốc ngay trước bình minh của ngày chiến thắng 30/4 trên

bờ sông Sài Gòn. Anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một Sĩ quan quân Giải phóng. Bà con trên bến phà Cát Lái chứng kiến vụ quân Ngụy giả đầu hàng, bắn lén ta, đã không tiếc sức người, góp công, góp của cùng anh em Công binh chúng tôi phục vụ bộ đội ta nhanh chóng hành tiến sang sông hướng về Giải phóng Sài Gòn.

Sau nhiều giờ khẩn trương vừa đánh địch vừa đưa bộ đội khí tài, xe tăng qua sông, sáng ngày 30/4/1975 Sư đoàn Cao xạ 673, Sư đoàn Bộ binh cơ giới 325, Lữ đoàn Xe tăng 203, Lữ đoàn Công binh vượt sông 219, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, áp sát hướng Đông - Bắc Sài Gòn, 8h30', ngày 30-4, các cánh quân của Quân đoàn II đã vào tới cửa ngõ nội đô Thành phố. Công binh chúng tôi nhận nhiệm vụ bảo vệ và yểm trợ mũi thọc sâu của Lữ đoàn Tăng 203. Khi đến ngã tư Hàng Xanh chúng tôi được một chị trong lớp lớp người ra đón quân Giải phóng chỉ đường “các chú cứ đến thẳng khu vực cây xanh to kia là Dinh Độc lập”. Theo hướng của chị, 10h45', xe tăng của Lữ 203 Quân đoàn II dẫn đầu, lực lượng đột kích thọc sâu đã tiến vào Dinh Độc lập, sào huyệt cuối cùng của Ngụy quyền Sài Gòn.

11h30', ngày 30-4-1975, lá cờ Cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc lập, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tổng kết chiến dịch, Lữ đoàn Công binh 219 cùng 2 Tiểu đoàn 3 và 5; 4 Đại đội đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN.

Sau ngày toàn thắng tôi được điều về Ban xe Học viện Quân sự công tác, thế cũng có nghĩa là từ học viện Quân sự đến nhà tôi - phố Kim Liên chẳng bao xa. Được tiếp tục làm chiến sĩ, lại được ở gần nhà, hai cái “được” ấy thật là ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Nhận nhiệm vụ mới xong, tôi xin phép về ngay phố Kim Liên thân yêu của mình. Các em tôi thấy “ông anh” đen nhẻm, gầy gò trong bộ quân phục mới, rộng thùng thình, đều sững người tròn mắt nhìn tôi, rồi la toáng lên:

- Bố mẹ ơi, anh Cường... anh Cường về rồi! Bố mẹ ơi!

Cả gia đình, kể cả mấy bà, mấy bác hàng xóm chạy ùa ra đón tôi. Bố tôi có lẽ chưa kịp nhìn kỹ diện mạo của tôi, ông đã nói ngay:

- Con không viết thư về, nhưng ở nhà đã có tin con, mừng về con lắm!

Nói rồi, ông vội quay vào, mở tủ, lấy ra một tờ báo cũ, cất kỹ dưới nhiều lớp quần, áo rồi trải rộng lên bàn, chỉ vào bức ảnh chụp một chiến sĩ bông súng đứng gác trên một đầu cầu Hiền Lương, ông nheo nheo mắt hỏi tôi:

- Nào, có phải anh đây không?

Tôi sững sờ, đúng là tôi - tấm ảnh của một nhà báo chụp hôm cắt băng khánh thành cầu phao Hiền Lương, do chúng tôi bắc, nhân ngày ký Hiệp định Pari, ngày 27-1-1973, để đồng bào đôi bờ Nam - Bắc qua lại thăm hỏi nhau sau hơn hai mươi năm bị chia cắt. Hôm đó anh nhà báo chụp xong, đến hỏi tên và quê quán tôi và khi về Hà Nội nhà báo đó đã đưa tờ báo và tấm hình tôi đến tặng bố mẹ tôi. Đó là tờ báo Nhân dân số ra ngày 30 tháng 1 năm 1973 - số 6855, có bài tựa đề là. “Ngày 28-1-1973 trên bờ sông Bến Hải”. Bài báo có đoạn viết:

“Nhìn về bờ Nam, lá cờ xanh đỏ sao vàng của Mặt trận phối hợp bay trên cột cờ cao, vẫy chào lá cờ đỏ sao vàng rộng 96m vuông ở bờ bắc - Nhịp cầu mến thương bị máy bay Mỹ đánh gục xuống dòng sông - sẽ lại nối tiếp đôi bờ.

Những chiếc thuyền gỗ nhỏ gắp máy xuôi ngược dòng sông, cần mẫn làm việc hàng ngày trên con đường dẫn vào thôn Hiền Lương còn nham nhở những hố bom bi. Cụ Lê đã 78 tuổi nheo mắt nhìn lá cờ Mặt trận ở bờ Nam, cụ chò: “Tôi vẫn nói với con, cháu nhất định sống đến ngày thắng giặc Mỹ”. Chị Lê Thị Hồng nghĩ đến ba đứa con nhỏ sơ tán ở Nghệ An, được đồng bào địa phương đùm bọc và Nhà nước chăm lo cho mọi việc sinh hoạt học hành. Đồng chí bộ đội đứng gác bên sông sáng nay là một chiến sĩ chiến trường Quảng Trị. Bùi Văn Cường - một thanh niên Hà Nội nhà ở bến xe Kim Liên. Đồng chí Công an vũ trang của trạm Hiền Lương anh hùng sáng nay kéo lá cờ đỏ sao vàng lên đỉnh cao cột cờ là chiến sĩ thi đua Phạm Văn Hỷ, quê ở Thái Bình. Đồng chí bộ đội rất trẻ, tôi gặp bên bờ sông sáng nay - Cũng là người Hà Nội, tên là Nguyễn Anh Hoạt, tháng trước Hoạt nhận được thư mẹ báo tin anh trai đã hy sinh, mẹ viết: “Con hãy xứng đáng với anh con, xứng đáng là người Hà Nội” - Hoạt đang cố gắng hết sức mình.

Thắng lợi hôm nay có phần đóng góp trực tiếp của Vĩnh Linh anh hùng, tuyến đầu của miền Bắc!

Vĩnh Linh đã bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, phục vụ hết lòng tiền tuyến và chia ngọt sẻ bùi với miền Nam ruột thịt. Riêng năm vừa qua, dân quân Vĩnh Linh bắn rơi 15 máy bay Mỹ, bắn cháy 17 tàu chiến Mỹ; Hai vụ lúa đều được mùa, năng suất lúa cao nhất từ trước tới nay - Nông trường Quyết Thắng, đơn vị anh hùng bị đánh phá hết sức ác liệt, vẫn kinh doanh có lãi 70 vạn đồng.

Xa xa, bên kia bờ, rừng cờ đỏ xanh, sao vàng đã mọc lên bay trong gió sớm.

Đã mấy chục năm trôi qua tôi làm sao quên được những ngày sống trong quân ngũ, những kỷ niệm về đồng đội, sống chết có nhau nơi chiến trường ác liệt. Tôi đã tìm đến nhà đồng chí Dân, đồng chí Hoà, đồng chí Sương, thủ trưởng cao nhất của Công binh 249 những ngày đánh Mỹ. Hiện nay các đồng

chí đã nghỉ hưu, sống tại một khu tập thể Quân đội tại Hà Nội. Đồng chí Dân bảo tôi:

- Cậu nhớ đến anh em như vậy là tốt... Hàng ngày tớ đọc báo và theo dõi tin tức trên đài, các cậu thấy đấy... Đất nước ta trải qua ba mươi năm chiến tranh, những cánh rừng ngày xưa chúng ta trú quân, bị bom đạn Mỹ huỷ diệt chưa kịp hồi phục thì lại bị bọn người xấu đang ngày đêm tàn phá. Rồi tệ nạn xã hội, cờ bạc, ma túy, các cậu phải ý thức và tránh xa điều đó. Phải luôn giữ vững phẩm chất đạo đức của anh bộ đội Cụ Hồ.

Hiện nay, Trung đoàn Công binh 249 của các cậu ngày xưa đã chuyển thành Lữ đoàn Công binh Sông Lô, đóng dưới chân núi Ba Vì ấy. Có dịp thì ghé lên chơi.

Tôi lên chỗ đóng quân của Lữ đoàn. Các đồng chí: Phan Bình Minh - nguyên Lữ trưởng; Đồng chí Nguyễn Đình Phương Lữ đoàn trưởng, anh đã trưởng thành từ lớp cán bộ trẻ có năng lực của binh chủng, đồng chí Tống Xuân Phúc - Bí thư Đảng uỷ Lữ đoàn, Phó Lữ trưởng chính trị, đồng chí Nguyễn Xuân Vinh, Lữ phó tham mưu trưởng, đồng chí Vũ Lợi Chủ nhiệm Chính trị, tất cả các anh thân mật tiếp tôi đúng như tiếp MỘT NHÂN CHỨNG LỊCH SỬ tại phòng khách của Lữ đoàn. Tôi ngỡ ngàng trước cái cơ ngơi to lớn của Ngành Công Binh Việt Nam mà tiêu biểu là Lữ đoàn công binh vượt sông 249. Theo hướng tay chỉ mà Lữ trưởng Phương người tầm thước với gương mặt tuy có khác so với những người chỉ huy thời chiến tranh tôi từng gặp; Nhưng ở anh lại toát lên vẻ tự tin của một chỉ huy nắm vững được kiến thức khoa học kỹ thuật từ những binh khí kỹ thuật vượt sông tiên tiến, hiện đại mà Đảng và nhân dân đã tin cậy giao phó. Dưới chân núi, những căn nhà xây cao đẹp, có đủ các phòng làm việc, nhà truyền thống, trên sân tập... trên bãi, nào xe, nào thuyền san sát, được bảo quản thật chu đáo. Rồi vườn cây ăn quả, rau xanh, ao cá do cán bộ chiến sĩ Lữ đoàn tăng gia cải thiện trông thật đẹp mắt. Sau một hồi trò chuyện thân mật các đồng Nghinh, Tinh, Trường, Mộc, Phương, Tạ Việt Anh đã kể tôi nghe những thành tích của Lữ đoàn sau ngày

ta đánh tan quân Ngụy, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Theo Quyết định ngày 06/11/1975, của Bộ Quốc phòng, Trung đoàn 249 phát triển thành Lữ đoàn 249. Lữ đoàn với nhiều phương tiện khí tài hiện đại. Chỉ riêng vượt sông, Lữ đoàn ngày nay có thể chỉ cần vài giờ đã hoàn thành một cầu phao vượt sông rộng 500m.

Tết thống nhất đầu tiên năm đó, Công binh đi bắc cầu Quán Hàu (Quảng Bình) bảo đảm đường giao thông 1A. Bến phà Quán Hàu trên sông Nhật Lệ rộng 500m, giữa có cồn cát rộng 60m. Bến chưa bao giờ có cầu. Tại đây Công binh đã bắc cầu nối liền giữa Cồn cát với hai đầu bờ, Phó thủ tướng Hoàng Anh trên đường đi kiểm tra và thăm nhân dân Quảng Bình đã cắt băng thông cầu.

Công binh còn bắc cầu phao qua sông Nhật Lệ đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm Quảng Bình.

Cuối năm 1976 Lữ đoàn tuyển chiến sĩ mới thành lập Tiểu đoàn 1 huấn luyện tân binh cho Binh chủng Công binh; Đại đội 20 của Lữ đoàn được giao làm nhiệm vụ kinh tế.

Năm 1978 tình hình đất nước ta có khó khăn, xung đột xảy ra ở biên giới phía Bắc. Ở phía Nam, bọn Pôn-pốt liên tục đánh phá, gây nhiều vụ đẫm máu. Lữ đoàn nhận lệnh sẵn sàng phục vụ chiến đấu tại cả hai tuyến đầu Tổ quốc.

Công binh còn đi làm nhiệm vụ chống lụt ở Nghệ An, lần ấy ở sông Lam nước dâng cao hơn 14m, trong khi mặt đê độ cao chỉ có 13m. Hơn 20 đoạn đê bị vỡ, có đoạn dài 100m. Cán bộ chiến sĩ Lữ đoàn đã vượt qua đói, mệt, trong 10 ngày đã cứu được hơn 5 nghìn dân (trong đó có trên 1.000 em nhỏ), 870

tấn thóc giống, 700 tấn lương thực, 52 tấn phân đạm, 1.000 con lợn, 1,5 tấn thuốc men.

Đoàn Công binh Sông Lô cũng đã hoàn thành nghĩa vụ Quốc tế khi nhận nhiệm vụ sang góp sức cùng cách mạng nước bạn Cam-pu-chia đập tan bọn phản động Pôn-pốt cùng đồng bọn, tránh khỏi hoạ diệt chủng.

Ngày nay đoàn Công binh Sóng Lô một thời bọn Mỹ - Ngụy nghe đến đã phải khiếp sợ, (chúng đã đặt cho Lữ đoàn Công binh 249 cái tên “Quả đấm thép”) đang đóng quân tại chân núi Ba Vì.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Công binh Đoàn Công binh Sông Lô đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ xây dựng đơn vị chính quy hiện đại, làm chủ khoa học kỹ thuật. Trong công tác huấn luyện, hành quân dã ngoại, đoàn luôn đảm bảo quân số, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác hậu phương quân đội, khắc phục mọi điều kiện, từng bước đi lên, trưởng thành vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân... Một miếng bánh lương khô khi đang đói được đồng đội xẻ chia, một liều thuốc cả tiểu đội chụm đầu mỗi người một khối... Kỷ niệm những ngày trong quân ngũ, ác liệt mà sao đẹp để quá chừng.

Hà Nội giờ đây choáng ngập trong ánh đèn đêm lung linh và ban ngày rực rỡ với nắng và hoa. Nhiều lúc tôi bồn chồn nhớ về cô gái “Vĩnh Linh”, nhớ những dòng sông, bến phà và đồng đội, nhìn vết thương cũ trên thân mình, tôi nhớ người chỉ huy đã lấy thân mình hứng mảnh bom thay tôi ngày ấy. Và như những đồng đội nằm xuống ở những bến bãi trong kia, người nhà có tìm được phần mộ đưa về quê hương không?

Rồi những lần họp mặt, anh em đồng ngũ quây quần bên nhau, ôn lại chuyện xưa cũ. Đã vài chục năm trôi qua, mà tất cả còn rành rõ, thô nhám như cuộc sống của cánh lính thuở nào.

Hiệp hỏi tôi:

- Cậu có nhớ không? Bọn mình khi ở Cửa Việt có phà 35 tấn; Đề phòng phà trôi ra biển, trên mỗi phà đều có một khối thuốc nổ nặng 40ki-lô-gam. Nhờ có trôi thật thì dùng khối thuốc nổ đó phá phà, không để phà rơi vào tay địch. Đồng chí Miền quê vùng Hưng Yên ngày ấy phụ trách phà, cậu ta gầy như que cui nhưng bộc trực và dũng cảm lắm. Từ ngày ra quân về sống tại Hưng Yên, thỉnh thoảng vẫn lên thăm bọn mình.

Còn Hùng béo nữa. Nó cũng người Hà Nội đấy, sống tại một làng quê ven sông Cà Lồ. Đàng hoàng ra phết. Nhà ngói, cây mít, vợ con đề huề.

Cùng sống tại Hà Nội nhưng từ khi ra quân chúng tôi mãi mưu sinh, ít có dịp biết tin nhau. Lần này, qua Hiệp tôi sướng run người, vì tìm được nhiều địa chỉ các bạn chiến đấu cũ như: Sinh, Phúc, Thắng, Dung, Hoan, Phước, Bình, Thanh, Nậm, Trung, Hậu, Trình bác sĩ...v,v, Minh đen, Tuyên, Quốc Dũng, Khanh, Thạch, Khánh, Đạm, Tuân Anh, Lập, Huy, Bảo, Hạnh, Bình, Hùng, Bế, Khang, Dũng Chiêu, Hưng, Tiến, Ty, Đình, Nghinh, Tỉnh, Trường, Mộc, Phương, Tạ Việt Anh và nhiều anh em khác đang có mặt tại Hà Nội mà tôi chưa nhớ hết được. Cánh lái xe công binh như: Hoạt, Thảo cũng đang sống trong thành phố. Tôi ghi địa chỉ cẩn thận của từng người, quyết tâm tìm bằng được họp mặt anh em. Cái lần gặp Hoạt anh ta cứ nhắc chuyện cũ ở chiến trường.

- Cường này, mà có nhớ cái lần phà bị trôi trên cảng Cửa Việt không?

- Lần ấy, ca-nô dẫn phà, bị bom hỏng, máy không nổ mà trên phà lại có xe xích kéo pháo, một xe Zin 157.

- Lúc thủy triều lên, đẩy phà ra biển. Ngoài biển lúc đó có tàu địch; bọn mình loá mắt thấy vô số đèn xanh, đèn đỏ. May mà các cậu chống được phà vào bờ, không thì đi tong cả người lẫn xe pháo với chúng nó.

- Bọn mình cũng liều thật. Cả bọn nhảy xuống nước dồn sức níu con phà lại. Không hiểu sao tay sào của chúng mình lúc đó cứng đến thế...

Chúng tôi lại nhắc về Trung đội trưởng Miền, người nhỏ thó mà gan dạ mưu trí vô song. Một lần, chỉ huy phà ở Cửa Việt, phà có 8 khoang khí tài TPP, không may phà bị đánh bom cứ từ từ trôi ra biển. Trung đội trưởng Miền rất bình tĩnh lệnh cho anh em ôm phao nhảy xuống nước tìm cách giữ phà lại. Một mặt anh cho mấy chiến sĩ chuẩn bị chiến đấu. Ở phía đầu mũi phà, Khoa lưng đeo phao cấp cứu tay lăm lăm khẩu AK đã vào vị trí. Còn tôi và Vinh, mỗi đứa một khoang thuyền, Vinh đứng bên Hùng béo như một thằng bé con, còn Hùng béo tưởng chừng có thể một tay tóm cổ Vinh ném tòm xuống biển. Hai người hai vóc dáng, vậy mà vào trận đánh hợp ý nhau lắm. Hai cậu tranh nhau chiếm vị trí đầu phà, Vinh nhanh tay với được khẩu B41.

Lần ấy, chúng tôi thề thà hy sinh nhất định không để phà và khí tài, xe pháo rơi vào tay địch. Tôi đã sẵn sàng với khối thuốc nổ, đợi lệnh là cho nổ. May thay, lần ấy cũng cứu được phà.

Trên chiến trường sông nước luôn xảy ra những sự cố như vậy. Mỗi lần xảy ra sự cố, đồng lòng chiến đấu và tìm cách khắc phục, chúng tôi càng hiểu nhau hơn, thương yêu nhau hơn. Dù năm tháng có qua đi, nhưng những ngày chiến đấu bên nhau chưa bao giờ nhạt phai trong mỗi chúng tôi.

Tôi rất mừng là trong số những anh em nhập ngũ tại Hà Nội, năm 1972, đã có người hiện đang giữ chức vụ cao trong quân đội. Hôm tôi lên đơn vị thăm các anh, Hiệp hỏi:

- Cậu còn nhớ Tuyên không nhỉ?

- Cái anh chàng mảnh khảnh như con gái chứ gì. Cậu ấy đẹp trai thật. Ngày ở Vinh Linh, ối cô mê.

Tuyên nay đã là Thượng tá, Chủ nhiệm xe Bộ Tư lệnh pháo binh. Một lần gặp Tuyên, cậu ta thường nhắc, các cậu có nhớ Hội không. Hội người Đông Anh ấy. Hiện nay đang là Chủ nhiệm Hậu cần Học viện lục quân Đà Lạt. Hội nói ở Đà Lạt những sớm, chiều mù sương se lạnh, cậu ấy nhớ Hà Nội lắm.

Cũng qua Hiệp, tôi gặp lại Vinh gầy, Vinh tâm sự:

- Mình vẫn ở Bộ Tư lệnh Công binh. Các cậu nay không ở trong quân ngũ nữa, nhưng thỉnh thoảng nên tìm gặp nhau, thăm hỏi động viên nhau, sống sao cho ra một Cựu chiến binh, một anh bộ đội Cụ Hồ. Các cậu cần gì cứ báo cáo lên Bộ Tư lệnh, mình và Hiệp sẽ đề nghị thêm. Bộ giải quyết giúp đỡ được càng hay.

Một lần anh Kế vốn lăn lộn ở bến phà Long Đại buồn bã cho tôi biết:

- Cậu Toàn cùng trong đội bọn mình nay sống còn khó khăn lắm, lam lũ, vất vả quanh năm.

Tôi hỏi:

- Toàn hiện ở đâu?

- Ở Mỹ Văn, Hưng Yên. Nếu các cậu muốn đi thăm Toàn, hẹn đi, tớ sẽ ra Hà Nội, dẫn các cậu về quê Toàn.

Tôi hội họp anh em Hà Nội vào một sáng chủ nhật tại nhà Khoa, để cùng đi thăm Toàn. Kế ở bên Đông Anh đã sang nhà tôi từ hôm trước để đi cùng. Toàn cũng vào Vĩnh Linh - Quảng Trị một ngày với tôi, cái ngày mặt đất từ bên kia đèo Ngang trở vào dày đặc bom đạn và mìn của kẻ thù. Trên các dòng sông, nhất là bến Xuân Sơn - Long Đại địch thả nhiều bom từ trường, chỉ hời sơ ý là nguy tới tính mạng. Làm cách nào để bắc được phà sang sông? Công binh khi ấy đề xuất kế hoạch mạo hiểm là dùng ca nô cho chạy với tốc độ cao gây sóng rung cho bom nổ. Trong đêm họp, Toàn đã xung phong nhận cái ca nô phá bom. Năm đêm, năm lần đổi mặt với cái chết, năm lần trước khi nắm tay anh em chào tiễn biệt với khuôn mặt bình thản, tự tin, Toàn đã phá được 27 quả bom từ trường. Nhiều lần anh bị bom nổ hất tung lên trời, rơi xuống nước, anh lại vùng lên nín thở lái tiếp chặng khác. Cái chết không làm anh khiếp sợ. Anh chỉ nghĩ đến đoàn xe, pháo cần phải qua sông tiêu diệt quân thù. Anh có trái tim thép trước gian nguy nhưng ấm tình thương đồng đội và trái tim ấy đã chiến thắng. Chiếc ca nô anh Toàn lái phá bom từ trường mang tên “Bất khuất”, hiện đang đặt tại Bảo tàng Bộ tư lệnh Công binh. Người chiến sĩ anh hùng ấy hiện nay đang sống trong cảnh nghèo túng. Những năm tháng ở chiến trường nhiễm “chất độc” đã khiến con gái Toàn không bình thường. Cháu đau yếu, quặt quẹo luôn. Toàn có một em trai là liệt sĩ, mẹ già yếu đã ngoài bảy mươi tuổi. Anh nuôi con đau ốm, lại nuôi cả mẹ già với hai bàn tay trắng. Từ ngày về phục viên, Toàn không nề hà công việc gì để kiếm tiền nuôi con, nuôi mẹ. Người làng cần thợ cày, thợ gặt, người đi phun thuốc trừ sâu ngoài đồng, gánh gạch kéo xe bò, gọi đến là nhận liền,

cho dù việc nặng ảnh hưởng đến sức khỏe của anh...

Đến đầu làng Lương Tài, chúng tôi gặp mấy bác nông dân hỏi thăm nhà anh Toàn, các bác chỉ ngôi nhà nhỏ nói:

- Toàn hử? Toàn gia đình liệt sĩ hử? rồi bác nói giọng bùi ngùi:

- Khó khăn lắm các chú ạ, nhưng con người tốt bụng lắm, cứ ai nhờ cậy công việc gì anh đều giúp đến nơi đến chốn. Đúng là một anh bộ đội Cụ Hồ.

Mỗi người một chút quà mọn, Khoa tình ý lúc nghỉ ở Như Quỳnh, tranh thủ mua thêm cân đường, hộp sữa. Đó là tình cảm chúng tôi đến thăm đồng đội cũ.

Toàn nhận ra từng người trong chúng tôi, loay hoay mãi anh mới trải được chiếc chiếu ra giữa nhà mời chúng tôi ngồi, cảm động đến rưng rưng nước mắt.

Toàn nói:

- Sau khi phục viên về xã, mình cố gắng lao động phục hồi kinh tế gia đình. Đảng uỷ, Uỷ ban xã cũng tạo điều kiện để giúp đỡ nhưng do gia đình thiếu người trụ cột, quá túng thiếu, một phần vì sức khỏe suy sụp, hơn nữa không có bột thì làm sao gột nên hồ, các cháu và mẹ tôi đau yếu luôn, nên cứ lần bán mãi, các anh biết mà về thăm, cũng là nguồn an ủi rồi.

Chúng tôi cảm thông nói:

- Dù sao anh em tôi cũng còn khá hơn anh anh, cần gì cứ nói, nếu giúp được chúng tôi sẽ cố gắng. Tình đồng đội cũng có trước có sau. Anh dám quên mình lái ca nô phá bom cho công binh bắc cầu phà, giờ anh gặp khó khăn chẳng lẽ anh em quên được sao?

Toản nói thành thật:

- Ở chốn thôn quê này, làm nông nghiệp giá như có một con bò để cày ruộng nhà mình, và ai nhờ mình cày thuê thì tốt biết bao nhiêu, nhưng giá một con bò bạc triệu, làm sao tôi có được.

Ở nhà Toản ra về, chúng tôi bàn nhau, ai có nhiều góp nhiều, ai có ít góp ít, cùng giúp Toán. Thế là anh em góp được số tiền kha kha mua một con bò, một bộ cày, bừa và đôi lợn giống, dăm đàn gà, vịt tặng Toán; còn bao nhiêu để anh trả nợ Hợp tác xã khi Hợp tác xã cho Toán vay giải quyết khó khăn.

Nhân dịp Ban liên lạc Công binh 249 (nay là Công binh Sông Lô) tổ chức buổi gặp mặt, chiến sĩ cũ chúng tôi cũng được mời về dự: Anh em thấy nhau thật cảm động, như còn nguyên vẹn mối tình đồng đội ngày đi chiến dịch.

Trong cuộc gặp mặt đó Toán đã kể về chuyện được giúp đỡ trong sản xuất. Có người nghe chuyện cho rằng đây là một việc làm có thể nhân rộng trong đời sống cựu chiến binh Việt Nam. Trong cuộc đời quân ngũ của mình, người

chiến sĩ Công binh giống như các quân chủng khác đều gắn bó thương yêu nhau như ruột thịt.

Tôi nhớ đến hình ảnh Tiểu đoàn trưởng Vũ Văn Tuất, người đã dắt dìu chúng tôi từ khi vừa bước chân vào lính, nhất là thời gian trong chiến trường ác liệt.

Chúng tôi tìm về quê ông. Đó là một làng cổ thuộc đất Hải Dương. Trên đường số 5, đến quán Gỏi, rẽ về ga Cẩm Giàng, chúng tôi đến Cẩm Sơn, nơi có ngôi đền thờ Lương y Tuệ Tĩnh. Ngôi đền này đã được Nhà nước công nhận và xếp hạng di tích lịch sử, hàng năm ngày 14 tháng 2 âm lịch, làng vào hội vui lắm.

Được một em bé dẫn đến nhà thì thấy ông già trạc gần bảy mươi tuổi đang ngồi bên một gáo lá. Tôi nhanh mắt nhận ra người chỉ huy cũ, vội reo lên:

- Thủ trưởng Tuất... chào thủ trưởng?

Vị lão nông sững người đứng dậy rồi chợt nhận ra chúng tôi là ai.

- Chúng mày... sao chúng mày biết tao ở đây mà tìm đến?

- Thế mới tài...

Nói xong, chúng tôi ôm chầm lấy vị thủ trưởng ngày nào.

Ông chỉ vào gánh lá:

- Chả là làng tao chuyên làm bánh gai, tao tranh thủ vừa hóng mát, vừa nhặt cho bà xã một ít lá.

Tiểu đoàn trưởng của chúng tôi đi bộ đội từ thời chống Pháp. Ông chiến đấu gan dạ, nhưng tính tình hiền lành, yêu thương chiến sĩ như con ruột. Ông nghiện thuốc lào, nên bao giờ túi ông cũng có gói thuốc lào. Ngày ấy, sau những giờ phút chiến đấu, chúng tôi lại đến bên cạnh Thủ trưởng. Ông thường cười hỏi:

- Các cậu lại xin thuốc lào chứ gì?

Chúng tôi gọi ông là bọ, (tiếng bọ trong Vĩnh Linh, Quảng Trị là bỗ).

- Bọ cho chúng con vài điếu kéo không có khói... buồn ngủ lắm. Tiểu đoàn trưởng hào phóng đưa cả gói thuốc “Độc lập”¹ (Thuốc lào Độc lập) mà ông vừa kiếm được cho chúng tôi để chia nhau hút.

Bây giờ Tiểu đoàn trưởng của chúng tôi đã là một lão nông, ông nói:

- Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tớ cũng ra quân sau các cậu ít ngày. Về đây... con trâu đi trước, cái cày đi sau, mình đi sau rốt, nghĩa là ở

đâu cũng phải làm việc các cậu ạ, có làm mới có ăn, không nên ỷ vào ai. Sau một hơi thuốc súng khoái ông tiếp tục:

- Mình cũng muốn anh em nên về thăm lại nơi mình đã từng vào sinh ra tử, vùng đất Vĩnh Linh - Quảng Trị ấy và vài nơi khác để cảm ơn chính quyền, đoàn thể và nhân dân đã đùm bọc bộ đội Công binh 249, nhân thể tìm lại dấu tích của đồng đội đã hy sinh.

Ông vừa nói vừa rót nước mời chúng tôi. Ông mở gói thuốc Lào cười khà khà:

- Bây giờ thì nhiều thuốc Lào rồi, tha hồ cho các cậu hút, cậu nào xin tở cho, vùng tở trồng nhiều thuốc Lào làm!

Là thanh niên Hà Nội gia nhập quân đội theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, suốt những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất, chúng tôi có mặt ở những nơi bom cày đạn xối, nơi đó đã nuôi nấng chúng tôi và nơi đó nhuộm máu thân thể của đồng đội tôi trong đó có tôi cùng những dấu chân in trên những cánh rừng, suối khe, dốc núi... Đó chính là Bình Trị Thiên.

Nỗi nhớ vùng đất ấy đã thấm vào da thịt chúng tôi lúc chúng tôi mới mười bảy mười tám tuổi nay đã gần tuổi năm mươi. Vùng đất này nhiều cảnh đẹp và lạ quá.

Bình Trị Thiên nằm trọn trong vùng nhiệt đới gió mùa hàng năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Diện tích bình Trị Thiên khoảng 18.340 ki lô mét vuông nơi sinh sống của 20 dân tộc: Kinh, Vân Kiều, Khua Rục, Tà Ôi, Sách, Thổ, Pa-cô... đông nhất là người Kinh. Bình Trị Thiên khi chưa tách

thành ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có hai thị xã lớn là: Đồng Hới và Đông Hà. Thành phố Huế là trung tâm của Bình Trị Thiên, xây dựng đã gần bốn trăm năm nay nằm trên hai bờ sông Hương xinh đẹp với câu ca:

Bốn bề núi phủ, mây phong

Mảnh trăng thiên cổ, bóng tùng vạn niên

Núi Mai Lĩnh bên bờ sông Thạch Hãn, mùa xuân rực rỡ mai vàng, núi Ngự Bình của Huế đẹp và thơ. Từ đỉnh núi Ngự ta ngắm dai cát trắng cửa Thuận, màu xanh thẳm của biển Đông, màu tím thẳm của Trường Sơn nguy nghi. Núi Bạch Mã đây ấp những tài nguyên thiên nhiên, là nơi nghỉ mát sánh ngang với Tam Đảo, Sa Pa, Đà Lạt.

Đèo Ngang, một thắng cảnh nổi tiếng, “cỏ cây chen đá, lá chen hoa”. Đứng trên đỉnh đèo có thể bao quát cả một vùng đồng ruộng, xóm làng, mũi Rồng lao thẳng ra biển và Vũng Chùa phẳng lặng, Đèo Lý Hoà dưới chân có bãi đá nháy, những mỏm đá chạy dài ra biển, có bãi cát ven bờ trắng mịn, hoa tứ quý bốn mùa đua nở. Đèo Hải Vân là “đệ nhất hùng quan”, núi non, sông biển liền nhau, đi trên đèo như đi trên mây.

Các động Châu Linh, Hai Lèn, hang Minh Tâm, động Phong Nha; trong đó Phong Nha là kỳ quan của đất nước. Vào năm 1968 bọn không quân Mỹ, đánh phá ác liệt miền Bắc ta. Động Phong Nha trở thành nơi cất giấu những chiếc phà lớn của Trung đoàn Công binh 249. Nhiều đồng đội của chúng tôi đã anh dũng hy sinh tại nơi đây. Trong lòng động Phong Nha còn có hang Cạn, hang Nước với 90 bia ký, những tượng thờ, bệ đá, thạch nhũ muôn hình vạn sắc lung linh.

Cảnh sắc vùng này thật là hùng vĩ, phong cảnh đẹp lại chứa đựng cả kho tài nguyên vô tận như: dạ hương, trầm hương, lim, gụ, trắc, kiền kiền, táu lai còn có tre, nứa móc, mây, song, cây thuốc, quả dâu nấu rượu. Các loại thú rừng ở đây cũng nhiều loại: voi, hổ, bò tót, tê giác, công, trĩ hươu, nai, gấu, khỉ, sóc bay...

Sông nước hữu tình, rừng thì giàu và đẹp. Bình Trị Thiên có hệ thống sông ngòi phân bố khắp nơi. Những sông Ròn, sông Gianh, sông Lý Hoà, sông Dinh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Hiếu, sông Mỹ Chánh, sông Lâu, sông Bo, sông Hương, sông Ruồi... bao nhiêu là sông. Sông Hương, từ những ngày lũ còn bốn thừa nước trong xanh, thoang thoang mùi thơm của các giống cây Thạch xương bồ, sâm rừng. Sông chảy qua ngôi chùa Thiên Mụ cổ kính, những xóm làng, vườn tược trù phú của Kim Long, Nguyệt Biều, Vĩnh Dạ... bao quanh cồn Giã Viên, cồn Hiến.

Sông Thạch Hãn nước trong thấu đáy, được đồng bào miền núi Tà Ôi truyền tụng như dải gương soi tỏ những tấm lòng son sắt thủy chung.

Sông Nhật Lệ xanh như ngọc bích, đoạn cuối chảy sát biển Đông qua trước thị xã Đồng Hới, nơi ngày xưa Nguyễn Du đã từng sống ở đây và hình ảnh sông đã ghi vào truyện Kiều.

“Buồn trông cửa biển chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa...”

Sông Gianh đẹp kỳ lạ, in bóng những lèn đá dựng đứng với trời nước mênh mông.

Ngoài hệ thống sông ngòi dày đặc, Bình Trị Thiên còn có những đầm phá nổi tiếng như Tam Giang, An Truyền Thanh Lâm, Cầu Hai, Lăng Cô. Đầm phá

nối liền với nhau thành một dải từ Vân Trình (Quảng Trị) đến Phú Lộc (Thừa Thiên). Đây là đầu nối của các dòng sông lớn như Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương, sông Truồi... Các đầm phá rộng đến bốn mươi ngàn héc-ta. Đây là vùng bờ biển độc đáo của miền Trung - nước lợ mặn cho nguồn hải sản phong phú như: rau câu, tôm, cá...

Những cửa biển, và bãi biển nơi đây đẹp như Cảnh Dương, Lý Hoà, Lăng Cô, Cửa Tùng, Cửa Việt, Nhật Lệ, Thuận An, Tư Hiền...

Ôi một vùng đất những dòng sông ấy hẳn còn in hình bóng những chiến sĩ Công binh 249 bắc cầu qua sông cho xe pháo ta vào chiến trường đánh giặc.

Sau nhiều ngày chuẩn bị, vào một ngày đầu thu; được sự giúp đỡ nhiệt tình của Bộ Tư lệnh Công binh, Đoàn Cự chiến binh Công binh 249 Hà Nội, nhập ngũ tháng 01/1972 lên đường đi tìm đồng đội. Trong tâm trí chúng tôi luôn hiện lên hình ảnh những đồng chí, đồng đội còn nằm lại bìa rừng, chân suối nơi chiến trường xưa, mà mọi người trong năm tháng chưa tìm thấy được. Qua dải đất miền Trung, mặt nắng nóng, gió Lào cuốn bụi đường mù mịt, mười anh em vẫn hăm hở như thừa nào ra trận.

Trên chặng đường đi, đoàn chúng tôi gặp các trạm kiểm soát vé cầu đường từ Hà Nội đến Đông Hà, nơi nào xe chúng tôi qua đều được các anh, các chị cảm thông với việc chúng tôi đi tìm đồng đội đã nhường đường cho xe chúng tôi đi trước, không quên nhắc lại câu “Cố tìm được anh em đồng đội mình nhé!”. Thật là cảm động, chính những câu nói đó đã động viên nhắc nhở và thôi thúc chúng tôi hơn. Trong tâm trí mỗi người trào dâng một tình cảm mãnh liệt.

Vượt chặng đường 500km, chúng tôi đến thị trấn Hồ Xá để về Cửa Tùng, nơi đã để nhiều dấu ấn sâu sắc về sự hy sinh mất mát của những người lính công

binh một thời chiến tranh ác liệt. Được các đồng chí công an thị trấn Hồ Xá giúp đỡ, xe đến Cửa Tùng thì trời đã vào đêm. Vẫn như hai tám năm về trước, tiếng sóng vỗ rì rào, những đợt sóng có chất lân tinh đập vào mòm đá tung bọt trắng xoá, chỉ khác xưa là nay không còn nữa những đợt máy bay gầm rít trút bom, những chiếc tàu chiến ngoài khơi thường xuyên rình rập để pháo kích vào cửa biển, hòng chặt đứt hướng tiếp viện của ta. Giờ đây những ánh điện hắt ra từ những ngôi nhà, và những con thuyền phía cửa sông toả ánh sáng xuống mặt nước như muôn vì sao sa.

Bình minh hôm sau, tạm biệt Cửa Tùng, xe chúng tôi qua cầu Hiền Lương. Cây cầu đã để lại cho chúng tôi bao kỷ niệm trong những ngày đầu chiến dịch, khi đó đơn vị chúng tôi có nhiệm vụ phải bắc được cầu qua sông Bến Hải để quân và dân ta giải phóng Quảng Trị tiếp viện cho mặt trận phía trong. Rồi cũng thật vinh dự và tự hào cho những người lính trẻ Hà Nội, được bắc lại cây cầu Hiền Lương khi Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Giờ đây chúng tôi đang đứng trên địa điểm cũ, cây cầu chính tay mình bắc đã được thay bằng cây cầu to lớn, vững chắc hơn, đánh dấu sự trưởng thành lớn mạnh của ngành cầu đường Việt Nam, sau bao nhiêu năm chiến tranh ác liệt.

Đến thị xã Đông Hà, ngược đường số 9, chúng tôi đến Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị. Tiếp chúng tôi là đồng chí Trung tá trực ban Tỉnh đội. Anh hồ hởi bắt tay từng người như chính người thân của anh vậy, rồi anh làm thủ tục hướng dẫn cho chúng tôi những nơi cần đến.

Dọc theo quốc lộ 9, chúng tôi đến Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ. Sau khi biết lịch trình và chuyển đi của Đoàn, Văn phòng huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy Quân sự huyện Cam Lộ đã bố trí nơi ăn nghỉ cho anh em thật là chu đáo.

Đêm nghỉ ở Cam Lộ, anh em đi đường quá mệt đều đã ngủ yên, riêng tôi vẫn thao thức về vùng đất này.

Huyện Cam Lộ nằm trên một địa bàn chiến lược, tập trung nhiều điểm giao lưu; ba mặt bao bọc bởi vành đai núi đồi với các cao điểm liên hoàn có thể khống chế và hỗ trợ cho nhau. Cam Lộ là vị trí trọng điểm được ta cũng như địch rất chú ý. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến trường Cam Lộ - đường 9 là nơi độ trí, độ sức, quyết định giữa ta và địch, bên nào giành lấy và giữ vững được Cam Lộ chắc chắn sẽ chiếm nhiều ưu thế trên toàn chiến trường. Khi mới đặt chân vào Việt Nam, đế quốc Mỹ đã chú ý một phòng tuyến kiên cố nhất ở bờ Nam sông Bến Hải, bao gồm cả Cam Lộ để ngăn chặn phong trào Cách mạng của nhân dân ta, nhưng tất cả ý đồ của chúng đều thất bại. Hoang mang và cay cú sau những thất bại liên tiếp, từ các đạo luật phát xít “tổ cộng, diệt cộng”, “tìm diệt và bình định” đến chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ càng ra sức dùng vũ lực và nhiều âm mưu thủ đoạn nham hiểm nhất, nhằm buộc ta khuất phục. Nhưng càng khó khăn ác liệt, quân và dân Cam Lộ càng cố gắng vượt qua, giành thắng lợi, địch càng sa lầy càng thất bại nhục nhã. Học thuyết Ních-xơn, với chiến lược: “Việt Nam hoá chiến tranh” đã không cứu vãn nổi uy thế của Mỹ trên chiến trường, ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng suy sụp. Chắc chắn những ai được chứng kiến cảnh thảm hại của Mỹ Ngụy sau cuộc hành quân “Lam Sơn 719” sẽ khó quên được hình ảnh những toán quân tháo chạy trên đường số 9, nhếch nhác và thảm hại đến nhường nào. Càng thất bại càng cay cú, đó là bản chất của bọn hiếu chiến và kẻ luôn cậy vào sức mạnh vật chất. Thua đau trong các cuộc càn quét, địch càng ra sức xây dựng các căn cứ phòng ngự trên địa bàn Cam Lộ-Gio Linh như Dốc Miếu, Quán Ngang, Bái Sơn, Động Toàn, Ba Hồ, Cao điểm 241, Phu Lơ... Mặt khác, hàng ngàn quân cùng nhiều loại vũ khí hiện đại nhất, tân tiến nhất cũng được ồ ạt tăng cường cho phòng tuyến này. Trên mảnh đất Cam Lộ bé nhỏ chưa đầy 70 cây số vuông nhưng có khi đến hàng vạn tên địch, có vùng một người dân có ba tên lính, vùng ít nhất cũng bình quân hai tên lính trên một người dân.

Về phía ta, sau những cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968, chiến nhãng ở đường 9 Nam Lào, phong trào cách mạng của nhân dân trong huyện phát triển rất cao từ nông thôn đồng bằng đến miền rừng núi, ngay cả trong vùng địch tạm chiếm, phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh

vũ trang, đấu tranh binh vận dấy lên đều khắp. Phong trào diệt ác phá kềm, nhiều nơi diễn ra giữa ban ngày, bọn địch kể cả ác ôn và tề điệp đều rất hoang mang run sợ. Nếu chiến khu (Cửa) là căn cứ địa Cách mạng trong hai cuộc kháng chiến thì ngay ở vùng đồng bằng sát bên nách kẻ thù, ngay kề bên hàng rào đồn bốt của chúng, cơ sở Cách mạng vẫn được xây dựng và đã góp phần rất lớn vào chiến thắng hôm nay. Các “căn cứ lớn” của ta ở vùng Cam Thủy - Cam Thanh - Cam Hiếu - Cam Giang đã là những nơi xuất phát của quân ta đánh cho địch nhiều phen bạt vía kinh hồn.

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/3/1972, lực lượng pháo binh của ta đồng loạt nổ súng trút bão lửa vào căn cứ địa phòng ngự bên ngoài của địch như cao điểm 544, Đồng Toàn - Quán Ngang - Đầu Mầu - Dốc Miếu - Cồn Tiên - 241... Bị đánh bất ngờ và dồn dập quân Ngụy đồn trú ở các căn cứ này vô cùng hoang mang và hoảng hốt, toàn bộ tuyến phòng thủ bên ngoài của địch bị hỏa lực pháo binh ta tiêu diệt hoàn toàn. Từ cánh Bắc, Trung đoàn Bộ binh 26 quân Giải phóng bất ngờ tấn công diệt gọn tiểu đoàn 2 - Trung đoàn 56 ngụy đang trên đường đến thay quân tiểu đoàn 1 đóng ở cao điểm 288; đồng thời diệt gọn căn cứ Phú Lợ. Thừa thắng quân ta tiến công chiếm động Toàn. Như vậy, hai căn cứ quan trọng của địch đã bị vô hiệu hoá ngay từ đầu. Sư đoàn 3 bộ binh Ngụy bị ta đánh những đòn trời giáng và hoàn toàn bị tê liệt, cánh cửa sắt trên đường số 9 đã mở. Sáng 31/3 bộ đội chủ lực phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương diệt một số vị trí án ngữ của địch, khống chế đường 9 và tiến vào bao vây chi khu Cam Lộ. Từ Ái Tử, địch tung Trung đoàn 7 thủy quân lục chiến đến ứng cứu cho mặt trận đường 9 bị quân ta tiêu diệt ở đèo Cù. Trên cánh Tây, Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 của ta triển khai lực lượng ào ạt tấn công tiêu diệt gọn lực lượng phòng thủ của địch ở Ba Hồ, Ba Tum, đánh chiếm Đầu Mầu vào lúc 12 giờ 30 phút, ngày 31/3, chiều 1/4 quân Giải phóng chiếm động Toàn. Chỉ trong hai ngày tấn công như vũ bão, quân ta đã phá vỡ tan tành một loạt cứ điểm vòng ngoài phía Tây của địch. Hốt hoảng và run sợ đến cùng cực, trưa ngày 4/4 Trung tá Phạm Văn Đính – Trung đoàn trưởng 56 quân Ngụy cùng toàn bộ ban chỉ huy và quân lính lũ lượt kéo cờ trắng ra hàng, quân Ngụy ở chi khu Hướng Hoá, Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến đóng ở đồn Mai Lộc bị pháo binh ta trút xuống những cơn bão lửa, thấy không có khả năng kháng cự nổi đã rút chạy toán loạn, bị quân ta chặn đánh, quan quân nháo nhác, hồn xiêu phách lạc. Phối hợp với

đòn tấn công như trời giáng của bộ đội chủ lực, được sự hỗ trợ kịp thời của lực lượng địa phương, quân dân và du kích, ngày 1/4 quân chúng vùng Củi đã nổi dậy, phá khu tập trung, áp chiến lược giành quyền làm chủ. Ngay sau đó, qua những tờ báo địa phương chúng tôi được biết. Vào những năm 70 trong quân đội Ngụy quyền Sài Gòn, Trung tá Phạm Văn Đính nổi lên như một ngôi sao. Mới 30 tuổi đã đeo lon trung tá, chỉ huy một trung đoàn. Các cố vấn Mỹ và Tướng Ngô Quang Trưởng - Tư lệnh vùng 1 chiến thuật rất tin tưởng, đánh giá Phạm Văn Đính là một chỉ huy có năng lực, đầy triển vọng... Sinh ra và lớn lên tại Huế, lúc còn nhỏ, Đính được gửi vào học ở Trường dòng Pellerin; sau đó học tại Trường sĩ quan của quân đội Việt Nam Cộng hòa, năm 1963 tốt nghiệp ra trường được điều trở lại vùng 1 chiến thuật với lon thiếu úy (trên bản đồ tác chiến của quân đội Ngụy Sài Gòn từ Đà Nẵng đến Quảng Trị được coi là Vùng 1 chiến thuật). Trải qua các đơn vị chiến đấu, từ một Đại đội trưởng Đại đội Hắc Báo thuộc Sư đoàn 1, đến năm 1967, Đính được bổ nhiệm là Tiểu đoàn trưởng kiêm Quận trưởng Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, kiêm Chi khu trưởng Chi khu Quảng Điền. Trong quãng thời gian này, Đính được quân đội Ngụy Sài Gòn cử đi du học và tập huấn ở một số nước. Năm 1969, Đính được thăng hàm trung tá và được điều động về làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 54, Sư đoàn 1. Năm 1972, làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 56, Sư đoàn 3, Vùng 1, chiến thuật đóng tại căn cứ Carroll.

Năm 1972, Mỹ - Ngụy đã huy động một lực lượng tối đa với các loại vũ khí hiện đại tấn công thành cổ Quảng Trị với mục đích cầm bằng được lá cờ của Ngụy quyền Sài Gòn lên Thành cổ để gây sức ép với đoàn đàm phán của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam tại hội nghị Paris.

Trong 81 ngày đêm, mảnh đất Quảng Trị bị cày xới nóng ran bởi bom đạn và khói súng. Mỹ - Ngụy đã ném xuống Thành cổ Quảng Trị số lượng bom với sức công phá bằng 7 quả bom nguyên tử mà Mỹ đã ném xuống Hiroshima - Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ II. Để bảo vệ Thành cổ, Quân Giải phóng và quân Ngụy Sài Gòn giành nhau từng tấc đất, cuộc chiến diễn ra ngày càng khốc liệt. Tư lệnh Vùng 1 chiến thuật - Tướng Ngô Quang Trưởng lệnh cho Sư đoàn 3, trực tiếp là Trung đoàn 56, chuẩn bị tấn công đánh chiếm Thành cổ Quảng Trị. Trước tình hình trên, Trung tá Phạm Văn Đính - Trung

đoàn trưởng Trung đoàn 56 đã triệu tập gấp chỉ huy của 11 đơn vị trực thuộc tại phòng hành quân. Sau khi đánh giá, phân tích tình hình, ông đã kêu gọi toàn bộ sĩ quan, binh sĩ trong Trung đoàn buông súng trở về với Quân giải phóng để tránh hy sinh không đáng phải xảy ra. Với uy tín của mình, gần một ngàn sĩ quan, binh sĩ đã tự nguyện theo ông vượt chiến tuyến ra Bắc an toàn. Sự kiện xảy ra đã gây chấn động dư luận, làm đau đầu giới chóp bu Sài Gòn lúc bấy giờ. Còn các nhà bình luận, các cố vấn quân sự phương Tây cũng phải tốn khá nhiều giấy mực về sự kiện này. Năm 1975, đất nước hoàn toàn giải phóng, gia đình đoàn tụ, ông mới biết cái hôm cùng anh em trở về với Cách mạng, vợ ông mới sinh con được năm ngày. Thời gian sau, ba mẹ con đã làm hộ chiếu qua Pháp, định từ đó về miền Bắc sống với chồng nhưng do trục trặc, vì vậy không đi được. Xét công lao đã đóng góp cho Cách mạng, Đảng uỷ Quân sự Trung ương họp đề nghị phong quân hàm Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam cho ông. Năm 1994, ông được phong quân hàm lên Thượng tá1 (Theo báo An ninh Thế giới).

Không còn trông mong gì vào lực lượng phòng ngự, bọn Ngụy quyền ở chi khu Hướng Hoá, tập trung ở Cửa bỏ mặc tình thế bám chạy theo đoàn quân thất trận. Bằng những đợt tấn công dứt điểm, ta đã hoàn toàn làm chủ tình thế, sau khi san bằng những cứ điểm vòng ngoài, ta tiến đánh chi khu Cam Lộ. Tại đây, lực lượng du kích Cam Mỹ đã phối hợp với quân chủ lực Sư đoàn 390 đánh vào các vị trí của địch ở An Mỹ, phối hợp với một mũi đặc công (Đại đội 12) đánh tan Đại đội bảo an, trung đội dân vệ, đập nát bộ máy tề ngụy, tạo thế cho chủ lực ta tấn công quận lỵ Cam Lộ, đánh vào khu tập trung Tân Trường, giải phóng quận Trung Lương. Vào lúc 16 giờ ngày 2/4/1972 ta hoàn toàn làm chủ quận lỵ Cam Lộ, cờ Cách mạng phấp phới tung bay trên bầu trời quê hương. Tại khu A lực lượng du kích Cam Giang, Cam Thanh, Cam Thủy cùng với đại đội 14 bộ đội địa phương, ba đội biệt động huyện đánh vào khu tập trung An Lạc, An Bình, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, tạo thế cho chủ lực đánh Đông Hà. Chiến sự của khu D cũng không kém phần sôi động, lực lượng du kích Cam Hiếu, Cam Thủy phối hợp với an ninh huyện tiến công giải phóng khu tập trung Vĩnh Đại, khẩn trương đưa dân sơ tán ra phía Bắc sông Hiếu, dùng mìn tiêu diệt hai xe và hàng chục tên địch, chia cắt tuyến giao thông của địch trên đường số 9. Bên cạnh quân dân Cam Lộ trong chiến dịch tiến công và nổi dậy Xuân

1972 có sự hỗ trợ và hiệp đồng chiến đấu rất đặc lực và có hiệu quả của lực lượng vũ trang, quân và dân thị xã Quảng Hà. Du kích Triệu Thượng, Triệu Ái đã phối hợp với biệt động Quảng Hà chặn đánh tàn binh địch từ Cửa về, diệt tại chỗ 22 tên, bắt sống 4 tên, hạn chế khả năng thu quân củng cố lực lượng của địch để phản kích trở lại. Mặt khác sự phối hợp chặt chẽ giữa hai mặt trận Cam Lộ và Quảng Hà đã cắt đứt được tuyến giao thông tiếp ứng của địch đối với mặt trận phía Tây.

Thắng lợi giòn giã của cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1972 giải phóng hoàn toàn Gio Cam đã ghi một dấu ấn đậm nét trong lịch sử, cục diện chiến trường đã nghiêng hẳn lợi thế về phía ta. Quân Ngụy từ thế phòng ngự tác chiến chuyển qua bị động, lúng túng và bị đánh dồn dập đã phải bỏ chạy, co cụm lại ở những phòng tuyến hoả lực mạnh.

Góp vào chiến thắng lớn này là Sư đoàn chủ lực 304-308-224-325-390, Trung đoàn Công binh vượt sông 249... đã dũng cảm mưu trí tấn công địch, tạo ra những tình huống thuận lợi nhất để quân và dân Cam Lộ đứng lên giành chính quyền làm chủ giải phóng quê hương. Trong thắng lợi của gần 18 năm kiên trì chống Mỹ mà đỉnh cao là thắng lợi của chiến dịch 1972 của quân dân Cam Lộ có sự đóng góp chi viện hết mình của đồng bào cả nước, đặc biệt là của quân dân Vĩnh Linh hậu phương vững chắc và thủy chung, có sự phối hợp nhịp nhàng và ăn ý của quân dân Gio Linh, Đông Hà, thị xã Quảng Trị, Triệu Phong, Hải Lăng và đồng bào các dân tộc.

Chúng tôi trở về Cam Lộ là trở về với quá khứ vinh quang và oanh liệt của một vùng đất. Từ lâu địa danh Cam Lộ đã thật sự gần gũi với mỗi người dân Quảng Trị. Trải qua biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử, Cam Lộ đã từng bao lần thay đổi địa danh, địa giới. Nếu không kể thời tiền sử xa xăm thì đất Cam Lộ không thuộc vào bản đồ Việt Nam vào đời Lý - Trần. Từ đời Lê về trước quen gọi là ngàn (nguồn). Cam Lộ, theo Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, dưới thời Lê Trung Hưng, Cam Lộ là một xã thuộc tổng An Lạc của huyện Đăng Xương. Đầu niên hiệu Gia Long, Cam Lộ được đổi thành Giao. Năm Minh Mạng thứ 12 (1838) đổi thành Phủ. Khi quân Xiêm La đánh Vạn Tường và xâm nhập vùng biên giới, vua Minh Mạng sai thống chế Phạm Văn

Điền, Kinh tượng vệ uỷ Lê Văn Thuỷ giữ mặt Cam Lộ và hành quân giáng cho quân Xiêm nhiều phen hoảng loạn. Năm Tự Đức thứ 13 (1850), Châu Hương Hoá được đổi thành Thành Hoá và năm 1852 lại đặt thêm tổng Cam Đường lấy từ 32 xã, thôn của huyện Địa Linh, Thuận Xương và Hải Lăng nhập vào. Sau này năm Tự Đức thứ 29 (1876) lại đặt phủ Cam Lộ. Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thời nay đất Cam Lộ luôn gắn liền với những sự kiện, những nhân vật, những chiến công oanh liệt. Trong lịch sử người dân Cam Lộ còn nhớ mãi cuộc kháng chiến chống quân Minh của Lâm Mộc và Chu Viên. Còn khi hùng binh của phong trào Tây Sơn dưới ngọn cờ đào của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ kéo ra Bắc đại phá quân Thanh vào mùa xuân năm Kỷ Dậu thì đã có người con của quê hương Cam Lộ - Trung Lang Tướng quân Hoàng Kim Hùng cùng hơn nghìn quân tiếp ứng. Nói đến Cam Lộ không ai không biết đến căn cứ Sơn Phòng Tân Sở kinh đô kháng chiến của phong trào Cần Vương, kêu gọi các sĩ phu yêu nước và nhân dân đứng lên chống thực dân Pháp. Khoá Bảo Sử Bá, Cử Nghệ đã lãnh đạo nhân dân Cam Lộ hưởng ứng lời hịch Vương với tất cả nhiệt tình và trái tim yêu nước. Năm trong bối cảnh chung của lịch sử những thất bại của phong trào văn thân yêu nước vẫn không làm nhụt trí đấu tranh chống Pháp của nhân dân Cam Lộ vì độc lập tự do và hạnh phúc của non sông. So với nhiều địa phương khác, Cam Lộ là huyện có Đảng Cộng sản ra đời sớm, năm 1930 chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện được tổ chức ở Tân Tường và An Hưng, cuối năm 1930 ban huyện uỷ lâm thời của Cam Lộ cũng được thành lập cho đến hôm nay và mãi mãi về sau, tên tuổi và công lao của những người chiến sĩ Cộng sản kiên cường như: Hồ Chơn Nhơn, Hồ Xuân Lưu, Phan Thị Hồng... sẽ mãi mãi được ghi nhận như những người khởi đầu trong lịch sử đấu tranh của quê hương Cam Lộ kể từ khi có Đảng. Và thế là từ đây, dưới lá cờ vinh quang của Đảng, nhân dân Cam Lộ đã vượt qua muôn vàn gian khổ, viết lên những trang sử vẻ vang, làm rạng rỡ thêm truyền thống Cách mạng kiên cường của quê hương, đất nước.

Trong khí thế long trời lở đất, ngày 25/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Cam Lộ đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền, phá tan xiềng xích nô lệ đã đè nặng lên cuộc đời lam lũ biết bao người. Từ vùng Cù xà xôi cho đến các thôn làng dọc đường 9, đường số 1, cờ đỏ sao vàng phần phật tung bay trước gió. Nhưng một lần nữa, nhân dân Cam Lộ lại phải đứng lên

làm cuộc chiến trường kỳ 9 năm chống Pháp, với ý chí “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Một phong trào kháng chiến sôi nổi diễn ra trong toàn huyện, trên đường số 9 anh hùng nhiều chiến công vang dội của quân dân Cam Lộ đã làm cho địch khiếp vía. Đường số 9 trở thành “con đường không vui” của thực dân Pháp. Nhân dân vùng chiến khu Cù đã thực hiện “vườn không nhà trống”, “tiêu thổ kháng chiến” gây cho địch nhiều khó khăn và thất bại mỗi khi chúng đến vùng đất này. Nhớ lại những ngày tháng oanh liệt đó, nhiều người dân Cam Lộ hôm nay không sao quên được hình ảnh cao đẹp của anh chiến sĩ Vệ quốc đoàn trong đoàn quân Nam tiến vào chi viện cho chiến trường Quảng Trị, đó là những chàng trai trẻ, những thanh niên trí thức yêu nước của quê hương Thanh - Nghệ - Tĩnh, Quảng Bình mang vận nước mà “bỏ bút nghiên theo việc binh đao” đó là những đoàn dân công quân nân áo vải nhuộm bùn, áo tơi nón lá phục vụ chiến trường không mệt mỏi. Đó là những giáo viên - chiến sĩ bình dân học vụ, đêm đêm miệt mài bên ngọn đèn dầu leo lét, trong những căn hầm lán đơn sơ tham gia “diệt giặc đói”, đem ánh sáng và niềm tin vào chế độ mới đến với mọi người dân lao khổ. Nhiều người con trăm miền đất nước đã đến với Cam Lộ trong những ngày gian khó. Không ít trong số họ đã vì đạo lý mà quên mình.

Bài học của Cam Lộ mới sống động làm sao! Trong những ngày đen tối và ảm đạm, dưới ách cùm kẹp của Mỹ - Ngụy trong mạng lưới bủa vây ráo riết của địch, có những lúc cả huyện chỉ sót lại hai đảng viên hoạt động đơn tuyến, nhưng với tấm lòng trung trinh, một lòng một dạ theo Cách mạng, nhiều mẹ, nhiều chị ở Cam Giang, Cam Thanh, Cam Thủy, Cam Hiếu, vùng Cù đã vượt qua hàng rào kìm kẹp, trấn áp của giặc tìm đến với Cách mạng, đến với Đảng, mang niềm tin son sắt vào một ngày mai. Cảm động biết bao nhiêu hình ảnh những em bé chăn trâu đã lặn lội vào rừng mang những nắm cơm, lọ muối, mang những tin tức đến cho cán bộ ta, mang niềm tin và tình cảm thủy chung của quần chúng gửi gắm vào Đảng, vào thắng lợi cuối cùng của Cách mạng. Nhưng cũng chính trong những ngày đen tối đó, Đảng vẫn kiên trì bám trụ xây dựng phong trào, có những lúc mất liên lạc, bị địch truy lùng, nhiều người đã phải ăn rau rừng, củ chuối thay cơm hàng tháng để nuôi dưỡng ngọn lửa đấu tranh, không để dân mất lòng tin và phương hướng đấu tranh. Mãi mãi trong trái tim của người Cam Lộ không sao quên được hình

ảnh đồng chí Nguyễn Quật, đồng chí Mai Chiến Cường... bất chấp sự lúng lúng, khủng bố của địch vẫn lăn lộn với phong trào, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và hy sinh anh dũng. Và có lẽ cũng chính từ những tấm gương và trái tim yêu nước, những hy sinh to lớn đó đã thắp lên ngọn lửa đồng khởi tháng 7 năm 1964 ở Cửa và nhiều nơi khác trong toàn huyện. Đó cũng chính là những phát pháo hiệu đầu tiên mở màn cho phong trào nổi dậy của quần chúng trong những năm 1968 và đỉnh cao là mùa xuân 1972 sau này.

Nói đến Cam Lộ làm sao chúng ta có thể quên được những chiến công vang dội, những rất mát đau thương đầy anh dũng của mảnh đất này. Những năm kháng chiến chống Mỹ, mảnh đất và con người Cam Lộ phải chịu đựng tất cả những gì tàn khốc, ác liệt nhất của chiến tranh. Người dân Cam Lộ luôn thể hiện bản lĩnh và sức mạnh phi thường. Chính bản lĩnh và sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng dân tộc của nhân dân Cam Lộ đã bẻ gãy và làm tan rã sức mạnh vật chất của kẻ thù. Dù địch không ngừng tăng cường thêm quân thiện chiến, tăng cường thêm các vũ khí hiện đại, giết người hàng loạt, sử dụng nhiều chiến lược đồn dân lập ấp, xây dựng các khu tập trung, dùng hàng ngàn xe ủi cày trắng rừng núi, vườn tược xóm thôn cũng không ngăn cản được phong trào Cách mạng. Địch đã thất bại nhục nhã bởi vì chúng có thể rào được làng, được ấp nhưng chúng làm sao rào được lòng dân với Cách mạng, vì Đảng, Cách mạng không ở đâu xa lạ, mà ở ngay chính giữa lòng dân. Đêm đêm những ánh đèn dầu le lói từ trong các khu tập trung của địch ở Cam Giang, Cam Thủy, Cam Thanh, Cam Chính, Cam Nghĩa là những ngọn đèn tín hiệu báo cho du kích bộ đội ra vào hoạt động. Chiều chiều những tiếng sáo diều vi vu trên đồng nội chính là tín hiệu bình yên để quân ta tiến vào tiêu diệt địch ngay giữa sào huyệt chúng. Trong những chiếc mỗ bò, trong những chiếc gậy tre là những lon gạo, những mẩu tin tức từ cơ sở chuyển vào cho Cách mạng. Nói sao cho hết tấm lòng nghĩa tình, thủy chung son sắt của người dân Cam Lộ đối với Đảng với Cách mạng. Đó là hàng chục tấn gạo, hàng tạ muối, vô số thực phẩm các mẹ, các chị ở Cam Giang, Cam Thanh, Cam Thủy... chặt chiu dành dụm để tiếp viện cho Cách mạng. Đó là hàng chục quả mìn, hàng trăm khẩu súng, hàng ngàn viên đạn của các em bé chăn trâu lấy được của giặc vận chuyển cho kháng chiến. Đó chính là những căn hầm bí mật đào ngay dưới bàn thờ, bên cối giã gạo, ngoài bờ tre, giếng nước để anh em cán bộ, du kích và bộ đội ẩn nấp trong những năm tháng đánh Mỹ.

Vinh dự và tự hào cho thế hệ trẻ công binh 249 Hà Nội được góp phần nhỏ bé của mình trên các bến Than, bến Tắt, Hiền Lương, Cửa Tùng, Cửa Việt, ngầm Đầu Mầu, ngầm Đuối... tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các binh chủng hành quân thần tốc tiến vào giải phóng Cam Lộ - Quảng Trị.

Nghe kể rằng: Năm 1964, Cửa là ngòi nổ, mở đầu phong trào đồng khởi vùng đồng bằng Quảng Trị. Bằng ý chí quyết chiến, quyết thắng, bằng lòng căm thù giặc sục sôi, bằng những vũ khí thô sơ tự tạo nhân dân Cửa đã phối hợp với các lực lượng vũ trang quân khu tỉnh - huyện đập tan các cứ điểm của địch, giải phóng toàn vùng. Hàng trăm thanh niên xung phong vào các lực lượng cho phong trào Cách mạng trong huyện trong tỉnh.

Năm 1967, xã Cam Chính là đơn vị đầu tiên ở Quảng Trị được Đảng và Nhà nước tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Cay cú trước thất bại ở đây, kẻ địch đã tập trung tối đa lực lượng cảnh sát, phối hợp với quân Ngụy đồn trú tại chỗ, tiến hành các hoạt động tình báo với nội dung “cô Mai”, “Mai Sơn”, đánh phá ác liệt vào nội bộ Cách mạng, thực hiện thủ đoạn “tách cá ra khỏi nước” để đàn áp phong trào Cách mạng của nhân dân xã Cam Chính và cả vùng Cửa.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, một lần nữa nhân dân Cửa đã chiến đấu kiên cường, đánh bại mọi cuộc hành quân vây ráp của cảnh sát, hành quân thanh lọc của địch, tạo đà, tạo thế mạnh sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ mới.

Năm 1972, được sự hỗ trợ đặc lực của mũi tiến công quân sự, lực lượng du kích và nhân dân Cửa đồng loạt nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn lực lượng địch, giải phóng quê hương. Nhân dân Cửa đã tỏ rõ khí phách anh hùng, ý chí kiên cường bất khuất, chiến đấu không mệt mỏi, không quản ngại

hy sinh vì độc lập tự do. Hàng trăm người con ưu tú của nhân dân Cù đã anh dũng hy sinh.

Sau 28 năm quê hương giải phóng, nhất là sau 10 năm đổi mới, bộ mặt vùng Cù đã thay đổi nhanh chóng. Màu xanh bát ngát của hàng ngàn héc-ta cao su, hồ tiêu đã phủ kín xóm làng, đồi núi. Cơ chế kinh tế mới đã thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Từ một vùng đất chủ yếu là nông nghiệp đơn thuần, tự cung tự cấp, ngày nay người nông dân Cù đã biết phát triển kinh tế hàng hoá. Phương thức kinh doanh cũng năng động hơn nhiều. Mô hình kinh doanh tổng hợp phát triển trong mọi gia đình. Người nông dân không chỉ biết trồng trọt mà còn phát triển cả chăn nuôi. Không chỉ sản xuất nông nghiệp đơn thuần, mà còn biết phát triển cả lâm nghiệp, thương mại dịch vụ vận tải, dịch vụ cơ khí... Cuộc sống người dân vùng Cù hôm nay đã biết bao thay đổi, ánh điện lung linh toả sáng xóm làng. Đời sống văn hoá tinh thần được nâng cao rõ rệt. Không còn người mù chữ - trẻ em đều được tới trường. Một cuộc sống ấm no, hạnh phúc đầy hứa hẹn đang đến với vùng Cù.

Nhìn quang cảnh hôm nay với màu xanh hút mắt của vùng Cù, trong tôi trào lên những kỷ niệm của một thời máu lửa, một thời hào hùng ở một miền quê với những con người gang thép, kiên trung. Chính họ là những người đã viết lên những trang sử vẻ vang năm xưa. Và hôm nay cũng những con người ấy, những bàn tay cầm gươm, cầm súng ấy đang ngày đêm trăn trở, nhọc nhằn để vun đắp cho cuộc sống ngày một thêm đẹp, thêm tươi, cho quê hương mãi rợp màu xanh cây trái.

Tôi nhớ lại rất nhiều khuôn mặt đồng đội, hoặc những người tôi đã từng gặp suốt những năm tháng chiến tranh ác liệt. Họ là những đồng đội đang cùng tôi vào Cam Lộ - Quảng Trị thăm lại chiến trường xưa và tìm mộ anh em, những người đã rời chúng tôi ra đi vĩnh viễn, hiện đang nằm sâu dưới lòng đất vùng giới tuyến xưa, và còn ai nữa?... Nếu còn ai mà chúng tôi không liên lạc được để có mặt trong chuyến đi đầy ý nghĩa này, chuyến đi sẽ để lại

những kỷ niệm cảm động trong đời có thể sẽ là niềm nuối tiếc với họ, với cả chúng tôi nữa, vì dịp hội ngộ đã không trọn vẹn.

Mà đúng, có người chúng tôi không liên lạc được. Đó là Lê Quốc Lập - Lập trạc tuổi tôi - thế hệ lính chiến 1972 - nhà ở phố Lê Quý Đôn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Cũng như chúng tôi, Lập sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Cha anh là một cán bộ lão thành cách mạng. Chúng tôi nhập ngũ cùng một ngày, cùng qua những ngày huấn luyện. Trên đường vào Nam, Lập ở Trung đoàn Công binh 229 mở đường bộ, còn tôi về 249 là công binh vượt sông. Hôm hai anh em chia tay nhau, tôi dặn Lập:

- Chúng mình ra đi lần này không biết đến bao giờ mới trở về Hà Nội, chiến tranh ác liệt thế này, không biết ngày trở về, cái phố Lê Quý Đôn của cậu và Hà Nội của chúng mình chưa chắc còn nguyên vẹn. Dù sao, chúng mình đều quyết tâm chiến đấu Lập nhé!

Lập nắm chặt tay tôi, cười! Gương mặt Lập dưới nắng xuân Tháng Giêng năm 1972 ánh lên niềm vui thấy cả hàng râu tơ rung động, cậu thanh niên mới mười bảy tuổi nói vào tai tôi:

- Tớ với cậu thi đua lập công nhé. Ghi lấy địa chỉ của nhau để liên hệ, báo tin cho nhau biết thành tích và sức khoẻ nhé. Không có gì quý hơn độc lập tự do... Chúng mình quyết tâm chiến đấu, thắng Mỹ có phải ông trời đâu mà sợ...

Trên mặt trận Quảng Trị, công việc của chúng tôi hàng ngày trên cầu phà, suốt ngày đêm đối mặt với bom đạn của kẻ thù. Nằm trong hầm tôi mãi nghĩ đến công việc hôm sau, chẳng còn thì giờ nhớ đến Lập, đến lời hai đứa dặn nhau. Thật ra, chiến trường miền Nam bao la rộng lớn, biết bạn nơi đâu mà gửi thư, liên lạc, chỉ biết một lòng chiến đấu, mong sao cho chóng đến ngày

chiến thắng để có thể được gặp nhau. Ngay cả đến cha mẹ, anh em ở nhà cũng bật tin tôi...

Thế rồi, trời đất dun dủi làm sao, tôi lại được gặp Lập ngay trên đất Quảng Trị đầy bom đạn. Đêm ấy tôi đang cùng đồng đội vật lộn trên sông nước với chiếc phà 50 tấn để tăng, pháo và bộ đội qua sông Thạch Hãn. Trên đầu, ánh đèn dù pháo sáng Mỹ lập loè như ma trời treo lơ lửng... Trong đoàn quân sang sông ra mặt trận, thấp thoáng tôi nhận ra một dáng người có khuôn mặt quen thuộc. Tôi vội reo lên:

- Lập phải không?

Người lính tay phải quấn băng trắng, giơ cánh tay còn lành cầm mũ tai bèo vẫy vẫy.

Tôi mừng quá, hét to cho anh em trong đơn vị đang mỗi người một việc trên phà cùng nghe:

- Đúng thẳng Lập Lê Quý Đôn rồi chúng mày ơi!

Thanh “còm” đang nổ máy ca nô, ghìm phà nói vọng lên:

- Đúng là Lập Lê Quý Đôn rồi Cường “ốc” ơi!

Chúng tôi chạy lại, ôm chầm lấy nhau, mặc cho xa xa tiếng máy bay Mỹ gầm rú, pháo hạm trên tàu chiến địch vẫn ì ùng ngoài khơi. Thôi thì đủ chuyện trên đời. Lập cho biết đơn vị đang ở sâu bên trong. Lập có nhiệm vụ đưa một số anh em thương binh nặng ra tuyến ngoài; xong nhiệm vụ và bây giờ anh lại trở vào chiến trường. Lập nói: các cậu ở đây có phần dễ chịu hơn bọn tớ trong đó.

- Có thằng nào còn thuốc lá thuốc nào không - Lập hỏi.

Mấy anh em chúng tôi hè nhau, còn bao nhiêu thuốc lá, thuốc lào trong túi đều dốc hết để Lập đem vào cho đồng đội.

Mãi mê với công việc, chúng tôi lại bắt tin nhau. Mãi sau ngày Giải phóng 30/4/1975, tôi mới hay tin Lập đã bị thương nhiều lần trên đất Quảng Trị. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Lập ra quân rồi nhớ chiến trường cũ, mảnh đất mà tuổi trẻ đã chiến đấu và dâng hiến, Lập vào Sài Gòn lập nghiệp. Chúng tôi gặp lại nhau vài lần khi Lập về thăm Hà Nội và con phố cũ Lê Quý Đôn của anh. Đáng tiếc, trong chuyến đi tìm đồng đội đã khuất lần này của các cựu chiến binh Công binh 249 Hà Nội, những người ra đi năm ấy, lại không có Lập.

Đêm miền Trung, không ngủ được, trong sâu thẳm của tâm tư, tôi thấy nhớ cồn cào người bạn cũ. Tôi thầm nghĩ: Lập tuy ở tận Sài Gòn, những giá chúng tôi báo trước dự định đi tìm đồng đội trong chuyến đi này sớm cho Lập thì thế nào anh cũng về!

Lỗi tại tôi, đã không kịp báo cho Lập biết.

Gặp lại bà con sau bao năm, ai cũng tay bắt mặt mừng, thân thương như thấy

lại chính những đứa con mình. Những o du kích xưa nay đã là những bà mẹ, những đồng chí bộ đội địa phương ngày nào sát cánh cùng chúng tôi chiến đấu nay đã là cán bộ lãnh đạo Huyện. Qua những người từng gắn bó với chúng tôi trong những năm tháng ác liệt chúng tôi đã tìm được những ngôi mộ của đồng đội mình đã hy sinh trên đất Cam Lộ, Quảng Trị.

Dừng lại nơi chiến trường xưa, tôi vô cùng cảm động. Những ngày trên đất Quảng Trị - Cam Lộ - Huế - Đà Nẵng tới Sài Gòn, đã thôi thúc tôi viết nên những trang này.

Có được những suy tư vừa tạm dừng là nhờ những tư liệu chiến đấu của Đoàn Công binh Sông Lô, nhân dân Vĩnh Linh - Cam Lộ, cán bộ quân đội đã từng chiến đấu tại Quảng Trị - Vĩnh Linh. Trong đó đặc biệt có sự góp mặt của Đại tá Trần Danh Hoà, Đại tá Thân Thế Xương, Chính uỷ Trung đoàn 249, Đại tá Nguyễn Hữu Thu - Lữ đoàn phó Lữ đoàn 219, Đại tá Nhà thơ Tạ Hữu Yên, cũng đã giúp tôi rất nhiều về tài liệu và cách viết.

Tôi vô cùng biết ơn và cảm ơn tất cả, nhất là các bạn chiến đấu đã động viên và giúp tôi hàng năm trời để viết những dòng này.

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2001

BÙI VĂN CƯỜNG